



GIAI PHẨM XUÂN TÂN HỢI

**tập san VĂN
số 170 & 171**

GIAI PHẨM XUÂN TÂN HỢI



Paris * 01-2026

Ảnh màu : NGUYỄN CAO ĐÀM
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 170 & 171

GIAI PHẨM XUÂN TÂN HỢI

Tập san Văn * Năm thứ bảy
Số 170 & 171 ra ngày 15-01-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ bảy / số 170-171 /

Ngày 15-01-1971



GIAI PHẨM XUÂN TÂN HỢI

đọc trong số này :

1. Nguyễn Du **14**

Ký hữu, thơ – Quách Tấn dịch

2. Vũ Hoàng Chương **17**

Xuân đối diện, thơ

3. Đỗ Thúc Vịnh **21**

Biển cả trong lòng người, bút ký

4. Đông Xuyên, **39**

Bùi Khánh Đản : Hết tết ; Hoa
quang, thơ

- 5. Nguyễn Mạnh Côn** **42**
Cầm đồ bình dân, truyện ngắn
- 6. Trần Thị Tuệ Mai** **78**
Như đời trẻ dại, thơ
- 7. Vũ Bằng** **82**
Thương nhớ mười hai, bút ký
- 8. Trần Tuấn Kiệt** **119**
Vết hồng ; Đợt gió, thơ
- 9. Võ Hồng** **122**
Nhìn từ bóng tối, truyện ngắn
- 10. Mai Trung Tĩnh** **165**
Cảm xúc ; Đi trong mùa xuân, thơ
- 11. Mai Thảo** **169**
Tiếng động ngoài phòng khách,
truyện ngắn
- 12. Kim Tuấn** **214**
Mùa xuân rồi đó em, thơ

- | | |
|------------------------------|------------|
| 13. Thanh Tâm Tuyền | 218 |
| Bóng chiếc, truyện ngắn | |
| 14. Doãn Quốc Sỹ | 241 |
| Tùy bút đầu xuân | |
| 15. Lê Minh Ngọc | 249 |
| Xuân quê nhà, thơ | |
| 16. Nguyễn Thị Hoàng | 254 |
| Dòng sông chết, truyện ngắn | |
| 17. Hoàng Hương Trang | 294 |
| Xuân viết cho nhau, thơ | |
| 18. Dương Nghiễm Mậu | 298 |
| Từ trong mơ ước, truyện ngắn | |
| 19. Du Tử Lê | 331 |
| Sau ba mùa tắm tối, thơ | |
| 20. Trùng Dương | 338 |
| Buổi sáng ở đảo, truyện ngắn | |

- 21. Lý Minh** 376
Năm bài lục bát, thơ
- 22. Nguyễn Xuân Hoàng** 380
Ý nghĩ trên cỏ, truyện ngắn
- 23. Nguyễn Đình Toàn** 398
Tro than, truyện dài (tiếp theo)
- 24. Hạc Thành Hoa** 419
Đã qua những ngày mưa biếc, thơ
- 25. Nguyễn Quang Hiên** 421
Một ông sao sáng, truyện ngắn
- 26. Trần Phong Giao** 438
Đóa hồng trắng không gai, truyện ngắn
- 27. Hoài Tuyết Trang** 466
Bình thường ; Say ; Mộng, thơ
- 28. Tòa soạn VĂN** 468
Giải đáp thắc mắc

29. Thư Trung 485

và các bạn – Tin văn văn

BÌA : ẢNH MÀU NGUYỄN CAO
ĐÀM – VĂN THANH TRÌNH BÀY



Tòa soạn và Trị sự : 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T. : 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số
64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vương (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. : 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

**Chân thành cầu chúc bạn đọc
một Tết nguyên đán vui tươi
mở đầu một Năm Mới
thanh bình và thịnh vượng.
Tòa soạn Văn**

NGUYỄN DU

Ký hữu

Mạc mạc trần ai mãi thái không,

Bế môn cao chấm ngọa kỳ trung.

*Nhất thiên minh nguyệt giao
tình tại,*

*Bách lý Hồng sơn chánh khí
đồng.*

Nhãn để phù vân khan thế sự,

*Yêu gian trường kiếm quả thu
phong.*

*Vô ngôn độc đối đình tiền trúc,
Sương tuyết tiêu thời hợp hóa
long.*

Gởi bạn

*Đầy trời lớp lớp dậy trần hiêu,
Đóng cửa nằm cao tạnh sớm
chiều.*

*Chánh khí muôn thu ngàn Hống
vững,*

*Giao tình một mối bóng trắng
treo.*

*Chuyện đời ghé mắt mây lơ
lửng,*

Gươm báu cải lưng gió hắt hiu,

*Lặng lẽ bên sân nhìn khóm trúc,
Hóa rồng chờ thuở tuyết sương
tiêu.*

Quách Tấn

Vũ Hoàng Chương

Xuân đối diện

*Theo nắng trôi vàng bạc nổi
mây,*

Thương Xuân là cội Tết sa lầy.

*Sông Rồng bến Nghé đêm Trừ
tịch*

Phá vỡ vòng sao tự giải vây.

Mách cho Lã Vọng về đây.

Tha hồ câu, bến sông đầy tử thi.

Mách giùm cho cả Bá Di :

*Phương Nam còn ế rau Vi ngút
ngàn !*

*Thuyền Men ngựa Khôi nẻo Thời
gian*

Chẳng gặp ai về... Chợ đã tan ;

*Mai Cúc vắng tanh đường
Nguyễn Huệ,*

Chờ ta chỉ một Túy Ông Lan.

Chói tai đàn chẳng ra đàn

*Trống không thành trống, hỏi :
Giàn nhạc chi ?*

Ta rằng : Men thấy Khỏi phi

Sẵn đây, theo Nhạc cùng đi tới
nguồn !

Túy Ông ngồi rũ cánh Lan buồn
:

Nẻo ấy đầy xương chất máu
tuôn.

Thà đợi một Mùa Xuân Đích
Thực

Âm thanh Cuồng sát tự chìm
luôn.

Mơ Xuân giắc kẻ ngàn muôn ;

Chừ... say... lại nát rồi khuôn
Giả hình.

U hương chợt thoáng Chân tình

*Mới hay mình gặp chính mình
kiếp xưa.*

Vũ Hoàng Chương

Trên thềm Xuân Tân Hợi

(Tây-lịch 1971)

Đỗ Thúc Vịnh

Biển cả trong lòng người

Nắng ấm của buổi sáng hạ tuần tháng năm nơi đây làm anh nhớ lại mùa thu miền Bắc. Có khác đôi chút là cây cỏ mơn mớn, gió mát từ biển không quá hanh hao, và màu xanh biếc của nền trời Địa Trung hải trong sáng. Xe vọt khỏi đường dốc, quay đầu đậu bên gốc cây chặn đứng mồm đất cao, sát bờ vực.

Bước khỏi xe, anh đối diện ngay ngôi nhà mồ.

– A ! Mộ của mấy anh em Horace và Curiace đây mà.

Bạn anh mỉm cười :

– Anh đã coi rồi sao ?

– Cũng khoảng này năm ngoái.

Bạn anh thích thú, huyền thiên giải thích :

– Anh coi. Những phiến đá, những viên gạch, đều là từ thuở đó cả... Nơi đây là vũ đấu trường. Còn phía sau mình đứng là hồ Albano. Cuộc tranh hùng giữa Roma và Albano, kể hào hùng đấy chứ !... Nay thì qua hết rồi. Còn nắm mồ cổ lỗ, vô tri, cho du khách coi.

Mặt hồ Albano êm ả quá. Làn gió mang theo mùi thơm hắc thuần khiết của cỏ cây, bỗng như rót vào tai anh tiếng hét man rợ và lời đáp hào hùng qua kịch bản danh tiếng của Corneille. Âm vang dội lại sao mà náo nê ! Đã biết bao nhiêu anh em Horace, Curiace ngã trên chiến trường Việt Nam từ hai mươi lăm năm nay. Anh thương hại cho những tên đồ tể Horace. Anh ngậm ngùi cho biết bao nhiêu người anh em gục chết trong tình thương như Curiace. Anh dần giọng nhắc lại câu thơ bất hủ, như muốn theo tiếng vang trong gió :

– Albe vous a nommé. Je ne vous connais plus !

– Je vous connais encore et c'est ce qui me tue !

(Albe đã chỉ định anh. Tôi không còn biết anh nữa. – Nhưng tôi vẫn nhìn biết anh, và đó chính là điều làm chết lòng tôi !)

Người bạn đang cười nói, chừng hững hờ nghiêng :

– Chà ! Anh nghĩ chi mà cay cú vậy ?

– Đến những Horace và Curiace Việt Nam. Nhân loại có thể thật lười để giúp cho những con người không còn tình thương chiến thắng và ngự trị trên thế giới này chăng ? Thời đại chi mà kỳ lạ ! Thế hệ chúng ta đây mà không còn nhận ra được nhau, thì thế hệ con em chúng ta nhìn nhau với con mắt thế nào ?... A, chiến tranh hay hòa bình... Vô nghĩa hết, khi mà anh

em chúng ta còn không nhận được ra nhau...

Anh cười nhạt, kéo bạn lên xe.

– Thôi, ta đi coi nơi khác, anh.

Anh hạ kính xuống thấp cho gió mát lùa vào xe.

– Chúng ta giết nhau, giữa cái thế giới này... A, anh nhìn con đường trước mặt kia, với cảnh trí quanh đây. Thật cũng chẳng có gì là đẹp. Cũng chẳng có gì là trù phú. Nhưng nó khoáng khoáng, êm ả. Bởi vì ở đây thanh bình. Những kẻ sống trong thanh bình thường cứ quên kẻ khác, mà luôn luôn có những thái độ mâu thuẫn tột độ. Nghĩa là họ rất ích kỷ, hoặc quá ư lý tưởng đến độ không còn đủ khả

nàng để nhận định một cách thực tế...

Người bạn nhấn thêm ga ; xe lượn vòng lên núi.

– Rocco di papa. Anh đã biết lâu đài mùa hè của Giáo hoàng ?

– Chưa. Năm xưa chỉ chạy qua mỏm núi này mà không ngừng. Thôi, thế cũng đủ. Xem cho kỹ để làm gì ? Đồ vỡ hết rồi. Thế hệ chúng ta có còn một giá trị tinh thần nào nguyên vẹn nữa đâu ?

– Đúng. Tôi cũng có cảm nghĩ ấy hồi về thăm nhà, mấy tháng trước đây. Cho nên tôi thật mừng được gặp anh, để có cuộc đi chơi này. Hôm nay, tôi chỉ muốn có cái cơ hội hân hỷ cùng anh năm dài

dưới bóng cây trong một khu rừng nhỏ, như thời còn đi học...

Bạn phá lên cười chua chát.

– Để gối đầu tay, nhìn nằng qua khe lá, nghe tiếng chim hiền lành... Mà không phải nghĩ tới những hầm chông, những mìn bẫy, những nét mặt hằn thù rình rập nơi lùm cây, khe núi. Tôi sống ở xứ này bốn năm rồi. Đâu có phải là kẻ vong quốc. Ờ, mà cứ bảo bọn tôi là – lũ vong quốc đi, thì cũng chỉ là vấn đề tương đối. Vì xét về mức độ vong quốc, tôi chắc chắn có biết bao nhiêu kẻ sống ở nước nhà, bên này hay bên kia giới tuyến, thực tế ra còn vong quốc gấp ngàn triệu lần hơn tôi kia...

Xe chạy ngang mặt mấy tiệm ăn bên hồ.

– Anh đã biết nơi đây rồi, ngừng làm chi vô ích. Ra quá đầu kia, có Porchita, a, tôi muốn nói quán bán thịt heo quay, tôi vẫn mua quen mỗi khi đi “píc-níc”. Anh uống gì ? Thôi, uống rượu nho đi. Rượu ở đây ngon, và rẻ như nước suối mà...

Bạn đánh đu người nơi quày hàng, chăm chú nhìn con heo quay chín vàng đã rút hết xương, để chọn phần thịt cho chủ quán cắt.

– Thật ra tôi muốn ngưng ở dọc đường bên mấy lều nhỏ họ dựng tạm để bán cho du khách ngày chủ nhật, để anh có cảm tưởng như hồi nào ngừng lại trên con đường miệt

Thủ Đức..., song bữa nay chạy vòng quanh e họ bán hết, nên ghé đây mua cho chắc ăn... A, xứ sở người ta thanh bình.

Tiếng thở dài nối theo.

Anh lặng nghe, và lơ đãng nhìn cảnh vật chạy qua. Đồng nho, đồng lúa, rồi dọc theo vùng Ostia ven biển Địa Trung hải cho tới khi xe quẹo vào khu rừng hiền lành, rúc đầu vào một ngách hẹp trước khoảnh đất trống nhỏ.

Bạn ngả người trên lưng ghế, cười thoải mái :

– Nghỉ ở đây. Chỗ này thật lý tưởng.

Anh không nhớ rõ đã uống hai hay ba ly rượu. Anh lão đảo trái

rộng chiếc chiếu ni-lông bạn vớt cho anh.

– Chiếu ni-lông mua từ Sài Gòn đấy !

Anh chui nằm dưới mấy cành cây thấp, mắt nặng trĩu mà không sao ngủ được. Hơi mát lành lạnh. Nắng vàng tia qua kẽ lá. Vài tiếng chim khoan thai gần đầu đó. Một cành cây nhỏ là thấp trước mặt anh, rung rinh dưới gió. Và lác đác lá rớt bên anh. Hơi rượu bốc lên thành màn sương ngăn chặn mắt anh với cảnh vật. Anh tưởng chừng một buổi trưa đẹp trời nào đó ở vùng chùa Tiên xứ Lạng, ở ven sông Lô ngoài tỉnh lý Tuyên Quang, ở miền Đà Lạt khi mùi thuốc súng chưa phản bội... Những giây phút

gần với thiên nhiên, con người mới thật là con người. Anh trở mình, nằm úp sấp, để tầm mắt là sát theo mặt đất. Vài đám cỏ, những lá khô vô tri... A, nếu cái mặt đất này rải rác những hầm chông, mìn bẫy, những vỏ đạn, những hố bom ? Anh nhắm mắt lại. Có những đứa em, đứa cháu sống ở bên kia giới tuyến mà anh chỉ còn nhớ được nét mặt bụ sữa của chúng, hoặc chưa hề biết mặt. Những đứa con anh ngơ ngẩn khi nghe mẹ chúng nói đến hồ Gươm, đền Hùng... Làm sao mà anh em chúng nhận được ra nhau ? Hiểu được tiếng nói của nhau ? Lượng giá được nếp sống tình cảm của nhau ? Khi mà từ bên này sang bên kia, màu vàng đã biến thành màu đỏ, màu trắng biến thành màu đen ! Ô, Chiến tranh hay Hòa bình,

có nghĩa gì nhỉ ? Khi các lớp người, với thời gian, cứ xa thêm mãi.

Có bóng người chạy dài trên chiếu. Anh ngược mắt. Đứng ngay nơi bóng nắng, mặt bạn càng thêm đỏ.

– Say quá ! Uống thứ rượu chi mà say quá. Đây là đâu vậy ?

– Anh thấy rượu nho ở đây thế nào ? Ngon hả ? Thứ rượu này đâu có bán ở thành phố. Ngày nghỉ, tôi la cà về các miệt đồng quê mua đấy ! Người dân dưới vườn họ ủ lấy. Họ để từng hũ lớn riêng cho họ dùng. Anh thấy hương vị khác lạ không ? Tôi mời anh đi chơi buổi nay, vì ít ra nữa lúc này chúng mình gặp nhau ở đây, có gì để e dè nhau đâu ? Có quyền lợi gì để giành giật đâu

? Ít ra nữa còn có thể nói thẳng được những điều mình nghĩ. Ít ra nữa có thể sống gần gũi với thiên nhiên để cảm thông được cái không khí trong sạch với nhau. Anh còn muốn nghe thấy tiếng chim hót trong cây ? Thì anh đang nghe thấy đấy. Anh muốn cho tinh thần được thanh thoát ? Thì anh cứ nằm đó đi, muốn nghĩ gì thì nghĩ. Lúc này đây, anh có cần gì đâu nào ? Anh có sợ gì đâu nào ? Ít ra nữa, lúc này chúng ta còn sống được với nhau là bạn. Ở nước nhà, cuộc đời bản thủ đã giết chết hết rồi. Tôi ở miền Nam, song mấy năm học ở Hà Nội, nên còn nhớ mãi là tuổi thanh xuân chúng tôi gởi ở miền Bắc. Còn anh, cuộc đời tranh đấu ôm ấp lý tưởng, anh há đã chẳng

gởi gần trọn ở miền Nam, có đúng không ? Nhưng giờ đây, nếu chúng ta qua hết đi, mà đất nước còn thế này, thì đúng như anh nói, cái hào khí thiêng liêng còn lại được gì với lớp người sau ? Đã chết hết tình bằng hữu ; đã chết hết tình anh em. Cái tội ác lớn nhất của vĩ tuyến mười bảy, của cuộc chiến trên đất nước là ở chỗ đó... A, anh cười ? Tôi hiểu, Cái gì cũng chỉ là tương đối. Mà hể định giá là phải dựa trên một tiêu chuẩn căn bản nào. Nhưng tôi, tôi tin rằng chẳng có ai muốn sống trở lại lối sống cầm thú sơ khai – tôi muốn nói nếp sống tinh thần, chứ không kể gì vật chất –; tôi tin rằng chẳng ai muốn sống cái lối máy móc vô tri, đồng loạt. Ở đồng loạt, ăn đồng loạt, giải trí

đồng loạt, suy nghĩ đồng loạt,... để làm gì ? Để đưa đến chết đồng loạt hả ?

 Gió mát làm tan hơi rượu. Anh tưởng chừng đã tỉnh. Anh nhìn bạn trong cái nhìn hồn nhiên.

 – Tôi cười, là vì cười, mà chẳng nghĩ chi hết. Tôi hỏi anh đây là đâu cơ mà ?

 – Parc Castel Fusano. Tôi chẳng biết dịch chữ parc là gì được cả ! Đúng ra nó là cả một khu rừng nhỏ cho dân chúng thỏa sức mà cắm trại. Nơi nghỉ mát của vị nguyên thủ nước này đâu phải là của riêng ông ta. Ít ra nữa, tôi cảm thấy mảnh rừng nhỏ bé này chính là biểu hiện của một chính quyền muốn phục vụ dân chúng; một biểu hiện ý ng-

hĩa làm cho dân chúng hưởng...

Bạn ngừng lại, thở ra.

– Anh đã qua đây nhiều lần. Anh đã thỏa sức xem ngắm thiếu gì di tích. Nhưng có lúc nào anh nhớ lại đoạn sử La Mã khi còn ở trung học không ? Những chứng tích mỹ thuật của một nền văn hóa cao độ đó là của dân Étrusques chớ đâu phải của bọn La Mã vũ phu, thô bạo, đã tàn sát giống Étrusques ! Không lẽ thế giới hiện đại lại chứng kiến sự tái diễn lịch sử ? Không lẽ chỉ có những dân tộc thô bạo, chỉ có những con người thô bạo mới có thể sống sót để đàn áp và tận diệt những kẻ văn minh hơn họ, để giết chết đi hết mọi giá trị tinh thần hay sao ? A ha, nếu quả

thế, thì còn nói gì nữa. Bom đạn nào cũng vậy thôi ; vũ khí thường hay vũ khí nguyên tử có gì là nhân đạo hơn nhau đâu ?... Albe vous a nommé. Je ne vous connais plus ! A ha, Sài Gòn xa lạ gấp mấy Mạc Tư Khoa hay Bắc Kinh, Bình Nhưỡng ! Hà Nội xa lạ gấp mấy Hoa Thịnh Đốn hay Hán Thành ! A ha, con em chúng ta muốn gì đây ? – Muốn gì không biết, tôi chỉ nguyện cầu sao cho chúng còn nhận được biết tiếng nói của nhau, còn có được ý muốn làm con người, chứ không trở thành hoặc một bầy người máy, hoặc một bầy súc vật... Chiến tranh, Hòa bình, để làm gì nhỉ, – như anh vừa nói với tôi – nếu hai mảnh đất Việt Nam theo các thể hệ cứ trôi xa thêm mãi ?... Thôi, ngủ đi cho khỏe, anh. Hay cố thức,

để lắng nghe trong thiên nhiên. Có thấy tiếng chim kêu hiền lành đó không ? Hay nghe tiếng sóng biển của Địa Trung hải đổ sau rừng ? Ô, sóng biển Địa Trung hải có lấp nổi âm vang của biển cả trong lòng dân Việt chúng ta đâu !

Đỗ Thúc Vịnh

(Sổ tay, 6-1970)

VĂN số 172

« Đầu Xuân Lộc Mới »

**Tuyển tập thơ văn của
những cây bút trẻ**

Đông Xuyên

Hết tết

*Chín chục thiều quang mấy nỗi
dài ?*

*Ngày xuân nháy mắt, chốc qua
mười !*

Rượu nho cạn để nguồn thơ cạn,

*Hoa giấy rơi... ngò xác pháo
rơi ?!*

*Trẻ học, chưa hè, vang tiếng
cuốc,*

*Súng gầm, mới sáng, động sao
mai !*

Ai đem xuân cũ thay xuân mới ?

*Toan hỏi, Đông quân chạy mất
rồi !*

Đông Xuyên

Hoa Quang

Mặt cúi, tâm tư đã nói nhiều

*Thơ buông vãn hẹn mấy hàng
siêu*

Đá ghi mộng cũ tình dâu bể

*Hương ngát vườn thiêu ý sớm
chiều*

*Giếng ngọc khó in trời lộng lộng
Tơ đồng thường vọng gió phiêu
phiêu*

*Sáng lên ! Hỡi ánh tươi hồng lạp
Chớ phụ Tài Hoa, uống Diễm
Kiều.*

Bùi Khánh Đan



[Phỏng ý của Jean Hay, truyện “Josuah Gullick, prêtreur sur gages”. Tập san Fiction, số 109, tháng Chạp năm 1962.]

*riêng tặng các anh
quân nhân đói rách...
xin những ai tốt bụng
dừng động lòng.*

1.

Bên cạnh ngôi chợ lớn, ngay giữa thành phố, là một con đường ngắn nhưng rộng, và đầy xe hơi đậu và đi. Bên cạnh những cửa hiệu sang trọng, rộng rãi và đầy ngợp ánh sáng, là một tiệm “cầm đồ bình dân”, bề ngoài cũ kỹ, mặt tiền thấp hẹp, nhưng hun hút sâu vào trong – người ta kể đây là một ngôi nhà kiểu chuôi vồ mà cái chuôi dài đến mấy chục thước, đưa vào một căn phố nằm ngang thật rộng, thật cao, thật sâu (với 3 tầng hầm, càng xuống thấp càng tăng phần bí mật). Toàn thể ngôi nhà chỉ để dùng làm kho chứa đồ cầm bán, hay nói cho đúng hơn là cầm gán,

vì đồ đã cầm rồi mà tiền chuộc không có, tất nhiên chỉ còn có việc nài nỉ, van thiết, lạy lục chủ nhân để xin bán đứt lấy thêm ít nhiều.

Chủ nhân là một người đàn ông gầy guộc, khoảng hơn năm chục tuổi, cách đây hơn ba chục năm còn đứng bán đậu phộng rang ngay ở đầu con đường này. Nói như thế chắc cũng đủ cho mọi người biết gốc tích của ông ta, không cần đến cái tên khêu gợi : Chú Ba Triều Châu. Người da ngăm đen, họ Chettyar theo Hồi giáo; người Do Thái mà biểu hiệu là con rắn vàng vòng quanh thế giới mà đầu với đuôi cùng ở Palestine; người Trung Hoa, đặc biệt người Trung Hoa gốc ở Triều Châu, là ba loại người mà cả thế giới biết tiếng;

mà thế hệ nào của nhân loại cũng có ít ra cũng 1 phần 4 mang công lĩnh nợ, bán nhà bán cửa, cầm vợ đợ con, để làm giàu cho họ.

Làm giàu ! Làm giàu ! Không ăn ngon mặc đẹp, không tình ái bạn bè, không danh vọng quyền quý, không xe ngựa cao sang... họ không hưởng thụ gì cả, ngoại trừ sự hưởng thụ trực tiếp nhất là hưởng thụ tiền, tiền giấy hay tiền vàng bạc, hay đồ đạc nhà cửa, bất cứ thứ gì đáng giá có thể tính thành tiền, mà họ bỏ ra một đồng để làm chủ một cái gì đáng giá mười đồng.

2.

Chú Ba Triều Châu, gọi tắt là chú Ba Tiều, không biết mặc đồ nào khác cái quần đùi dài quá đầu gối và chiếc áo thun cổ tròn, tay dài, màu nước dưa cũ. Chú không bao giờ rời khỏi quầy hàng – quái, người chung quanh tự hỏi, hẳn tiểu tiện vào lúc nào, hay đã bắt sẵn vôi rống dưới gầm ghế! – bên tay phải là một cái hộp đựng đồ nghề, từ hòn đá thử vàng đến chiếc kính phóng đại hạng lớn; bên tay trái là một bàn cân tiểu ly, đằng sau lưng là cái tủ sắt màu xanh bệch to kệch xù. Chỉ có thế, và chú Ba Tiều sẵn sàng tiếp khách.

Khách của chú, nghịch lý thay, gồm toàn những dân nghèo. Vì

người khá hơn, hoặc ngay thẳng hơn – xin hiểu là đầy đủ giấy tờ : hóa đơn, căn cước, sổ gia đình... – đã tìm đi nơi khác. Chú Ba Tiều có mảnh khỏe làm ăn thật tài giỏi : người ta nói trong nhà chú có lúc chứa đến cả trăm chiếc xe hai bánh, ba bánh, của người vợ lính đem cầm (và hóa đơn) lấy tiền đi đón xác của chồng; của chàng trung sĩ thua bạc không dám về lục tử.

Như thế đó, mà công việc làm ăn của chú tiếp tục phát đạt. Có người nói chú có quá nửa cổ phần ở một nhà băng này, có người nói thẳng con lớn của chú làm tổng giám đốc chủ tịch một công ty tàu chạy biển. Thế mà chú không bỏ nghề, không phụ nghề. Vả lại còn có người quả quyết được nghe chú nói chẳng có

công ty nào mỗi tháng được lời dăm ba triệu, mà không sợ lỗ vốn bao giờ.

Không sợ lỗ vốn thật, nếu người ta lắng nghe chú nói :

–Ồ, cái máy xay trái cây này kiểu xưa lắm rồi!

– Tôi mới mua năm ngoái, mười hai ngàn đồng.

–Ồ, cái tay cầm này bạc màu...

– Thì tay cầm nào chẳng phải bạc màu.

–Ồ, cái kiếng này không còn trong...

– Thì nó đã dùng rồi, phải thế.

–Ồ, hai trăm đồng.

– Trời!

Nhưng chú đã quay đi nơi khác, làm việc khác. Khéo nài lắm mới được ba trăm. Rồi cho xem giấy ? Mua đồ thường dùng làm gì có giấy! Không có giấy thì hai trăm đồng. Nài nỉ được ba trăm trở lại thì lúc nhận tiền là nhận luôn được tờ biên lai ghi sáu trăm. Có thể thôi. Không bằng lòng, cứ việc ra khỏi tiệm. Uất ức thì đi có bót. Hễ đến bót mà nói tên chủ Ba Triều Châu là có người hỏi biên lai món đồ. À, tiệm cầm đồ có quyền từ chối những thứ mà họ nghi ngờ xuất xứ.

Khổ lắm! Nói ra thì rất bức, nhưng chỉ có thể thôi mà hăn làm giàu trên lưng, trên cổ không biết

bao nhiêu người trong cơn túng ngặt. Mặc kệ những tiếng rửa thềm. Bất chấp những lời thề thốt gian trá, lấy Trời, lấy Phật, hay lấy xe mười bánh làm nhân chứng. Cho đến một ngày kia...

Cho đến một ngày kia...

3.

Bấy giờ trời đã gần tối. Một quân nhân đội chiếc mũ nồi màu đỏ đã biến thành màu nâu đất thó, đi đôi giày cao cổ chỉ thấy những bùn đất phủ ngoài, người quân nhân bước vào tiệm đưa một ngón tay trở mặt mỗi lên vành mũ ra dấu chào quen thuộc.

– Chú Ba.

– Thầy Tư, ngồi chơi.

Thầy Tư không ngồi, đứng bên quầy phân vân có điều khó nói. Chủ tiệm nhướng mắt lên chờ đợi, vẻ trịnh trọng như đoán trước vụ làm ăn bất lợi. Hai bên im lặng. Một lúc sau người quân nhân mới ngập ngừng :

– Chú Ba, sáng hôm qua vợ tôi có đến chú...

Im lặng. Tiếng nói ngập ngừng tiếp tục một mình :

– Vợ tôi có gửi chú sợi dây chuyền... thằng cháu nó đau, mãi không khỏi, đi bệnh viện Nhi đồng, phải mua máu... chú giúp ít tiền... tiêu hết... không may ra về, bị xe đụng, nhẹ thôi... về nhà mới bằng

huyết, suốt đêm... sáng vào bệnh viện Từ Dũ, e khó sống... bạn tôi gọi điện thoại, tôi về ngay, gặp vợ tôi... bác sĩ bảo không qua được đêm nay...

Người quân nhân ghen lời, những giọt nước mắt in dấu ngoằn ngoèo trên bộ mặt phong sương. Nhưng chủ tiệm vẫn im lặng. Khách cố nén lòng, hít hà nhè nhẹ. Rồi lại nói một mình :

– Trước khi chết, vợ tôi ao ước một điều... sợi dây chuyền mặt ngọc thật ra không đáng bao nhiêu, nhưng của mẹ hằn cho hằn, bên kia mặt ngọc có hình bà cụ. Vợ tôi muốn thấy bà cụ trước khi chết...

Người quân nhân ngừng lại, liếc nhìn chú Ba dò xét. Nhưng

người chủ tiệm vẫn không nói gì. Vẫn chờ đợi. Tiếng nói một mình sục sùi đau đớn :

– Tôi, về gấp... Vả lại gần cuối tháng, chưa có lương... tôi đến nói với chú, xin chú, van chú, cho tôi mượn sợi dây chuyền... cho vợ tôi được yên lòng nhắm mắt.

Rồi tuôn ra một mạch, cố gắng thuyết phục sau cùng :

– Tôi gửi chú thẻ quân nhân, thẻ lĩnh lương... Tôi gửi chú hết mọi giấy tờ. Cả những huy chương này. Mạng sống của tôi, nhất định tôi phải trở lại.

Nói đoạn, tái tê chờ đợi. Một thế kỷ sau chủ tiệm mới cất lời :

– Thầy Tư, cô Tư gửi tôi sợi dây lấy bốn ngàn đồng.

– Hai ngàn. Vợ tôi nói có hai ngàn.

– Bốn ngàn!

– Vâng, thì bốn ngàn.

– Tiền lời một tháng tám trăm, thành bốn ngàn tám.

– Vâng, vâng thì bốn ngàn tám. Chú làm ơn...

– Không được đâu, thầy Tư ơi! Tôi làm gì có tiền. Tôi cầm giúp, tối về nộp cho ông chủ.

– Chú nói với ông chủ giúp tôi.

– Không được đâu! Ông chủ đi Hương Coong, đầu tháng sau mới về...

Người quân nhân hiểu hết, biết hết, rằng không còn hy vọng gì. Cặp mắt mở lệ cúi xuống túi áo, cổ tay, ngón tay. Chiếc bút máy được rút ra, chiếc đồng hồ cũ được tháo khóa... chiếc nhẫn đang được luồn ra đốt giữa. Thì chủ tiệm đã hiểu ngay :

–Ồ, cây bút này xưa quá, bán năm chục không ai mua đâu.

– Nhưng đây là bút Parker mà. Năm ngoái tôi được Tổng thống tặng, nghe nói giá ngót bốn ngàn. Đây có khắc chữ tặng, còn đây...

–Ờ ờ, cây bút xưa, cái đồng hồ chắc hư rồi, chiếc nhẫn chắc vàng mạ...

– Vàng thật, chú thử coi...

– Ô thôi, tôi nể thầy, giúp cho thầy năm trăm đồng, còn bốn ngàn ba...

Tên chủ tiệm đột nhiên ngưng bật. Người quân nhân ngạc nhiên, nhìn theo tia mắt long lanh của hắn. À, chiếc nhẫn! Chiếc nhẫn đeo ở ngón giữa tay phải kia, anh đã quên mất nó... Nhưng dù có nhớ cũng chẳng thể nào...

–Ồ, chiếc cà rá ngọc bích!

Người quân nhân vội quay mặt nhẫn vào lòng tay.

–Ồ, cái mặt ngọc bích chắc hẳn đồ giả. Bây giờ, Hường Coong thiếu gì ngọc giả, đẹp hơn ngọc thật. Ngọc giả không đáng gì hết...

Đến lượt tên chủ tiệm nói một mình :

– Ngọc giả, tôi cũng có nhiều. Mỗi khi giúp đỡ bà con. Tôi giữ hộ cho khỏi mất. Thầy Tư ra trận, không sợ nguy hiểm sao. Tôi thật tội nghiệp hoàn cảnh của thầy. Thôi, tôi bằng lòng thế này. Thầy đưa cây bút, cái đồng hồ... À, mà thôi, tội nghiệp thầy, tôi giữ hộ thầy lấy gì dùng ? Thôi, tôi bằng lòng. Chiếc cà rá không đáng gì. Thầy đưa cho tôi, tôi trả sợi dây cho cổ, là xong hết. Chiếc cà rá thật không đáng gì...

Người quân nhân bỗng trầm giọng, nói minh bạch tiếng một :

– Chú Ba Triều Châu! Có phải

chú nói chiếc cà rá này không đáng gì không ?

– Phải, phải đó. Tôi thề mà! Tôi nói sai, Trời cho xe...

Người quân nhân xua tay :

– Không phải thề! Không phải thề, chú nhắc lại là đủ.

– Tôi nhắc lại, chiếc cà rá không đáng một trăm đồng. Tôi tội nghiệp thầy cô mà...

Người quân nhân lại xua tay :

– Chú có chắc chắn bằng lòng chiếc cà rá này không ?

– Bằng lòng. Tôi bằng lòng mà!

Tên chủ tiệm rồi rít mở một ngăn tủ, lấy chiếc dây chuyền đưa

cao lên. Người quân nhân giơ tay đón lấy. Hắn giật mình, thu lại để bắt giao chiếc cà ra trước. Nhưng không hiểu làm thế nào chiếc nhẫn đã lọt được vào ngón tay hắn. Chiếc nhẫn bằng vàng, chạm trổ hết sức tinh vi, hình một con rắn ba đầu, mỗi đầu là một viên ngọc bích sáng lấp lánh. Con mắt chuyên môn của Ba Tiều đã thấy chỉ một chiếc nhẫn không cũng đáng giá trăm ngàn nếu gặp tay lão luyện. Không kể ba viên ngọc... Suốt đời kinh nghiệm, hắn chưa hề thấy viên ngọc bích nào sáng chói như hột xoàn... Cả chiếc nhẫn, phải triệu bạc! Phải hai triệu!

Tên chủ tiệm, bây giờ, chỉ muốn tổng thầy Tư ra khỏi cửa. Ra khỏi cửa là hết đòi. Nhưng người quân

nhân có vẻ gì lưu luyến, không muốn đi ngay.

– Chú Ba Triều Châu! Tôi nhắc lại : có thật ý chú muốn lấy...

Ba Tiều cuống quýt, không nhận thấy giọng nói thay đổi, đầy đe dọa, đầy thương xót.

– Thôi, khỏi nhắc, khỏi nhắc. Tôi đã bảo tôi tội nghiệp thầy cô mà!

– Nhưng tôi muốn...

– Không muốn gì nữa hết. Tôi đổi thế là thiệt quá rồi, Chiếc cà rá không đáng gì. Tôi nói sai, Trời cho xe...

– Khỏi thề ! Khỏi thề ! Tôi chỉ muốn báo trước...

– Thôi, không phải báo trước báo sau gì... Tôi mệt quá, muốn đi nghỉ ngay bây giờ..

– Nhưng dù sao tôi cũng phải nói. Đó là một lời nguyện. Tôi đánh trận ngoài Trung, có người con gái Chăm bị ngoại quốc hiếp, tôi đến cứu, nhưng muộn quá. Cô ta cắn lưỡi chết. Trước khi chết chuyền chiếc cà ra vào tay tôi. Lời nguyện đó là...

– Thôi, thôi! Thầy về đi, cố chờ. Tôi đóng cửa tiệm, đi nghỉ liền bây giờ.

– Nhưng còn lời nguyện ! Chú phải nhận...

– Được rồi ! Tôi nhận hết cho thầy! Thời buổi này mà!...

Ba Tiều đứng lên, vòng ra phía ngoài đóng cửa. Người quân nhân cố níu tay hắn, nhưng hắn vùng thoát ra, lọt vào phía trong cửa. Cánh cửa đóng xầm lại. Cái thang sắt bắc ngang, thêm một ổ khóa thật lớn. Rồi đi vào. Ba Tiều chỉ lẳng đặng nghe tiếng bên ngoài nói gì như «ai hại tôi... nó tự giết nó»... Hắn bấu môi, nhổ phẹt bãi nước miếng xuống nền gạch bông.

4.

Thật ra thì thượng sĩ Hòa, người quen thuộc gọi anh thứ Tư, không biết rõ hắn tác dụng huyền bí của chiếc cà rá ngọc bích ra sao. Người con gái Chăm đáng thương và đáng trọng ấy không hề tháo nó

ra khỏi ngón tay để đưa cho anh. Chính chiếc nhẫn, không biết bằng cách nào, tự lườn vào ngón tay anh. Và cũng chính vì thế mà anh tin lời cô gái : «Thầy tốt lắm. Em phù hộ cho thầy. Cái cà rá này, em chuyền cho thầy. Nó bảo vệ thầy, nếu thầy tốt. Nó giết thầy nếu thầy xấu. Đưa nào làm hại thầy, nó tự giết nó». Đó một lời nguyện, Thượng sĩ Hòa nửa tin, nửa ngờ, không biết làm gì hơn để nói cho Ba Triều Châu biết rõ.

Vả lại, có biết rõ hẳn cũng không tin. Và lại có tin cũng quá muộn. Ba Triều đóng cửa rồi trở về chỗ cũ, bật ngọn đèn sáng chói trên mặt bàn, định lấy chiếc nhẫn ra xem lại. Nhưng không hiểu vì sao nó chặt khự một nơi, dù Ba Triều cố

gắng cách nào cũng không dời chỗ cũ. Tên chủ tiệm hơi sờ sợ. Nhưng có lẽ tại đốt tay của hắn phồng lên, vậy sáng mai thông thả rồi xét lại. Còn bây giờ, bàn tay đặt úp trên mặt bàn, ba viên ngọc sáng như ba mặt trời xanh biếc. Viên ngọc thật lạ lùng, có thể là kim cương xanh. Nếu thật là kim cương xanh, nghe lời đồn đại, giá còn cao hơn kim cương đen, gấp trăm lần kim cương trắng. Ba viên kim cương xanh có thể tới trăm triệu đồng. Tên chủ tiệm rung mình, lại thấy hơi sờ sợ. Số tiền lớn quá, đến dễ dàng, bất ngờ. May mắn lớn quá cũng đáng lo ngại.

Nhưng tiền vẫn là tiền chứ! Ba Triều Châu ngấm nghĩa chiếc cà rá đến chán mắt, rồi mới thở dài như

tiếc của khi thu bàn tay lại, bắt đầu vào việc. Tính toán sổ sách, sắp xếp giấy bạc cho phẳng phiu, thành loại, bằng đầu đuôi. Xong đâu đó, lấy dây thun cột lại thành một mớ, sáng mai cho tài công đem gửi vào ngân hàng. Công việc, bao giờ cũng thế, bắt đầu bằng những giấy nợ.

«Tôi tên là... căn cước số... ngày và nơi cấp... và vợ tôi là... căn cước số... ngày và nơi cấp..., cùng ngụ tại... làm giấy này nhận có vay của ông... ngụ tại... môn bài số... ngày... món tiền MUỖI TÁM NGÀN ĐỒNG, hạn sáu tháng phải trả đủ. Tại Sài Gòn ngày... tháng... năm... Mỗi điểm chỉ, thị Mỗi điểm chỉ».

Điểm chỉ là một phát minh của Ba Tiều. Người ngày xưa tài giỏi

hơn người ngày nay. Chữ ký còn giả được, còn phải kiện nhau chán mới phân biệt được. Còn điểm chỉ, mấy nghìn triệu người có mấy nghìn triệu vết ngón tay khác nhau. Ba Tiều mỉm cười. Tờ giấy nợ này bảo đảm cho số tiền tám ngàn đồng chẵn, cho vay trên một thùng đồ sứ cổ, không được ghi vào giấy tờ – người cần tiền phải tin vào chủ tiệm. Ba Tiều mỉm cười. Hắn rút một điều thuốc quân tiếp vụ đặt vào khoé môi, tay phải móc cái bật lửa.

Xoạch, bật lửa cháy mờ mờ dưới ánh điện. Ba Tiều đưa bật lửa lên đầu điều thuốc. Nhưng kìa, sao nó lại đi về phía tờ giấy nợ, ngọn lửa bén vào tờ giấy rất nhanh. Ba Tiều mở to hai mắt. Thế này là nghĩa

lý gì. Tại sao mình lại đốt tờ giấy đó. Tại sao... Trong khi Ba Tiều còn ngất ngư kinh hoàng, bàn tay phải của hắn đã buông cái bật lửa xuống mặt bàn, và nhặt thêm một tờ giấy nợ khác nới vào tờ đang cháy.

Ba Tiều cuống quýt, xô ghế đứng lên. Bàn tay trái thả tờ giấy cháy gần hết xuống đất. Ba Tiều muốn cúi xuống nhặt, nhưng bàn tay phải đã ném ngọn lửa bùng bùng vào ngăn kéo để giấy bạc. Bàn tay trái đưa ra, định nhặt, thì bị bàn tay phải hất mạnh văng ra ngoài.

Ba Tiều chợt nghĩ ra. Thôi nguy rồi, cái nhẫn nó chiếm cứ, nó chỉ huy bàn tay phải. Có ai thấy chuyện kỳ quái này bao giờ. Có ai kể câu chuyện kỳ quái này bao giờ. Chiếc

cà rá làm chủ bàn tay. Bây giờ nó xiết chặt vào đến xương, đau buốt. Ý định của nó thật rõ rệt : nó muốn phá hủy tài sản này, mồ hôi nước mắt của bao nhiêu người trong thiên hạ, mà Ba Tiều có công gom góp lại.

Nhưng đâu có thể Ba Tiều chịu thua một cách dễ dàng. Hắn đổ mồ hôi trán, trăn trăn đứng yên, miệng lẩm bẩm kế hoạch. Bàn tay trái bất thành linh chop được cổ tay phải, nắm chặt, ghì chặt vào bụng. Nhưng trên đời có mấy ai thuận tay trái hơn thuận tay phải. Nên bàn tay phải của Ba Tiều thoát ra được dễ dàng. Nó quơ nốt mớ giấy nợ ném vào trong ngăn kéo đang cháy đỏ hừng hực. Sau đó, nó thò vào lưng Ba Tiều lần lấy chùm chìa

khóa cài nơi cạp quần. Bàn tay trái cố giành lấy không được.

Ba Tiều vừa đau lòng vừa uất hận. Hắn thét lên :

– Tao giết mày ! Tao chặt mày !

Hắn nhớ đến thanh kiếm cổ, bén hết sức, của một anh chàng thất nghiệp đem cầm lấy tiền về hút sách. Hắn chạy vào căn nhà trong, dùng tay trái nhắc thanh kiếm ra khỏi giá gỗ, dùng hai đùi kẹp lấy vỏ, rút ra đánh xoạt. Lưỡi kiếm xanh, lạnh đến má Ba Tiều. Hắn mím môi, quắc mắt, khoa thanh kiếm lên. Khốn nỗi bàn tay phải lách vào phía trong, trở ngược ra, nắm ngay được đốc kiếm, giật mạnh, phóng đánh vút và cắm phập vào

bức bình phong sơn mài vẽ mấy cô gái nhớn nhor trên cầu Thê Húc.

5.

Trời về khuya, chú Ba Triều Châu ngồi gục đầu bên cái tủ sắt mở toang cửa, rỗng không. Bao nhiêu sổ sách, giấy tờ, bị một bàn tay phải đốt hết. Đống tro lớn nằm giữa nhà còn âm ỉ khói cũng như cái bàn cháy một nửa còn than đỏ hồng.

Ba Triều đau đớn, kinh sợ không thể nào nói thành lời được. Nhưng dù sao sự phá hoại mới có một phần, như bọt nước. Tài sản của Ba Triều, nghĩa là phần lớn nhất của tài sản của hắn, là những thứ mà một

bàn tay không phá hủy được. Nhà, đất, tàu biển, xe hơi chạy đò các tỉnh... Vả lại, chỉ cần đến sáng mai, Ba Tiều sẽ gọi mấy đứa con về, ra lệnh cho chúng trói bổ chúng lại, rồi dùng lửa mà đốt, kìm mà cặp, kéo mà cắt chiếc nhẫn khốn nạn và ma quỷ này. Hoặc cùng lắm thì chặt một ngón tay, một bàn tay, cả cánh tay. Ba Tiều còn mạnh lắm, không chết đâu. Chiếc cà rá phải chết. Chỉ có việc lột lấy ba viên ngọc. Một bàn tay, một trăm triệu, thiếu gì kẻ muốn đổi không được. Một cánh tay cũng còn lời nhiều.

Nhưng bất chợt cái bàn tay ghé góm ấy lại cử động. Kinh nghiệm mấy giờ chiến đấu xui Ba Tiều nhắm mắt lại. Xem mày không có mắt tao, mày làm được gì. Làm

được gì. Bàn tay cử động, co kéo cả người Ba Tiều, không đứng lên không được. Bàn tay sờ lần trên mặt tường, bắt buộc Ba Tiều đi về phía mắc áo. Khi đến nơi, nó lần lần vói lên cao, móc trong túi lấy cây bút nguyên tử và quyển sổ. Ba Tiều nhắm mắt không nhìn, rống đầu không nghĩ. Bàn tay giở đi giở lại từng tờ. Mãi như thế, Ba Tiều sốt ruột. hé mắt thoáng nhìn, vừa gặp những trang giấy trắng. Bàn tay dừng lại, cầm lấy bút, bắt đầu viết :

«Tôi là Trịnh Chấn, 51 tuổi, chủ tiệm cầm đồ bình dân Nhân Đạo, tuyên bố rằng tất cả các con nợ của tôi được thôi không trả. Những món đồ của họ, chiếu theo biên nhận, hóa đơn, hoặc hai người làm

chúng, đều được trả về cho họ vô điều kiện. Tất cả các tài sản chìm và nổi của tôi, được biên chép đầy đủ trong cuốn sổ đặt tại ngân hàng Mĩ, sẽ tùy theo sự phân phối của nhà cầm quyền, được chia đều cho các hội từ thiện tại đô thành. Tờ giấy này được viết trong lúc tôi hoàn toàn tỉnh táo, và tôi chết là theo ý muốn của tôi, không ai có trách nhiệm gì hết».

Viết rồi ký. Hai con mắt ngơ ngẩn nhìn theo. Cái gì mà cho hết. Cái gì mà tôi chết, không ai chịu trách nhiệm gì. À, thế này thì quá lắm. Nó định giết tôi đây. Nhưng tôi không muốn chết. Có ai nghe nói bàn tay nào giết chủ bao giờ. Có ai kể bàn tay nào giết chủ bao giờ. Cả một đời người, dễ dàng gì

thua nó. Vút một cái, bàn tay trung thành vơ được tờ giấy, xé toạc ra, đưa nhanh lên cho hai hàm răng cắn chặt, để nó xé, xé cho nát, cho thật nát.

Bàn tay phải cần cù viết lại tờ khác. Mới viết xong, vừa buông bút xuống, tờ giấy đã bị bàn tay trái vò nát, đưa lên miệng. Hai lần, ba lần. Sau lần thứ ba, bàn tay phải không viết nữa. Nó bất thành linh cào anh nó một cái nên thân, móng tay dài nhọn khiến cho máu rỉ ngay trên mu bàn tay trái. Rồi bàn tay phạm lời nguyên vung lên, đuổi bắt tay kia. Ba Tiều biết ý định của nó, tìm hết cách giấu trong cặp quần, quật ra phía sau lưng, đưa ra xa. Kết quả bàn tay trái vẫn bị bắt, bị bóp vặn, cho đến khi Ba Tiều thấy

đau như lửa đốt trong vai : cả cánh tay buông thông, gãy lìa, không cử động được nữa.

Bàn tay phải cần cù viết lại tờ di chúc khác cho Ba Tiều. Xong đâu đấy, nó rút thanh kiếm ra khỏi bức bình phong. Thanh kiếm quay ngược đầu, đặt mũi nhọn vào dưới vú trái. Trước khi lưỡi kiếm lút giữa hai xương sườn thật ngọt, Ba Tiều còn trông thấy ba viên ngọc xanh chói lên một thứ ánh sáng không có trên đời, một thứ ánh sáng địa ngục hay diêm sơn nào. Nhưng đến khi Ba Tiều quy xuống, trước khi tim ngừng đập, hắn thoáng nhìn như cả chiếc cà rá, với ba viên ngọc, không còn ở tay hắn.

6.

Thượng sĩ Hòa qua một đêm vất vả trông nom cho người vợ, mãi gần sáng mới thiếp đi, mãi gần tám giờ mới thức tỉnh. Anh đảo giấc nhìn vợ anh nằm trên giường, hai má có phần nào tươi tươi trở lại. Nhờ Trời phật, chị Hòa có cơ qua khỏi. Thượng sĩ Hòa co hai chân, vịn tường đứng lên. Một chút gì vương bận giữa bàn tay và tường gạch. Hòa nhận ra chiếc cà rá đã trở về. Những viên ngọc màu xanh le lói nhưng dịu êm, đầy vẻ dịu dàng thân mật. Thượng sĩ Hòa tự nhiên thấy thoải mái trong lòng. Cơ nguy khốn đã qua. Chiều hôm nay anh sẽ đi qua tiệm của Ba Tiều

xem vì sao chiếc nhẫn lại hoàn về
cổ chủ.

Nguyễn Mạnh Côn

Trần Thị Tuệ Mai

Như đời trẻ dại

*Mặc dầu đời như thế nào
tôi vẫn yêu, tôi vẫn yêu đời
mặc dầu người như thế nào
tôi vẫn tin, tôi vẫn tin người.*

*Mặc dầu tuổi xanh qua mau qua
rồi*

*mặc dầu niềm thương đây đó
tàn phai*

lòng vẫn rộn ràng âm thanh
chim hót

lòng vẫn sắc màu hoa nở sớm
mai.

Ta mang đời ta như đời trẻ dại
ta ôm đầy mình toàn nỗi vu vơ
đêm đầy chữ, nhưng nghe hồng
buổi sáng

mưa vây quanh, nhưng nghe
bước nô đùa.

Tôi vẫn đi đây lòng đầy tín
ngưỡng

(xin đừng bắt vào thờ phụng
nơi đâu)

sắc áo hồn nhiên sắc cờ tự tại
tôi với mệnh mang, tôi với muôn
màu.

Tôi đang đi đây tôi đang đi đây
đừng hỏi tới đâu, đừng hỏi bao
ngày

xuân hạ thu đông người rành rẽ
việc

tôi vô dụng hoài như chim bướm
bay...

Sợi mưa điên

*Như hoài vọng đó triền miên
mưa điên lướt thướt mưa điên
sợi hồng*

*như tình cảnh đó long đong
mưa bay mê mải suốt vùng mưa
bay*

*như đêm mắt giọt vơi đầy
biển xanh mưa xuống tháng
ngày lặng thinh*

*như tôi khốn khổ nói tình
mưa buông chân nhỏ lênh đênh
khôn ngừng...*

Trần Thị Tuệ Mai

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

Tháng Hai

Tương tư hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau Quỳ nhỉ. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta : thôi đành lấy câu vận mệnh để khuây dần thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kì lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mái tóc xõa trên bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói sóng. Mà trái lại có những kỉ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một li trong trí óc của người nặng nợ lưu li, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ :

Ủ ê nét liễu sầu tuôn gió

Thổn thức tình tơ lệ ướt bào.

Hoa tử còn đâu duyên tác hợp,

Mây bay rồi nữa giấc chiêm bao!

Tôi nhớ những buổi tối đi trên con đường Tòa án ngan ngát mùi hoa sữa, nhớ những đêm trăng hai đứa dắt nhau trên đường Giảng Võ xem chèo, những đêm mưa ngâu, thức dậy thổi một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt con gà mái ấp. Bao trùm tất cả những niềm thương nỗi nhớ ấy, tôi nhớ nhất một đêm cuối tháng Giêng, đầu hai năm ấy, hai đứa mới quen nhau, cùng ăn chung một quả vú sữa của một người bạn phương Nam gửi ra cho, rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sáng.

Bây giờ, ngồi xem én nhận bay, có lúc tôi cũng bỏ một quả vú sữa ra ăn, nhưng ăn thì lại nhớ đến một đêm tháng Hai đã mất “để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Yêu cái đêm tháng Hai ấy không biết chừng nào, nhớ những buổi đánh tam cúc và rút bất không biết thế nào mà nói.

Lúc ấy, Tết đã hết từ lâu, mọi người đã trở lại với công việc thường ngày như cũ, nhưng mùa xuân vẫn còn phơi phới trong lòng người khách đa cảm nhìn đâu cũng thấy diễm tình bát ngát. Vừa hôm nào đi lễ ở Đống Đa, hôm nay đã là hội chùa Vua; mười ba là hội Lim; rằm tháng Giêng đi các chùa lễ bái; rồi là chùa Trầm, rồi thấy hội Phủ Giầy, rồi xem tế thần ở Láng, đi về qua Giảng Võ, rẽ vào xem rước vía ở miếu Hai Cô; vài hôm sau lại đi hội Lộ, trở về xem rước ở đình Thiên Hương, ghé qua đình Ứng xem tế thần và đến đêm thì đi xem

hát tuồng Tàu ở đền Bạch Mã...

Ở bất cứ hội hè nào, đàn bà con gái cũng đẹp nồn nà. Hoa rét còn đọng ở ngọn cây, ngọn cỏ. Những con mắt cười với những con mắt, những bàn tay muốn nắm lấy những bàn tay. Lòng người ấm áp muốn gửi sự ấm áp cho những người thương mến. Quái lạ, sao cùng là đất nước mà ở miền Bắc trời lành lạnh nên thơ đến thế, mà ở nhiều miền khác thì lúc ấy trời lại nóng, rôm sảy cắn nhoi nhói muốn làm cho ta cào rách thịt ra. Ăn cái gì cũng không ngon vì mệt quá. Đêm ngủ chẳng đầy giấc vì càng uống nước đá lại càng hao trong người. Cái máy lạnh mở cho hết cỡ cũng chẳng làm thấm được tấm lòng yêu thương mệt nhọc. Người con gái

đa tình xa nơi phần tử đêm nằm
bỗng thấy buồn tê tê ở trong lòng
vì chợt nhớ đến một câu hát cũ còn
nhớ được lúc mẹ ru, khi còn bé, ở
đất Bắc xa xôi :

Buồn vì một nỗi tháng Hai

*Đêm ngắn ngày dài, thua thiệt
người ta!*

Yêu quá cái đêm tháng Hai ở
đất Bắc; thương quá cái đêm tháng
Hai ở Bắc, thành ra cái gì cũng
thấy qua đi nhanh quá. Ước gì năm
tháng dài thêm ra

để ngày thì đi xem hội xem hè,
đêm thì cùng với những người thân
vui xuân với quân bài cao thấp.

Hỡi những người máy móc,
đừng có bảo những đồng bào ấy

là những người hưởng lạc. Bị kẹt trong một cái thế hết xâm lăng nọ đến quân cướp nước kia, với những tài nguyên chưa có bao giờ khai thác, họ, những người phương Bắc, phải chiến đấu không ngừng, đôi bát mồ hôi lấy bát cơm để sống, nhưng họ không vì thế mà phải chạy ngược chạy xuôi, phờ rầu trốn mắt để đánh vật với đồng tiền. Họ làm việc bằng chân tay, bằng trí óc để chống lại thiên nhiên, để duy trì sự sống, để vươn lên mãi, vươn lên mãi, nhưng lúc nào cần nghỉ ngơi, họ biết nghỉ ngơi, khi nào cần phải chặt chiu cái nội tâm họ biết chặt chiu cái nội tâm, khi nào cần phải sống đẹp, sống cho đúng ý nghĩa của sự sống thì họ sống đẹp, sống cho ra sống. Vì thế cứ làm việc nhưng suốt một

tháng Giêng họ vẫn cứ vui xuân. Tuy vậy, vẫn chưa đủ, những ngày vui còn kéo dài ra mãi tận tháng Hai mà người ta vẫn cứ tiếc sao những đêm tháng Hai ngắn quá...

Lúc ấy, cái thú ăn bánh chưng rán với cá kho không còn nữa mà mứt sen, mứt gừng, mứt bí cũng như bánh Xuân Cầu cũng không còn. Nhưng đánh tam cúc, rút bắt đến nửa đêm, dất nước thân yêu lại mang đến cho ta một cái thú tuyệt kì thanh cao, tuyệt kì trang nhã.

Bàn tam cúc vừa giải tán thì đồng hồ điểm mười hai giờ. Cái đêm tháng Hai ở Hà Nội kỳ ảo lắm. Có khi còn mưa phùn, có khi có gió thổi se se trên lộc đào, nhành mai, nhưng bao giờ cũng vẫn còn

hơi rét. Thành phố im lặng, ngồi trong nhà mà nghe thấy từng cái lá rụng ngoài vườn. Anh em bè bạn lần lượt ra về thông thả. Trẻ ở nhà trong cũng ngủ yên. Hai vợ chồng nhìn nhau không nói, nhưng cảm thấy mình như là tiên sống cách biệt cõi trần, lấy cái ấm “cò bay” bằng đồng bạch ra đun nước rồi cầm cái khăn đỏ lau lại bộ đồ trà, pha một ấm trà ướp thủy tiên mời nhau uống, trịnh trọng như hai tân khách.

Các cụ sành trà thường bảo muốn thưởng thức trà tuyệt kỹ thì phải là cái thứ trà mộc không ướp hoa gì, nhưng mình có phải là tay sành đâu mà phải theo khuôn sáo ấy! Chỉ biết là vợ con ở trong nhà, học đòi các cụ gọt thủy tiên,

còn thừa thì đem trồng trong cát, chơi hoa đến hết ngày rằm, đem cắt những bông hoa hãy còn tươi ướp trà Tàu rồi sấy cất đi để dành, lúc phởn phơ trong bụng thì lấy ra pha uống, thế thôi.

Ôi chao, cần gì phải trà mộc, cần gì phải nước giếng thanh tân, cứ cầm cái chén quân đưa lên môi và nghĩ rằng hoa thủy tiên là do vợ mình gọt, trà thủy tiên này là do vợ mình ướp, ấm trà này là do vợ mình pha thì cũng đã thấy ngào ngạt hương tình trong khắp cả cái đêm xuân tĩnh mịch này rồi!

Trầm ở trong chiếc lư đồng vừa lúc đó lụi dần, tỏa ra một mùi thơm nhẹ hòa lẫn với hương trà làm cho cả hai vợ chồng cùng băng

khuâng... Gió lay động cánh màn nơi cửa sổ. Người vợ xoa tóc, đi lại nằm dài trên nệm trắng, mở mắt trong bóng tối nhìn mây bay và nghe thấy hình như ở xa xa có tiếng nhạc từ trên trời rơi xuống.

Khẽ quay mình lại với vợ để cho ấm áp hơn, người chồng hỏi :

– Này mình, có phải mùa này là mùa đào bói quả không ?

– Sao tự nhiên anh hỏi vậy ?

Người chồng lặng im một lát không nói gì. Ba phút sau, nghe hơi thở biết là vợ đã ngủ rồi, y nằm yên nhắm mắt và tiếp tục nối lại giấc mộng vừa qua : giấc mộng hoa đào, nước suối.

Ờ phải, chính vào cỡ này là cỡ đào bới quả đây. Người đàn ông lạc phách trở lại với gia đình, đêm tháng Hai năm ấy, nằm bên người vợ thương bé nhỏ, mơ màng thấy mở cửa động Thiên Thai. Cách đây đã lâu rồi; cũng vào cỡ tháng Hai như thế này, y đã lạc bước vào một thứ Thiên Thai nơi trần thế rực rỡ hoa đào, mộng mênh nước suối ở vùng biên thùy Bắc Việt.

Chính vào khoảng tháng Hai này đây, có một buổi sáng y đã cưỡi con ngựa thồ đi nhớn nha một mình nhìn lên chín mươi chín ngọn Thập Vạn Đại Sơn. Đến cái đoạn một trong chín mươi chín ngọn ấy gác sang đất nước Việt Nam, quả là đã có một lúc y tưởng là Thiên Thai thực, vì rừng đào bát

ngát ngút ngàn, trời đất êm ru, mà ngừng mặt lên trời thì nghe như có tiếng tiêu, tiếng địch. Con ngựa thồ đi khẽ từng bước một. Hàng nửa ngày đường mới thấy ở tít tắp đằng xa có mấy cô sơn nữ mặc váy thủy ba, bịt khăn trắng ven đầu đi đu đưa ven suối.

Nước suối trong vắn vắt, bóng các cô sơn nữ chiếu xuống nước làm cho một người hóa hai, y như thể các cô tiên đi hái hoa trong vườn của nhà trời mà ta vẫn thấy trong các truyện thần tiên khi còn nhỏ.

Người Thổ trồng đào nhiều. Người ta đã thấy có những gốc đào cổ thụ đến hai ba người ôm mới xuể. Du khách đi Lao Kay, đến Chapa, cũng qua một rừng đào đẹp

không kém đào ở Thập Vạn Đại Sơn. Đi vào rừng, trời mù mù như thể có sương bao phủ, nhưng bỗng nhiên đến một khúc queo, trời sáng hẳn ra. Nhìn lên không có một đám mây. Trời nắng ấm, trông cứ y như là ngọc lưu li vậy. Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống, làm rung động những cành cây. Hoa đào rơi lả tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.

Vừa lúc đó, có ba cô nàng cười ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhõn nhơ dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên trên vai áo, làm bật cái cặp và cái nẹp hoặc “chần hoa cải”, hoặc “chần đường triện”, trông y như thể là ba cô tiên nữ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những hình ảnh xa xưa ấy, tôi vẫn còn thấy đời ngọt ngào như có vị đường và tưởng như không bao giờ có thể quên được hương thơm quyến rũ của trời nước, của hoa đào, của da thịt những cô sơn nữ đẹp náo nùng, sâu biêng biếc, ngửa mặt lên cười một cách hồn nhiên trong cánh rừng bạt ngàn san dã hoa đào.

Du khách, dù là hoạt động đến đâu, những lúc ấy cũng cảm thấy se sắt trong lòng mà chán ngán cái đời sống phồn hoa hệ lụy. Buộc con ngựa thồ dưới gốc cây, anh nằm trên thảm cỏ, he hé con mắt nhìn những cánh hoa đào rơi lả tả ở quanh mình và nghe tiếng suối nước ở xa xa thì thầm thủ thủ như ca lời ca ân ái : “Anh ơi đừng về

nữa, ở lại đây anh, ở lại đây anh”.

Tiếng suối vọng vào khe núi, núi thì thăm cùng mây, mây tâm tình với gió và gió chạy trong rừng đào, nhắc lại : “Ở đây anh, ở lại đây anh”.

Chính giữa lúc đó, có một trái đào rơi xuống trên nệm cỏ. Cầm trên tay, du khách thoáng thấy một niềm e ngại, sợ cầm mạnh thì làm mất mát cái đẹp của đào đi.

Trên khắp mình đào ửng ửng hồng, có những sợi lông tơ óng ánh như lông tơ trên mặt cô gái dậy thì. Cứ cầm ở tay chơi, đã thấy ngan ngát thơm rồi; nhưng nếu anh đưa lên miệng cắn một miếng thì anh sẽ giựt mình vì cái thơm của đào không có thứ trái cây gì sánh kịp,

mà có cắn một miếng như thế anh mới lại càng thấy trái đào hé mở đẹp không biết bao nhiêu. Trong ruột đào, bật lên một màu hồng có những chỉ đỏ cánh sen ôm lấy một cái hạt đỏ cùng màu, nhưng sậm hơn một chút, ươn hơn một chút. Gớm cho nhà văn nào đã lấy hai chữ “nhụy đào” để nói lên tấm lòng nàng con gái tuyết trinh buồn về nỗi không đem bẻ cho người tình chung ngày trước!...

Ở miền Nam nước Việt, sang tháng Hai ta có không biết bao nhiêu thứ trái cây : nào mận, nào xoài, nào cam, nào quýt, nào vú sữa... thứ nào cũng ngon, thứ nào cũng quý, nhưng tại sao tôi vẫn cứ mơ ước những trái đào Thổ ở Cao Bằng, Lao Kay, Chapa hay ở biên

thuyền giáp Vân Nam, nhìn sang ngọn Tây Phàn ? Tôi nhớ những buổi trưa trong sáng cùng nằm trên cỏ với những cô nàng người Thổ, bỏ một hào bạc ra ăn cả một vườn đào, muốn hái bao nhiêu tùy ý, ăn kỳ chán thì thôi, y như là ta ăn măng, ăn sấu riêng ở miệt vườn Lái Thiêu, hay cam hoặc bưởi ở bên kia sông Tam Hiệp. Ăn như thế mới đã đời!

Vừa ăn, vừa nhớ đến những câu chuyện cũ nói về những con chim ăn đào tự bên Tàu rồi tha hột về đánh rơi ở trên miệt núi biên thù, đâm chồi, mọc cây, sống cả hàng thế kỉ, đem lại cho ta những quả đào sơn dã đỏ tía như đào tiên mà Đông Phương Sóc ăn trộm trong vườn đào bà Tây Vương Mẫu, hoặc

những chuyện ma xó canh vườn đào, ai ăn trộm một trái thì đếm một, ăn hai trái thì đếm hai..., anh cảm thấy anh sống một cuộc đời huyền thoại mà mắt cô gái Thổ là suối, tóc cô gái Thổ là cầu để cho anh đi đến bến yêu thương.

Anh mơ về một ngày xa xưa đã từng phiêu bạt đến một “bản” Thổ ở Lao Kay với một gia đình Thổ, ngày ngày trông sang Hồ Kiều, tưởng tượng đến sự tốt tươi của trai gái đùa cười trong nắng lung linh như ngọc.

Từ năm giờ chiều, tuyết phủ các thôn xóm ngút ngàn. Ngồi nhìn ra chung quanh, anh cảm thấy đắm chìm trong một sa mạc lạnh tê, trắng xóa, vừa nên thơ, vừa

ghê rợn vì thỉnh thoảng lại nghe thấy một con chim kêu quái gở hay tiếng của một đoàn sơn cầu nhìn lên mặt trăng buồn hiu hiu mà tru lên. Anh sờn da gà, nhưng trong lòng thì cảm thấy như nóng lăm. Lúc ấy mà bước xuống thang, ra vườn hái lấy một hai quả tuyết lê ăn, anh thấy tỉnh táo một cách lạ kì và đồng thời mang máng thấy rằng sống ở đất Bắc vào cái cửu nguyệt Hai sương quá, sương không chịu nổi. Cây lê có tuyết phủ trông như vẽ ở trong một bức tranh một xứ lạnh Âu châu.

Trái lê cũng thế : đúng là một trái cây bằng thủy tinh. Anh cầm trái lê, khẽ gõ vào chân thang, băng tuyết phủ ở bên ngoài rụng xuống. Lấy dao bổ ra, thưởng thức

từng miếng nhỏ, tôi đổ có thứ trái cây ướp lạnh nào ngọt xót, dịu hiền và thơm ngát thơm ngào như thế đấy! Anh không cần nhai, cứ đè lưỡi xuống miếng lê thì nó đã tan ra từ lúc nào rồi.

Móc coọc, cũng thuộc loại này và cũng sản xuất vào tháng này, cũng ve vuốt khẩu cái của người ăn như thế, nhưng hơi cứng mình một chút. Tuy nhiên, yêu quá là yêu, nên ăn thế nào cũng cứ thấy ngon vì cái ngon lành của mỗi thứ có tính cách riêng biệt cũng như mỗi dây trong chiếc tì bà reo lên một thứ tiếng tơ đồng khác nhau.

Có phải là tại mình thương yêu phần tử nên yêu luôn từ bông hoa mà yêu xuống đến trái cây, yêu từ cái lá hờ lẩn tẩn mà yêu lan sang

chùm hoa mộc ? Hay là quả thật, như nhiều người vẫn nói, trái bí ở đây to mà kém ngon, con gà lớn mà kém ngọt, trái đu đủ bự mà kém thơm ? Tôi cũng đã ăn Phật thủ ở đây rồi, nhưng cứ nói thực không việc gì dối trá, sao trái Phật thủ Bắc bày trên bàn thờ ông bà ngày Tết, đến tháng Hai bỏ ra vẫn có cái hương vị khác trái Phật thủ ở đây ?

Tháng Hai của Bắc Việt xa xưa ời, yêu tháng Hai quá và nhớ tháng Hai nhiều lúc đến biếng cười biếng nói.

Biết đến bao giờ người lữ khách mới lại được thấy lại cái tháng Hai ngày xưa của nẻo Bắc cách mấy mươi trùng thương nhớ ?

*Những say tỉnh : Bắc Kinh mưa
gió,*

*Vẫn mơ màng : phòng cũ chiếu
chăn,*

Gối sầu cách áng mây Tần

*Băn khoăn tay áo, chân quần ở
đây,*

Án nọ đỡ ngang mày sớm tối,

Nay tháng ngày no đói với ai ?

Gió thu một tiếng bên tai,

*Thuần lư sực nhớ đến mùi
Giang Nam!*

Thấy gió thu, Trương Hán
đương làm quan tại triều nhớ đến
rau rút, cá mè ở quê hương. Người

lữ khách ngày nay, xa cách quê hương, thấy tháng Hai trở về, cũng động lòng nhớ tiếc không biết bao nhiêu khuôn mặt, không biết bao nhiêu miếng ăn ngon, không biết bao nhiêu tình thương yêu đã mất. Nhớ từ những con đường mưa bay riêu riêu cùng vợ đi nhớn nha ven hồ Bảy Mẫu nhớ đi, nhớ những đêm trèo lên ngọn đồi trên đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại.

Nhớ quá chừng là nhớ, thương không biết ngần nào là thương. Thương nhất là người vợ nhỏ bé yêu chồng, mùa nào thức nấy, không bao giờ đợi cho chồng phải nói lên sự ước mơ. Nay mình, em đổ vào tháng Hai này, xứ sở mình

còn có gì đặc biệt nữa nào ? Người chồng chịu, không biết trả lời sao. Nhưng đổ ai nói lên được cái thú vui thầm lặng trong óc chồng, hôm sau, khi đi lên Nghi Tàm mua một cây thế về trồng trong cái chậu Gi-ang Tây, bỗng thấy ở trên bàn một mâm đầy tú hụ hành, thìa là, thơm, mùi, ngổ... xanh rờn giữa mấy đĩa bún trắng tinh.

À đúng rồi, cá anh vũ mùa này béo, ăn chả cá thì tuyệt trần đời.

Người vợ vừa đích thân ngồi quạt chả ở ngoài sân vừa nói chuyện với chồng đương nhắm nhót một li rượu sen Tây Hồ :

– Đây, cá anh vũ Việt Trì đây. Chả cá phải ăn cá này mới được.

Tại sao ăn chả cá lại phải có cá anh vũ ? Mà hà có gì cá anh vũ lại phải là cá ở Việt Trì mới ngon ?

Người chồng không cần biết gì lôi thôi, chỉ có tháng Hai ăn cá anh vũ nướng chả thì ngon thực. Nếu muốn đổi món, cá anh vũ làm gỏi cũng ngon lạ ngon lòng nhưng người vợ biết ý chồng, mua cá anh vũ nấu cháo ám thì người chồng thấy hợp giọng hơn nhiều lắm. Xắn một miếng cá, chấm nước mắm ngon có vắt chanh, bỏ ớt, và quậy mấy cây tằm cà cuống nguyên chất tự tay mình lấy ở trong bọng cà cuống ra, ăn với cháo có hành cuộn lại, có rau cần điểm một ít thì là ngọt cứ lừ đi, quý thần không hưởng thì thôi chớ đã hưởng một

chén chắc chắn cũng phải đòi ăn chén nữa.

Đêm tháng Hai ở Hà Nội ngày trước, hầu hết các nhà đều đóng cửa từ lúc bảy tám giờ chiều. Thật đúng là người ta không biết lặn xả vào cuộc sống để làm tiền, để hưởng vội lấy những thú vui bọm bãi trên chiếu bạc hay trong những cái “sô” đầy lông rậm lá, hoặc để ăn những bữa cơm đắt tiền bằng cả gia tài của một người trung lưu rồi hút, rồi chích, rồi đánh đập như những kẻ thất phu tàn bạo... Nhưng để đền bù lại, họ có cái thú trầm lặng, vui cái vui của gia đình thê tử, uống chén nước trà mạn sen với anh em và góp vài hội tổ tôm hay rút bắt, đánh tam cúc lấy

vui trong bầu không khí thân yêu, cởi mở, với họ hàng bè bạn.

Ngày tháng trôi đi nhẹ nhàng. Không lo tiền, không lập mưu thiết kế, không oán ức, ăn rau rút muối mè, cũng thấy ngon. Thỉnh thoảng, một người bạn mới đi chơi về lại gửi cho một vài mớ rau sắng, đem nấu súp, hay gia thêm một bánh trứng cá vào cho đậm, vợ chồng ngồi thưởng thức cảm thấy có một phần ngon hơn ăn yến.

Trời thương, các con chúng cũng ngoan. Tiền không có nhiều, nhưng cũng tạm gọi là có căn có bản. Cả năm làm ăn vất vả, chẳng có lúc nào được rỗi rãi thực tình, sống lại những buổi đầu lưu luyến, anh ạ, hay hôm nào chúng mình

đi chùa Hương đi ? Tháng Giêng vừa đây, đã đi chùa Trầm rồi, sớm đi chiều về, mệt lắm. Nếu đi chùa Hương, ta phải đi hai ba ngày cho thông thả chớ không đi như năm ngoái, đi sáng hôm trước, chiều hôm sau đã về, lễ Phật không được đầy đủ, nói gì đến chuyện thưởng thức bầu trời cảnh bụt của đệ nhất động Nam Thiên ?

Hai mươi mấy năm đã qua đi từ bữa trẩy hội chùa lần chót ấy, nhưng lòng nào mà quên được cái buổi chiều giữa tháng Hai năm đó, chúng ta cùng ngồi ở trên con đò xuôi bến Đục ngắm những con cóc bóí cá trên dòng nước trong vắn vắt. Kì lạ thay là cái Hương Sơn! Bây giờ, có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt nhớ

đến cái cảnh trập trùng non non, nước nước, mây mây đó, tôi cảm thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn thanh thủy tú nào như thế : đẹp từ cái khe núi, gốc cây, đẹp từ cái ghềnh núi, bụi lau, đẹp từ con chim, ngọn cỏ.

Nhưng bao trùm lên hết, bất cứ cái gì cũng có một tâm hồn, cái gì cũng tiềm tàng một kì bí thiêng liêng làm cho bất cứ ai cũng cảm thấy lòng dịu hiền đi, như sợ một cái gì từ bí lắm, như muốn trút bỏ hết sự đời, như muốn sống cách gì cho thực từ ái, thực nhân đức, thực vị tha để chuộc lại những tội lỗi mình đã phạm.

Từ chùa Trong ra chùa Ngoài,

từ đỉnh núi xuống doanh khời, từ con chim mổ kiến gõ mỏ vào cây kêu cóc cóc đến con vượn ru con như đọc kinh ở khe suối đầu ghềnh, anh cũng thấy đều như nhiễm cái đạo Phật rất màu. Mặc dù từ trước đến khi đó không hề tin tưởng nơi Trời Phật, anh cũng thấy cần phải cúi đầu trước khói nhang thắp lung linh khắp các bàn thờ, trong khắp các động và làm thầm khẩn vái đức Phật từ bi cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong Ta bà thế giới.

Căng thẳng một niềm tin tưởng, cả hai vợ chồng trèo hết núi này sang động nọ, đi hết suối này đến chùa kia, gần một ngày trời không biết mỏi, gập gù ăn nấy mà cứ thấy ngon.

Ấy là bởi vì lòng nhẹ thênh thang, quên hẳn tục lụy để lại từ bến Đục. Người vợ thức cả đêm ở chùa Ngoài để lễ rồi lại đi hang nửa ngày đường trên vách núi cheo leo mà hình như đẹp thêm ra : lạ thật. Nếu có lúc nào thấy mỏi, ô hay, không hiểu tại sao chỉ vào một cái cầu, uống một chén nước lão mai lại thấy khỏe ngay, còn cơm ăn ở một cái quán trên đỉnh cao thối bằng gạo đỏ với một miếng cá kho tương và một bát canh cà chua nấu với đậu phụ rán vàng, tại sao lại ngon lạ ngon lòng thế nhỉ! Có lẽ vợ chồng từ khi ăn ở với nhau chưa bao giờ được ăn một bữa cơm kì diệu, mê li đến thế!

Nâng một chén nước lên miệng uống, rồi nhìn xuống chân núi,

bao nhiêu ruộng rẫy bé như thể là bàn tay trẻ con, người đi kẻ lại nhỏ như con ong cái kiến. Mình tự nhiên cảm thấy như đứng sát với trời và nghe rõ ràng hơi thở của vũ trụ bao la, của từng vì tinh tú. Xa xa, một đàn vượn chuyển cành nọ sang cành kia. Rừng mai, rừng mận nở trắng xóa cả những đồi núi chung quanh, y như thể một bức tranh tàu chấm phá. Có tiếng chim kêu trong bụi : người bản Thổ bảo đó là tiếng từ quy.

Người vợ ngần ngại không muốn đứng lên. Cảnh đẹp muốn lưu khách lại. Nhưng từ dưới chân núi, một đoàn người mặc quần áo đủ màu xanh đỏ đã cuồn cuộn tiến lên như một đoàn du già nối đuôi nhau để lặn ngòi noi nước lên cho

kì được đến cửa trời.

Hai vợ chồng chống hai chiếc gậy lụi nhập đoàn đi vào Hang Mới, và cùng hòa tiếng “nam mô” với mọi người trong khi nhẹ bước trèo hàng ngàn vạn động đá và chui qua hết động nọ đến hang kia.

Nam vô A Di Đà Phật!

Nam vô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát!

Tiếng nam vô làm chuyển động cả không khí vang lên đến khe núi, đồi cây, dội xuống rừng mai, đồng lúa rồi phản ứng lên trên trời để trời trả lại tiếng vang cho lá cây nước suối.

Ở đỉnh núi đảnh kia, sương bốc lên mù mù như khói. Một tiếng gà

rừng. Tất cả vũ trụ chỉ là một giấc mơ - Nam vô A Di Đà Phật.

Em ơi, cứ niệm nam vô như thế, ở bên em anh không thấy mệt. Ba ngày trèo núi mà lòng nhẹ lâng lâng - đã đành là tại Trời Phật độ trì, nhưng cũng có lẽ tại anh tin tưởng - tin tưởng rằng những lời khẩn khứa của em ở trong các động các hang, được Phật Trời chứng giám. Em khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng ta được sống với nhau đến bạc đầu, dù đói khổ thế nào cũng cam. Anh tin rằng niệm nam vô đi hết hang này động nọ không thấm mệt thì khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng được sống bên nhau cũng được Phật Trời chứng giám... Ngờ đâu, chiến tranh lại làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao

nhiều lúa đôi chia là, bao nhiêu
lệ rơi máu chảy, làm cho người xa
nhà thui mất cả hi vọng được trở
về nơi cố lí, uống lại chén trà thủy
tiên, nhìn những người thân mến
cũ và ngâm với người thương khúc
mạc ai!

Nam vô A Di Đà Phật!

Nam vô Quán Thế Âm Bồ tát!

Ước gì cứ niệm như thế mà
được Trời Phật chứng giám thực,
thì mình cứ niệm không ngừng để
trả cho sạch nợ lưu li, trở về phần
tử một ngày - một ngày thôi cũng
được - để kể lại tình tương tư với
người yêu bé nhỏ, uống một chén
rượu Tây Hồ với miếng cá anh vũ
nướng vàng và nằm trong rừng đào
Thổ biên thùy nghe hoa đào rụng

lả tả xuống vai các cô nàng cười
ngựa thồ in bóng lung linh xuống
dòng suối trong như lọc.

Trần Tuấn Kiệt

Vết hồng

*bóng người giọt nắng từ tâm,
rừng lao xuân động gió đầm đìa
tuôn*

*lệ em sa xuống thành nguồn,
trăm năm chiến trận vẫn thương
biết người*

*đã mờ đôi mắt tương lai
còn trông giấc mộng trần ai thôi
buồn*

*ngầu tầm sóng lách lau thôn,
chuyện đời thả nhẹ cánh hồn
phiêu du.*

Đợt gió

*ta nâng khẽ cánh tay người
đã nghe hạnh phúc xa rời những
đâu
cười say lơ vờ tinh cầu,
chiều xuân hong nắng nhớ màu
tà huân
con đường trở lại thu đông,*

*sầu chen ngỗ cúc búp hồng trở
hoa*

gió tây lạnh buốt như là,

*chiến trường tiếng vọng yêu ma
thổi về.*

Võ Hồng

Nhìn từ bóng tối

Tôi đang mê mải chọn tìm những lọ nước hoa thì ở đằng sau lưng có một tiếng nói oang oang cất lên :

– Có bột giặt Rinso không cô ?

Cô hàng đang đứng ở sau quầy:

– Có.

– Cô cho tôi hai hộp. Bữa nay giá bao nhiêu ?

– Dạ hai trăm rưỡi.

Cô hàng dờn chỗ đứng, đi lại cạnh sạp. Tôi bước lui, nhường chỗ cho cô và nhân dịp nhìn sang người hỏi mua bột giặt. Đó là một người đàn bà dáng dấp què mùa, đội nón lá, quần Mỹ a nhàu nhè và nơi nách có ôm một bó hoa huệ lớn. Khi nhìn người đàn bà, mắt tôi chạm phải một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề đứng cạnh đó đang lật tìm xấp khăn tắm, khăn trải giường.

Cô hàng trao hai hộp bột giặt cho người đàn bà. Người này kẹp vào nách và móc túi lấy tiền. Tôi thấy bà ta loay hoay rất lâu với cái túi áo có lẽ quá chật. Bà xoay qua trở lại, một tay nâng túi một tay thọc sâu vào quờ quạng. Chợt một hộp bột giặt rơi đánh bịch xuống đất. Bà vội rút tay ra chụp theo thì

liền một mớ bạc chì từ túi áo tuôn ra, rơi lăn xuống đất. Bà lúng túng cúi xuống nhặt. Vừa đứng thẳng dậy thì đầu va mạnh vào mép sạp. Bà xoay người và trong lúc lúng túng, cả một bó cuống huệ chạm vào sơ-mi của người đàn ông, trát lên một mảng bùn đen to bằng cả bàn tay.

Cô hàng la lên một tiếng ngán : “Trời ơi !”, và tôi chợt thấy rằng tôi cũng muốn la lên tiếng đó. Người đàn ông quay lại, nhìn xuống áo sơ-mi mình. Tôi đợi xem phản ứng. Một cái quần màu xám nhạt nếp thẳng tắp, một đôi giày đen bóng, một sợi nịt da đắt tiền... chừng ấy thứ ngấm bảo tôi rằng phản ứng ắt phải dữ dội. Người đàn bà vụng về thì đứng ngơ ngác và đang ở trong

một thế đợi chờ. Người đàn ông đưa hai ngón tay khế kéo vạt áo sơ mi ra cho khỏi dính sát vào may-ô. Rồi quay lại lắc đầu :

– Không sao đâu. Xin bà đừng bận tâm.

Người đàn bà lí nhí :

– Dạ tôi... xin lỗi... tôi...

– Không sao đâu. Về nhà tôi thay liền mà.

Một nụ cười nhỏ, một cái gạt đầu khế và người đàn ông cúi xuống những xấp khăn tắm.

Tôi lặng yên nhìn người đàn ông. Cái thái độ trầm tĩnh dịu dàng vừa rồi đã cuốn hút tâm hồn tôi. Tôi thường chú ý đến những phản

ứng bất ngờ nơi con người. Phản ứng biểu lộ rõ cá tính hơn hết. Bình thường người nào cũng khéo che giấu cá tính của mình dưới những cử chỉ lịch sự, những lời nói êm đềm, những hành vi cao đẹp. Ngày xưa, muốn biết rõ cá tính của một người, người ta hay phục rượu cho họ thật say. Khi say thì lý trí không còn kiểm soát nổi được bản chất, bản chất hiện rõ, nguyên hình là người quân tử hay kẻ tiểu nhân. Than ôi ! Dưỡng, người yêu của tôi đã biểu lộ bản chất của anh qua một phản ứng mà tôi không thể ngờ được. Tôi không dùng rượu để mà tìm phản ứng. Không. Tôi không cố ý đem Dưỡng ra thí nghiệm như người ta thí nghiệm một chất hóa học. Tôi tin Dưỡng. Tôi đã chọn Dưỡng mà. Chúng tôi quen nhau

hơn hai năm và trong gia đình tôi ai cũng quý Dưỡng. Các bạn tôi đều khen Dưỡng. Chúng tôi chỉ đợi một mùa đông nữa là cưới nhau, nhưng cái phản ứng của Dưỡng đã xảy ra sớm hơn, vào một chiều thứ bảy khi Dưỡng đưa tôi đến thăm một chị bạn.

– Nhà em ở đường Vạn kiếp, –
lời chị bạn. Nhớ chưa ?

Tôi gật đầu :

– Không thể quên được. Kiếp này có quên thì còn kiếp sau.

Dưỡng nói :

– Ai khéo chọn tên đó để đặt tên đường ! Cuộc đời người vốn dĩ không dài được bao năm, sao

không gắng làm cho nó tươi vui lên một chút ?

Chị bạn tôi :

– Vì danh dự dân tộc, vì tinh thần ái quốc....

– Vâng. Nên tôi đâu có phản đối tên đường Bạch Đằng, tên bến Chương Dương ? Chẳng những không phản đối, tôi còn thích nữa.

Đúng như lời bạn tôi dặn, con đường Vạn Kiếp lồi lõm lại nằm ở chỗ đất trũng nên có rất nhiều vũng nước ứ đọng. Chúng tôi đang ở giữa mùa hè và những cơn mưa đông thoáng qua đủ để lại những vũng nước đục ngầu. Tôi nói :

– Một con đường như thế này rất tốt để có sự an tĩnh. Trái nhựa lóng chỉ tổ quuyền rũ xe cộ.

Những đứa trẻ con trong xóm chắc cùng một ý với tôi, chúng có lẽ chúng nhảy chơi giữa đường tự nhiên, tự do như con đường là cái sân của nhà chúng. Chó và gà chung chia sự vui thích với lũ nhỏ. Chúng tôi phải vừa đi vừa né tránh lũ nhỏ say mê cuộc chơi bất chấp kẻ đi đường. Chợt có mấy đứa chạy dạt về phía tôi, đâm sầm vào tôi. Tôi vừa giơ hai tay cản chúng thì bỗng « ầm » lên một tiếng, tôi chỉ kịp thì giờ để nhắm mắt. Nước tạt lên mặt tôi. Khi mở được mắt ra thì vật tôi thấy đầu tiên là vật áo dài bị nước tung tóe ướt. Nhìn sang Dưỡng thì thấy anh đang nắm tay

một đứa nhỏ chừng mười tuổi, tát túi bụi. Đứa nhỏ cãi :

– Tui không quăng đá mà. Sao ông đánh tui ?

– Mà không quăng thì còn ai quăng ?

– Thằng kia.

Đứa nhỏ chỉ một thằng lớn hơn, đứng cách xa chừng mười thước.

– Tao thấy mày quăng rõ ràng.

– Tui có quăng mà quăng một hòn nhỏ.

Dưỡng lại tát nó liên tiếp. Tôi bước lại nắm lấy tay anh :

– Thôi, đừng đánh nó nữa.

– Không được. Không được.

Tôi giữ lấy tay anh. Anh giật tay tôi. Tôi phải la lên :

– Kìa anh.

Dưỡng nhìn lên tôi, nhìn đắm đắm và gương mặt của anh bỗng dung thoăn thoắt biến đổi. Anh vẫn không ngớt nhìn tôi. Vẻ mặt tôi lúc ấy có nét biểu lộ gì khiến anh tỏ dáng bối rối ? Có nét dữ tợn chẳng ? Có nét sợ hãi chẳng ? Tôi không biết rõ nhưng quả tình là tôi đang rời rã tâm hồn. Tôi không ngờ Dưỡng tàn bạo như vậy. Nước bắn lên áo thì có chi đến nỗi phải ra sức vũ phu ? Mà cho dẫu sự thể có bi đát đến mấy đi nữa, làm sao một người trí thức lại có thể có hành động vũ phu được ? Tôi hoàn toàn không ngờ Dưỡng có thể có

phản ứng như vậy. Từ trước đến nay, bên cạnh tôi lúc nào anh cũng tỏ ra là người lịch sự, là người tế nhị, là người vị tha, và chỉ trong cái phản ứng bất ngờ này tôi đau lòng mà đọc rõ chân tướng của anh. Tôi nói ghen ngào :

– Thôi để em gọi xích lô đi về.

Dưỡng gọi xe cho tôi và chúng tôi chia tay nhau ở ngã tư Âu Cơ - Mạnh Tử.

Từ ngày đó tôi ít muốn gặp Dưỡng. Tôi không giải thích cho anh rõ vì sao, bởi tôi không nỡ làm phiền lòng một người cho dù người ấy có lỗi. Tôi lạnh nhạt dần với Dưỡng và cuối cùng tôi khuyên Dưỡng nên lấy vợ.

Hôm nay cái mảnh bùn nơi vạt áo của người đàn ông dẫn tôi nhìn về chặng đường Vạn Kiếp cũ. Một niềm an tâm len nhẹ vào tâm hồn tôi bởi lẽ trong nhiều tháng ngày tôi có nỗi áy náy rằng mình đã đòi hỏi quá nhiều ở một người đàn ông. Tìm hiểu một người mà tìm hiểu cả phản ứng của họ, cả tiềm thức của họ thì có lẽ là quá đáng. Nhưng tôi đâu có cố ý tìm hiểu ? Một sự ngẫu nhiên khiến nó bộc lộ và chính tôi đã đau đớn khi nhìn thấy nó. Tôi là nạn nhân hay là kẻ may mắn, tôi không phân biệt được rõ ràng.

Tôi lén đưa mắt nhìn về người đàn ông.

Không biết sau đó mấy tháng tôi lại có dịp gặp người đàn ông.

Lần gặp xảy ra tại một hiệu bán sách và vào một buổi chiều thứ ba. Chi tiết sau được tôi nhớ kỹ lắm vì trên đường đi ra phố, qua cửa nhà nào tôi cũng nghe tiếng máy thu thanh vắn lớn, tiếng cô xướng ngôn viên đọc lên sang sảng, trang trọng những con số trúng bốn nghìn đồng, hai mươi nghìn đồng, bốn mươi nghìn đồng. Xen giữa là những bản nhạc. Tiếp theo là tiếng rờ rờ của vòng cầu quay. Giờ này cả thành phố gần như đều ngưng công việc, hoặc vừa làm việc cầm chừng vừa lắng tai nghe. Nhiều người châu đầu hồi hộp ngồi bao vây chiếc máy thu thanh. Cả ở nơi công sở người ta cũng khéo ngụy trang chiếc máy transistor cỡ nhỏ để nấp giữa những đồng hồ sơ. Siêu thị đóng cửa cho nhân viên nghỉ

hàng tuần vào ngày thứ ba. Kinh nghiệm cho họ biết rằng ngày thứ ba khách hàng bận lo cuộc xổ số nên không ai nghĩ đến việc mua sắm. Buổi sáng thì còn lo đánh số chót. Những cuộc đoán điềm giải mộng kéo dài từ nhiều ngày, thường phải kết thúc vào sáng thứ ba. Buổi xế lo ngồi dò số. Buổi chiều còn bận chải rửa, bứt tóc bứt tai, cãi nhau hoặc đi vay tiền.

Tôi cho hai tay vào túi áo mưa, bước đi chậm chậm vừa suy nghĩ về cái hiện tượng cờ bạc có tầm mức quốc gia này. Ở vài nước người ta có môn thể thao quốc gia, nghĩa là hầu như toàn dân ai cũng tham dự. Dân ta thì hiện chỉ còn biết nghĩ đến tiền. Những thành tích điền kinh, những bắp thịt rắn

chắc không có liên hệ gì với những hy vọng ngắn hạn của cơm áo.

Tôi bước vào tiệm sách. Tim tôi đập liên hồi khi mắt tôi chạm phải khuôn mặt quen thuộc. Cô hàng sách đang đứng nói chuyện với người đàn ông. Tôi lại lật xem mấy tờ tuần san khổ lớn mới phát hành. Lời cô hàng sách :

– Ông lấy tạm tờ Jours de France. Paris Match kỳ này có sáu tờ, tôi mới nhận hồi sáng hôm qua, chiều qua đã hết.

Người đàn ông :

– Sao cô com-măng ít vậy ?

– Đâu có ít ? Tôi còm-măng mỗi kỳ mười tờ. Kỳ này gói báo bị xé, bị mất cặp đến bốn tờ.

– Làm sao biết báo mất tại Sài Gòn hay mất ở đây mà khiếu nại ?

– Dạ. Kỳ nào cũng bị họ lén lấy vài số báo.

– Như vậy là họ còn tốt.

– Ông nói sao mà còn tốt ?

– “Lén lấy » tức là người ta còn có lương tâm, còn biết xấu hổ vì hành động của mình. Đó là những người còn tương đối lương thiện, bên cạnh những kẻ ăn cắp công khai, ăn cắp trắng trợn, ăn cướp đảng hoàng nhân danh chính nghĩa. Mỗi lần ăn cướp như vậy số tiền không phải chỉ vài trăm đồng mà là vài trăm triệu, vài chục tỷ.

Lối lý luận ngộ nghĩnh kích thích niềm vui nơi tôi. Ít nhất ông

ta cũng là một người không nhàm.

Khi ông ta đi ra, cô hàng sách bước lại gần. Tôi hỏi ngay :

– Ông nào đó, chị ?

– Ông Toại. Chưa biết à ?

Tôi lắc đầu.

– Làm việc ở đâu vậy ?

– Phó giám đốc Ngân hàng.

– Ông ta có những lý luận hay hay.

– Hơi gàn.

Đúng vậy, người có ý kiến bao giờ cũng bị phê bình là gàn. Xã hội đã tạo sẵn một mớ lẽ lối suy nghĩ và lẽ lối nói, y như những hộp thuốc bày sẵn ở tủ kính hiệu thuốc Tây,

ai đau bệnh chi cần loại nào là cứ đi thẳng lại lấy mà dùng, khỏi cần có sáng kiến.

Từ ngày biết được tên Toại, tôi hay để ý nghe xem người ta nói về ông như thế nào. Tôi ngạc nhiên thấy rằng người ta biết nhiều và nói nhiều về ông, nhiều hơn là tôi tưởng. Thật không mấy ai vô tâm hơn tôi. Trước đây người ta vẫn hay nói đến ông, chỉ có điều tôi không để ý nghe đó thôi. Một người đàn ông đứng đắn, có địa vị lại sống độc thân trong cái tuổi của ông thì rõ ràng là đầu đề cho một thành phố nhỏ. Tôi đoán ông có chừng bảy, tám tuổi và nét nghiêm nghị nơi đôi mắt đôi môi tăng thêm cho ông vài tuổi nữa. Ông sống trên tầng lầu nhất

nơi ngân hàng ông. làm việc. Mấy chậu hoa lan tím bày dọc nơi ban công, mấy lọ dây trường sinh treo dọc mái hiên tạo một không khí cô đơn biệt tịch. Qua khung cửa kính rộng, tấm màn cửa màu đỏ úa thêu hoa to điểm thêm một nét u trầm cho cái không gian nhỏ đó.

Có những đêm ở rạp xi-nê ra, trên đường về, tôi bảo xích lô đạp qua con đường của Toại, tôi nhìn lên căn phòng của Toại sáng ấm ánh đèn và tim tôi hồi hộp như tôi đang đối diện với Toại. Ông đang làm gì dưới ánh đèn ấm áp đó và trong sự im vắng của một căn phòng đóng cửa ? Ông đọc những trang sách ? Ông nghiên cứu một đề án ? Ông tiếp một người đàn bà ? Một người đàn bà. Vùng mắt

tôi xốn xang khi nhìn trong gương
tượng tôi thấy ông ngồi tiếp một
người đàn bà. Tôi yêu ông rồi sao
? Tôi muốn kêu lên một tiếng nhỏ
tuyệt vọng : Không ! Tôi là người
khó tính trong tình yêu mà. Tôi có
cảm tưởng tôi phải cần rất nhiều
oestrogène và progestérone để
đam mê trong tình yêu như những
bạn gái cùng lứa với tôi. Những
bạn tôi chúng nó yêu liên miên,
thay đổi tình yêu như thay đổi hóa
chất để làm cuộc thí nghiệm.

Người ta, khi nhắc đến Toại,
thường nhắc đến vài người đàn bà.
Cô Trang bây giờ đã lấy chồng, đã có
con. Cô có đôi con mắt thật đẹp và
hay ngồi sau tay lái của một chiếc
Taunus màu vàng nhạt. Người ta
bảo cô là người tình của Toại trong

nhiều năm. Hỏi có những chứng cứ cụ thể nào thì không ai đưa ra được chứng cứ.

Trường hợp bà Mỹ Nga thì tôi tin là hai người có cảm tình với nhau bởi có lần tôi hiện diện cạnh hai người khi họ gặp nhau. Hôm đó tôi đi Sài Gòn và hai chuyến bay Sài Gòn bị trễ nên hành khách đứng ngồi đợi tàu ở phi cảng đông nghẹt. Tôi ngồi cùng băng với bà Mỹ Nga. Toại tay xách cặp đứng nói chuyện với một người nào đó ở mái hiên. Bà Mỹ Nga thì nói chuyện cầm chừng với một người đàn ông ăn diện diêm dúa có lẽ đã theo tán tỉnh bà nhiều lần. Tôi đoán vậy bởi lúc này tôi thấy người đàn ông này đi lượn nhiều vòng với một vẻ vội vã giả tạo và cuối cùng lại chào bà

và nói những chuyện vắn vơ. Bà Mỹ Nga thì vừa trả lời ậm ừ vừa nhìn Toại với những tia mắt êm đềm. Toại cũng thỉnh thoảng đưa mắt nhìn bà nhưng kín đáo hơn.

Khi Toại dời chỗ đứng để đi lại quây vè thì bà cất tiếng gọi :

– Ông Toại.

Toại đi lại gần :

– Ông cũng đi Sài Gòn ?

– Vâng.

– Chuyến nào ?

– 420. Còn bà ?

– Tôi cũng đi Sài Gòn. Tôi có vé màu vàng. Chắc ông có vé màu xanh.

– Quả vậy. Thật đáng tiếc là chúng ta không cùng có một màu vẽ.

Đúng là lỗi nói của Toại.

– Ông có thật tiếc không ? Lúc này tôi cũng thấy có mấy cô cũng cầm giấy lên tàu màu xanh.

– Chính vì tôi cũng biết như bà nên tôi mới tiếc.

– Họ đều đẹp.

– Tôi đoán trước bà sắp nói như vậy. Bà lúc nào cũng rộng lượng đối với kẻ khác.

Người đàn ông dừng chầu bên cạnh bà Mỹ Nga xin phép cáo từ. Phải, nên cáo từ là phải. Nghe điệu nói chuyện của anh ta lúc này tôi

thấy anh còn non nớt quá, còn phải cần mẫn nghe câu chuyện buổi trưa câu chuyện buổi tối của đài phát thanh địa phương.

Giọng Toại nhỏ lại :

– Lâu quá tôi không được gặp bà.

– Nhà tôi đổi về Biên Hòa nên tôi ít có dịp về đây.

– Tháng trước cô Kim có gặp tôi và nói « đóa hoa sen » gửi lời chào ông.

Bà Mỹ Nga cười :

– Ông và cô Kim đặt cho tôi cái tên đó khiến nhiều hôm tôi soi gương tìm xem tôi giống đóa hoa sen như thế nào.

– Đóa hoa sen trắng.

– Vâng. Nếu ông ví tôi với đóa hoa sen đỏ thì tôi sẽ oán ông.

Cả hai cùng cười và tiếng cười đâm vào trái tim tôi. Bà Mỹ Nga có một vẻ đẹp quý phái mà tôi không sánh kịp dù tôi ít tuổi hơn. Nếu tôi làm đàn ông thì tôi khó cưỡng lại được tình yêu của một người đàn bà như vậy. Hai người thật xứng đôi và tôi cảm thấy tôi lẻ loi buồn bã. Toại ời ! Ông không biết rằng tôi đang âm thầm yêu ông sao ? Tôi ngồi cách ông không hơn một thước và ông nói những lời êm đềm cho một người đàn bà không phải là tôi. Nếu người đàn bà đó thua kém tôi thì tôi sẽ dừng dừng, tôi sẽ khinh khỉnh ngược mặt làm

cao. Nhưng đằng này người đàn bà đó lại đẹp hơn tôi...

Đến sáu giờ chiều thì nhân viên hàng không tuyên bố là những hành khách có vé lên tàu màu vàng phải ở lại đợi chuyển ngày mai, hành khách có vé màu xanh xin mời ra phi đạo. Bà Mỹ Nga đứng dậy thu dọn giỏ xách, vẻ mặt không vui.

– Thế là ông may mắn hơn tôi.

Bà quay lại tôi :

– Cô cũng may mắn. Cô cũng có vé lên tàu màu xanh.

Tôi nói « Dạ ».

Toại quay nhìn tôi. Tôi lúng túng không biết nên nói gì, đành nhìn trả lại rồi cúi xuống xách giỏ

xắc. Thấy tôi bận bịu đến hai tay,
Toại nói :

- Cô để tôi xách hộ cô một tay.
- Dạ tôi có thể...
- Nhưng tôi là đàn ông mà chỉ cầm một cái cặp nhẹ trong khi cô phải bận bịu đến hai tay, như vậy là tôi khiếm nhã.

Vừa nói Toại vừa đưa tay xuống xách hộ cái giỏ lớn của tôi, tôi không có cách gì từ chối. Bà Mỹ Nga làm an lòng tôi bằng một nụ cười :

- Ông Toại có tiếng là một người lịch sự.

Cổ nhiên là với cái giỏ của tôi trên tay, Toại cùng đi một chân với

tôi lên tàu và ngồi ở cái ghế cạnh tôi. Ông nhường cho cho tôi cái ghế nhìn ra cửa sổ,

– Cô sẽ tiêu khiển bằng cách nhìn xuống phong cảnh dưới đất.

Đó là một cách nói. Tôi biết ông không muốn giải thích rằng nếu tôi ngồi ở ghế giữa thì tôi sẽ phải chịu đựng một người hành khách lảng giềng bên tay trái, không biết sẽ tốt hay xấu.

Toại ngồi im lặng cho đến khi máy bay bay trên vùng trời Cam Ranh. Ông hỏi tôi khi ông trao cho tôi ly nước trà do cô tiếp viên hàng không chuyển đến :

– Nếu cô thích dùng nước cam thì tôi sẽ thay ly trà cho cô.

Tôi cảm ơn và trả lời rằng uống nước trà tôi sẽ được yên tâm hơn uống nước cam. Toại tỏ vẻ đờい câu giải thích của tôi.

– Không phải nước cam đóng hộp mà pha ra từ bột cam chua thì không bảo đảm tinh khiết.

Cuộc hành trình dài một giờ rưỡi mà Toại chỉ hỏi tôi có một câu ! Điều đó giúp tôi tin rằng ông không phải là người yêu bậy bạ, sống buông tuồng như có kẻ đã nói. Một người đàn ông có đủ phương tiện ăn chơi như Toại mà lại sống độc thân thì khổ ai tin rằng kẻ đó giữ được đạo hạnh.

Xuống phi cảng Tân Sơn Nhất, ngồi lên xe ca, Toại hỏi tôi :

- Chờng nào cô trở ra ?
- Dạ tuần sau.
- Như vậy xuống Sài-gòn cô phải ghi vé ngay để giữ chỗ mà về.

Tôi bạo dạn hỏi lại :

- Còn ông chờng nào về ?
- Tôi ở lại một tháng.

Một tháng cách xa ! Tôi muốn cầm bàn tay Toại đặt lên má tôi, bàn tay có những ngón trắng thon. Tôi sẽ về cái thành phố nhỏ của tôi sau một tuần và tôi sẽ vắng xa hình bóng Toại trong ba tuần liên tiếp. Ánh đèn sẽ không sáng lên ấm áp sau tấm màn cửa màu đỏ ủa có thêu hoa lớn màu vàng.

Khi chia tay ở nhà ga Phạm Ngũ Lão, Toại cúi đầu chào tôi.

– Chúc cô có những ngày dễ chịu ở Sài Gòn.

Toại không hỏi địa chỉ của tôi ở Sài Gòn cũng không cho biết địa chỉ của ông như bất cứ một người đàn ông nào vào trường hợp này hay làm. Toại xử sự tế nhị. Điều đó làm tôi vừa vui vừa buồn.

Thời gian trôi qua, tình yêu âm thầm tôi dành cho Toại làm tôi đỡ cô đơn hơn trong cuộc sống lặng lẽ của tôi. Một hôm tôi vào hiệu thuốc tây Kim Thanh mua thuốc thì thấy Toại ngồi nói chuyện với cô Châu dược sĩ. Toại ngồi xoay lưng về phía tôi nên ông không thấy tôi bước vào. Trong khi người

bán thuốc chạy lên lầu tìm thuốc cho tôi, tôi lắng nghe câu chuyện của Toại. Giọng ông trầm trầm :

– Tôi bức mình thật mà. Cứ nghe người ta đồn về mình, những lời đồn không xác thực, những lời bịa đặt có ác ý thì chị nghĩ xem, tôi làm sao mà có thể bình tĩnh mãi được ?

– Nhưng anh có thể phản ứng lại bằng cách nào ?

Toại giờ cao hai bàn tay :

– Đó, đó chính là vấn đề.

Im lặng một giây. Cô Châu :

– Chỉ có một cách là anh nên lấy vợ đi.

Tiếng cười của Toại :

– Phản ứng kiểu đó thì nguy quá. Lấy vợ để tránh người ta khỏi nhắc tới mình nữa chứ không phải vì tình yêu, sao lại có sự bi đát vậy ?

– Ai cấm anh không được cưới vợ vì tình yêu ? Tôi không tin rằng anh không có người yêu.

– Nhưng có người yêu mà không cưới được, có người cưới được thì lại không yêu.

– Tại anh khó tính...

– Chị thử đặt ngược lại câu hỏi : Chị có dễ tính không ?

– Ờ... ờ...

– Đó, rõ ràng là lưỡng lự. Thế nhưng...

Im lặng.

– Nhưng có lẽ tôi sẽ phải nghe lời chị... Phải, có lẽ chỉ có biện pháp đó là tiện hơn hết.

Tôi lấy thuốc, lật đặt lại quỳ trả tiền rồi bước ra.

Toại quyết định phải lấy vợ. Tôi muốn kêu lên : Toại ơi ! Ông đừng lấy vợ. Ông hãy sống độc thân như tôi. Ông nỡ bỏ tôi sao ? Ông không hề hứa hẹn gì với tôi, ông nói chuyện với tôi chỉ bốn, năm câu xã giao thông thường gì đó, gặp mặt tôi chưa chắc ông đã nhớ ra. Tôi có dám đòi hỏi gì nơi ông nhiều đâu ? Tôi chỉ mong được nhìn ông sống cô đơn nơi cái căn lầu lẻ loi của ông, và như thế là tôi đủ an tâm để sống cô đơn phần tôi rồi. Tôi chỉ

xin ông cho tôi được tự do tưởng tượng về ông, được nghĩ đến ông, được ôm ông trong vòng tay mơ ước của tôi.

Tôi gọi xích lô về nhà, không buồn đi mua sắm thêm mấy món đồ đã dự tính mua. Ngồi trên xe, tôi bình tĩnh lại. Toại mới nói chứ đã thực hiện đâu ? Chắc ông ta đã nói như vậy nhiều lần, trước đây, chứ đâu phải mới hôm nay ? Tôi tự cười mình hấp tấp vội vàng.

Nhưng nụ cười bình tâm tôi không giữ được lâu. Thư, một chị bạn ở ngân hàng cho tôi biết rằng Toại sắp lấy vợ thật, một cô thư ký của ngân hàng. Thư nói tên cô thư ký : không phải là một người lạ đối với tôi. Nàng còn nhỏ tuổi, không

đẹp không xấu, không có cá tính rõ rệt. Cuộc đời của Toại sẽ không bị ảnh hưởng gì hết bởi một người vợ như vậy. Tôi hơi yên lòng.

Toại ơi ! Tôi không muốn mất ông cho dù ông sẽ cưới vợ. Tôi không muốn một người đàn bà nào đó sẽ thay đổi hẳn tâm hồn ông, sẽ in dấu bạo tàn lên nếp suy tư cố hữu của ông. Tôi muốn, ông mãi mãi là người yêu trong tâm tưởng của tôi, của bà Mỹ Nga, cho dù ngoài cuộc đời ông có một người đàn bà ngồi cạnh ông ở rạp xi-nê, ở những tiệc tùng sang trọng. Ông hãy giữ mãi cái nét trầm tĩnh dịu dàng nơi ông, cái nhìn sâu thẳm đã từng nhiều lần xoáy thẳng vào trái tim tôi. Ông không cần nhớ đến tôi, đến người thiếu nữ vô danh

đã có lần ngồi cạnh ông trên một chuyến phi cơ, trên một chuyến xe ca. Kỷ niệm giữa chúng ta quá mỏng. Nhưng kỷ niệm do tôi nuôi dưỡng về ông thì dày và đậm vô cùng. Chỉ một mình tôi tô bồi nó mà thôi, nhưng tôi nguyện giữ nó thật lâu, thật bền bởi tôi biết tôi khó tìm được người nào để thay thế ông nơi ông hiện diện trong lòng tôi.

Mùa đông năm nay liên tiếp ba bốn trận bão lớn tàn phá nông thôn. Một hôm tôi vào lớp dạy thì em đội trưởng đứng lên xin tôi cho phép em quyên tiền của các bạn để giúp một người bạn trong lớp. Tôi hỏi :

– Ai là nạn nhân ?

Đội trưởng :

– Thừa cô, chị Nguyễn thị Lan.

– Lan nó bị gì ?

– Dạ má chị bị chìm đồ chết đuối.

Tai nạn lớn hơn sức tưởng tượng của tôi khiến tôi bàng hoàng.

– Đi đâu mà chìm đồ ?

– Dạ hôm mừng một má chị ở nhà quê đi đồ xuống chợ bán chuối. Đồ chìm, chết cả thầy mười hai người.

Tôi đồng ý cho đội trưởng đi yên tiền của các bạn. Đội trưởng kêu gọi tình nghĩa bạn bè và không

quên nhắc rằng đây là một dịp làm công đức, nhân lành quả tốt. Ngồi một mình, tôi nghĩ đến hoàn cảnh của gia đình Lan sau khi người mẹ qua đời. Lan là một cô bé hiền lành, xác người nhỏ nhắn, rụt rè ít nói. Với mười bốn tuổi, em là con gái đầu, lớn nhất của gia đình. Qua sự tiết lộ của các học sinh trong lớp, tôi được biết em có ba đứa em, đứa nhỏ nhất mới lên hai tuổi. Cơ sự đường này thì cha em sẽ phải lấy vợ và đứa chị cả là Lan sẽ chịu nhiều cực khổ về vật chất và tinh thần. Em sẽ còn rụt rè ít nói hơn nữa và tôi không biết liệu em có thể theo học được nhiều năm hay không.

Khi cuộc quyền tiền chấm dứt, tôi mở ví lấy hai tờ giấy năm trăm

đem xuống cuối lớp trao cho đội trưởng :

– Em cho cô góp phần với các em.

Khi học sinh chép bài vào vở, tôi bước ra bao lơn, lòng còn nặng trĩu nỗi buồn. Tôi định đứng nhìn cây cỏ một chốc lát cho quên đi. Nhưng chợt nhìn sang bên nhà Thờ Chánh tòa, tôi thấy sao hôm nay xôn xao tấp nập khác thường. Một dãy ô tô đậu nối đuôi nhau, những chiếc ô-tô nhỏ, đẹp. Có một chiếc có kết hoa, một đám cưới. Hôm nay là ngày... Tôi lặng người. Nhớ rồi. Bữa trước chị Thư nói rằng ngày mười hai là ngày đám cưới của Toại. Nhanh như vậy sao? Tôi đứng thẩn thờ hồi lâu. Tiếng

chuông kéo đổ liên hồi. Nhiều người ở trong cửa nhà thờ bước ra. Một người thợ chụp ảnh lui tới lăng xăng, đưa máy lên nhắm. Sau đó cái đám đông tản mác đi về phía những chiếc ô-tô. Tôi chăm chăm nhìn về chiếc xe có kết hoa. Những ông mặc com-lê đen đi cạnh những bà có tuổi mập mập mặc áo dài màu tối. Những cô trẻ hơn, áo màu tươi mát. Cô dâu có chiếc vương miện nhỏ cài trên mái tóc. Người đàn ông mặc lễ phục đen đi cạnh. Toại. Hal người bước chậm chậm. Hai cô phù dâu đi kèm.

Chiếc xe kết hoa đang trở đầu. Toại đứng nhìn qua sân trường. Chắc đến giờ này Toại vẫn chưa biết rằng tôi là một cô giáo. Rằng tôi đang đứng nơi này. Toại đưa

mắt nhìn theo dãy hành lang. Toại nhìn lên bao lơn. Toại thấy tôi. Toại có nhận ra tôi không ? Có nhận ra tôi không mà ông đứng nhìn sững tôi như vậy ? Nhìn cho đến khi cô dâu đưa tay kéo ông đi ? Chắc cô dâu không nghi ngờ chi hết đâu. Tôi chỉ là một nhân vật trong bóng tối thôi mà. Nhưng tôi thấy rõ ràng trước khi ông cúi mình bước vào xe, ông còn quay đầu nhìn tôi một lần nữa.

Xe chậm chậm chuyển bánh. Xe lướt nhẹ trên đường. Những xe khác nối đuôi cũng lướt nhẹ trên đường. Xe đi qua một khúc quanh, xe biến mất sau lùm cây me, sau dãy nhà. Những chiếc xe chạy sau cùng cũng lần lượt biến mất. Chỉ

một mình tôi đứng tựa bao lơn
theo dõi bóng hình ông.

Chuông reo hết giờ. Tôi phải vào lớp bây giờ đây. Tôi vẫn âm thầm yêu ông và chân thành cầu mong ông có Hạnh phúc. Lúc nãy em đội trưởng nói : «... hãy làm công đức... » Ngẫu nhiên mà tôi vừa góp tay làm một việc nghĩa nhỏ. Nếu được coi đó là công đức thì tôi xin dâng trọn công đức đó cho ông, cho người hôn thê bé bỏng của ông, trong ngày trọng đại này của cuộc đời hai người,

Võ Hồng

Mai Trung Tĩnh

Cảm xúc

1.

Cây hy vọng rung chuông

Khiến lòng tôi náo nức

Chưa kịp vui lại gần

Đã cành khô lá mục

2.

Mặt trời đỏ phương phi

*Đưa trẻ mới ra đời
Sớm nay, bình minh chậm
Chắc nó tự vẫn rồi*

3.

*Chiều đem sương lãng vãng
Bóng tối ngủ trong cây
Những vành khăn tang trắng
Từ đâu rủ về đây ?*

4.

*Trăng mọc lưng ven trời
Vết đạn nào thủng lỗ*

*Trên một thân thể đen
Cháy thui vì lửa đỏ.*

Đi trong mùa xuân

*Anh cho em chút sầu
Thoáng trên làn môi nhạt
Anh cho em chút buồn
Vương trong mắt em sâu*

*Mùa xuân run trên tóc
Lửa nào nung trái tim*

*Anh đi tìm bóng mát
Chỉ thấy trời đứng im.*

Mai Trung Tĩnh

Mai Thảo

**Tiếng động ngoài
phòng khách**

Một tiếng động nhỏ, quen thuộc, ở gần, thường hằng, hàng ngày, nhưng chính vì thế mà vành tai lơ đãng không phân định được, vang vọng dịu dàng vào sâu thẳm một cõi tiềm thức hờ hững, Tiếng động ấy cảm thấy như một giọt sao rơi tan vào một không gian không bến bờ, tôi cựa mình và thức dậy.

Tiếng giày của Đĩnh, trên mặt thảm phòng khách, chàng đã uống xong ly cà phê sữa như thường lệ, và đã đi làm ? Một cánh cửa vừa đóng nhẹ lại sau lưng thằng Hùng, thằng Dũng ? Đã đến giờ chúng tới trường ? Hay chị sen đã đi chợ về, đang lặng lẽ dọn dẹp, bất chợt làm xô động một cái bình hoa, một cái ghế bành ? Không rõ. Im lặng, trong một hình thái khác thường của im lặng đầy và lớn, căng thẳng và phủ kín, cũng là một tiếng động. Chỉ biết là một dấy động nào đó đã nổi, đẩy nhẹ tôi từ giấc ngủ như một đường hầm lên sự thức tỉnh ở phía bên trên, sự thức tỉnh trống trải, đột ngột và chan hòa ánh sáng.

Tôi vẫn nằm ở chỗ cũ. Trên chiếc giường nhỏ, kê gần cửa sổ.

Tắm chăn len mà buổi tối hôm qua, Đỉnh đắp lên cho tôi, khi chàng nói rồi đi ra, em cố ngủ đi một chút, chàng nói sau khi đã cho tôi uống một nửa viên thuốc ngủ như mọi lần, tắm chăn vẫn đắp, ngay ngắn, trên ngang tầm ngực. Tôi đưa mắt nhìn căn phòng. Tắm hình trên tường, chiếc tủ áo có gương ở một góc, những lọ thuốc lớn nhỏ đủ cỡ xếp hàng trên cái bàn nhỏ cách chỗ tôi nằm chừng ba tầm tay với, hết thảy vẫn ở đó, như đêm trước, như tự bao giờ, không đổi thay. Duy có điều là những vì sao tôi nhìn thấy lấp lánh trên một nền trời đêm thăm thẳm ngoài khung cửa sổ mở rộng, những vì sao ấy đã tắt. Tôi đã ngủ. Một đêm đã hết. Những vì sao đã rụng. Tôi đã thức, trời sớm mai đã dánh nắng hồng hồng, buổi

sáng có gió len đầy trong những ngõ ngách vô hình của không khí rộng thoáng. Tôi đang nằm đây, với nỗi ngạc nhiên hiện rõ dần dần là không hiểu tại sao tôi vừa ngủ được một giấc ngủ ngon lành, bắt suốt đêm như vậy. Ngủ được. Ngủ được. Suốt đêm, Vào được giấc ngủ. Như một lãng quên thêm thiếp tận cùng. Tới sáng. Thật là một chuyện lạ lùng. Và tôi, trong một hơi thở muốn đều hỏa, hai mắt mở lớn, tôi đang bàng hoàng với sự lạ lùng này. Là tại sao tôi ngủ được.

Hơn hai năm nay, niềm ao ước khẩn cầu, thảm thiết tuyệt vọng ám ảnh thần trí tôi, thần trí, cái vùng sáng suốt lành mạnh duy nhất còn lại của thân thể, là ngủ. Giấc ngủ.

Được ngủ. Ngủ được một phút thôi, đã là vàng bạc. Ngủ một giờ, đã là châu báu. Kéo dài được một buổi, từ trưa đến nhiều, từ tối tới nửa đêm, từ nửa đêm đến sáng thì giấc ngủ đã hân hoan tuyệt vời là một hạnh phúc thần tiên. Khát vọng về giấc ngủ như một bản bật trái phăng. ở đó là một cõi trống không yên nghỉ hoàn toàn nhất thiết từ chối và hất đầy khỏi nó mọi âm thanh và hình ảnh cuộc đời dội đập và vang vọng tới, đã khiến tôi hình dung ra cái giấc ngủ mơ tưởng ấy bằng trăm ngàn hình thái mê mẩn khác biệt. Lúc nó là một bãi cát chạy dài tới xanh biếc ngút mắt, trên đó tôi khoan thai bước đều, mỗi bước chân đặt xuống xóa bỏ ngay hình tích và dấu vết bàn chân trước, bãi cát ấy là giấc ngủ, giấc ngủ phơi phới,

thênh thang, nó là một xóa bỏ tận cùng, mịt mùng không quá khứ. Lúc tôi lại nhìn thấy vùng vô thức kia như một cửa hầm. Hầm nằm sâu trong chín tầng đất mát. Lòng hầm hẹp và tròn. Cuối đường hầm, là sự thức tỉnh xa vời sáng thành một tia sáng nhỏ. Tia sáng leo lét, không bao giờ tới. Tôi trôi, như thế, trong hầm sâu, trời suốt một nghìn đời không ra tới cửa, trôi tới đâu, hầm dị thường hầm hun hút mở dài tới đó. Đôi khi giấc ngủ còn hiện hình như một vệt khói, một tà áo phủ trùm lên thân thể. Một lúc khác, nó là một hạt sao rơi, rơi mãi, không ngừng. Nhưng định luật tàn nhẫn của cõi sống ác độc quỷ quái này là, nếu một sự việc gì nhỏ mọn tầm thường nhất một khi được đặt thành một mơ tưởng quá

độ, sự việc đó liền mang chung cái ý nghĩa một hạnh phúc tuyệt đỉnh, và hạnh phúc liền trở thành một sự thật hoang đường không bao giờ tới được. Như cái điểm đậu xuống của vì sao. Như điểm sáng cuối đường hầm. Như giấc ngủ không tới, không tới. Tôi bàng hoàng là vì thế đó. Bởi một màu nhiệm bất thường nào, tôi đã ngủ được ngon lành suốt cả đêm qua ? Cái cỗi cấu thành của mình, tôi nghe ngóng nó, bắt đầu thấy nó là một xa lạ, một bí mật. Phải. Tôi đang nghe tôi đây. Nghe đời tôi, tự xa xưa nghe tới buổi sáng này. Nghe qua từng tế bào. Nghe khắp cùng thân thể.

* * *

Hồi chuông rùng rợn đóng lên cái tiếng âm ty địa ngục thứ nhất, tôi nhớ hôm đó là một chiều thứ bảy. Đỉnh thành linh này ra ý định ra Vũng Tàu, buổi trưa, ngay sau bữa cơm. Tôi nín thính. Nín thính với tôi không có nghĩa một căn ngăn bằng sự im lặng. Đỉnh hiểu như vậy. Chàng dời bàn ăn đứng lên, vẫy gọi thằng Hùng, thằng Dũng vào nhà trong sửa soạn quần áo tắm cho chúng, rồi ba bố con đi thẳng xuống nhà chứa xe. Đã tưởng Đỉnh đi ngay sau đó. Băn khoăn nghĩ ngợi thế nào, Đỉnh lại quay trở lên, đến đứng trước mặt tôi và hỏi, rất nghiêm trang :

– Sao em không đi cùng với các con ?

Tôi đã chán biển. Đến cổ. Biển như một đam mê ngây ngất điên cuồng nay đã nguội lạnh, khuôn mặt diễm lệ ngày nào của một tình yêu đắm đuối chợt phô bày hết sự vô nghĩa lỗ bịch, người ta chỉ còn ngạc nhiên tự hỏi sao ngọn lửa cuồng nhiệt ấy có thể trong ta một thời ngùn ngụt bốc cháy, thoát ra ngoài, nhìn vào, mới thấy đam mê thành lửa ấy đã leo lét, đã lụn tàn, chỉ còn là lả tả tro than. Tôi chán biển. Đến cổ. Chán Đỉnh cũng vậy. Đến đây này. Cũng vậy, những lần đi Vũng Tàu, Nha Trang tắm nắng với Đỉnh. Những mùa hè rực rỡ phơi phơi đã khuất lấp bên kia một triền núi. Những mây trắng đã bay. Đã chết những trời biếc. Tôi đã từng với Đỉnh tắm nắng, chạy nhảy, vùng quẫy trong sóng biển

tung toé trắng xóa, buổi tối sánh vai Đỉnh chờ trăng lên trên biển đêm, ban đêm ngủ trong những căn phòng khách sạn gần bãi gió khơi xa thối tới menh mông tràn đầy những khung cửa sổ mở rộng. Cũng vui, cũng thích lắm. Nhưng đó là chuyện cổ tích. Bây giờ thì hết rồi. Những mùa hè cũ đã chết. Và tôi bảo Đỉnh cứ đi một mình tự nhiên, chiều mai hay sáng thứ hai về cũng được. Đỉnh nhìn tôi. Định nói gì. Rồi thôi, và cúi đầu quay ra.

Chồng con đi khỏi, tôi vào buồng ngủ, đặt mình nằm xuống. Giấc ngủ đến với tôi mau chóng. Khoảng ba giờ tôi thức dậy. Vào buồng tắm. Ra, pha cà phê uống, rồi gọi điện thoại. Chỉ mười lăm phút sau, đám bạn gái đã lục tục kéo đến. Cùng

phụ với tôi một tay, họ đẩy dạt bộ sa-lông về một góc nhà, một chiếc chiếu hoa được trải rộng trên nền đá hoa mát lạnh. Và canh chẵn bắt đầu sau đó, trong tiếng cười đùa vỡ nhà và trong khói thuốc lá mờ mịt.

Con Thoàn, chồng ra Cam Ranh mở tiệm giặt ủi thầu đồ giặt lính Mỹ, mỗi tháng lời bạc triệu, xoay xoay đĩa nợ :

– Đuổi chồng con đi đâu hết rồi?

Tôi ném cây bài đầu tiên xuống mặt chiếu. Còn nhớ được. đó là cây tam văn, cây bài tôi ghét bỏ không bao giờ muốn giữ :

– Ra Vũng Tàu.

Con Xuân, giờ thật cao phần

bài, cốt cho mọi người cùng nhìn thấy cái nhẫn kim cương lớn tướng ở ngón tay :

– Bao giờ về ?

Tôi đáp gọn :

– Mai. Mốt.

Bà Cả Lịch, có một tiệm bán đồ điện ở ngay đầu ngõ :

– Mợ không đi cùng ?

Tôi nhắc lại cái ý nghĩ về biển, một cách trực tiếp, về Đĩnh, một cách gián tiếp, ban nãy, sau bữa cơm :

– Không. Chán ngấy. Đến cổ.

Con Thoàn trề môi, nguyệt dài :

– Bây giờ nói như bà tướng.

Ngày trước, chồng đi đâu, em dính như đĩa. Có gì mà hồi này ký giấy cho anh được tự do ghê vậy ?

Con Xuân ném cây bài từ của nó xuống cánh dưới cho tôi :

– Cứu vạn đây. Bà xơi đi mà ù thập hồng. Sức mấy mà bây giờ nó giữ, nó theo, nó rình. Con Minh ăn một trận đòn nên thân, vào nhà thương một tháng, cuốn xéo đi Cao Miên tuần trước rồi.

Chỉ tôi, nó nói tiếp :

– Bà la sát này đã có lời yêu cầu quần hùng khai quang xung quanh chỗ đức ông chồng một khoảng chu vi năm cây số ngàn, cấm lai vãng, cấm bén mảng. Đứa nào bạo phổi, cứ nhìn gương con Minh.

Cả bọn :

– Con Minh thế nào ?

– Nặng thì cắt gân, nhẹ cũng cắt tóc.

Mấy con yêu tinh thần nữ cùng nhao nhao hô lớn :

– Ghê!

Tôi mỉm cười, ung dung đánh đi từng cây bài. Chúng nó ghê là phải. Bởi vì tôi, con Tuyết này đây, con Tuyết đã có cả một phần đời quá khứ lừng lẫy, đã không ra tay thì thôi, mà ra tay là phải thành giông bão, phải có đổ vỡ. Tôi hiền thật. Nhưng là cái hiền của một con sư tử ngủ. Tôi dữ, ghê gớm, khi tôi là con sư tử nổi giận. Cái con Minh hỗn xược đó, tới một lúc nào

đó đã làm cho tôi nổi giận. Nó với Đĩnh yêu nhau từ thời kỳ nào tôi không hay. Bạn bè kháo nhau đó là mối tình đầu đời, lúc tôi chưa gặp Đĩnh, bấy giờ Đĩnh còn ba đào, con nhỏ vừa ra khỏi trường. Người ta bảo mối tình đầu đời biển rừng sâu nặng, một kiếp không lãng quên, một đời còn tưởng nhớ. Đầu đời. Cuối đời. Cái quý gì thế, Yêu nhau thế, sao chúng nó không lấy nhau đi ? Hay là mối tình đầu đời chỉ phi thường ở chỗ có để mà tan vỡ, đứt đoạn, lỡ dở, không bao giờ thành tựu ? Xin hãy đề cho tôi cười. Chỉ biết rằng khi Đĩnh lấy tôi, sau một thời gian theo đuổi, xe hoa tôi đi trên phố lớn thênh thang, đường hoàng, công khai, không có một con nào dám lao ra cản đường hết. Thì thôi. Đừng khiêu nại

Đằng này, con nhỏ đã khiếu nại, theo cái lối khiếu nại thâm lén của nó. Rất liều lĩnh nhưng cũng rất muộn màng, Liều lĩnh là nó đã để tới khi tôi có hai con với Đĩnh rồi, quá khứ đã xóa bỏ, đời cũ đã đoạn tuyệt, mới tìm cách nối lại với Đĩnh, Muộn màng, vì nó xuất hiện trở lại trong cuộc đời tình cảm của Đĩnh, mãi mười hai năm sau, kể từ ngày Đĩnh lấy tôi. Đám bạn gái chơi bời, nhưng trái tim lại mềm yếu xúc động, xúc động như gái dậy thì, giấu tôi, nói nhỏ với nhau là như thế là tình yêu một đời, tình yêu không chết. Tình đầu như thế, theo chúng nó tán tụng. Nó lẫn vào máu huyết, ẩn tàng trong da thịt, đóng đô trong trái tim, nhập lặn vào linh hồn người. Con Minh quả thực đã yêu Đĩnh như vậy ? Có thể.

Không biết. Mặc thầy nó. Chỉ biết là tôi không cho phép. Không. Và khi được tin con nhỏ từ đâu xa trở về, cái bóng nó với cái bóng chồng tôi đã chờn vờn thấp thoáng gần nhau, tôi đặt ngay nó vào hàng kẻ thù phải đánh gục, phải tiêu diệt.

Tôi không ghen đâu. Tôi đã hết yêu Đĩnh. Nghĩ lại, tôi chưa từng yêu Đĩnh, chưa từng yêu lấy một ngày. Chẳng hiểu sao lại lấy. Cũng chẳng tìm hiểu bao giờ. Nhưng cái mối tình lớn lao, cái mối tình tan nát diễm lệ, nhớ thương không cùng kia, khi Đĩnh thầm lén nuôi dưỡng cho sống lại của người tình cũ, tôi coi đó là một ngạo mạn hỗn xược, không thể nhắm mắt, không thể dung thứ.

Người đàn ông chung thủy nhất, khi lừa dối vợ, nhất là khi sự lừa dối ấy lại được giải thích một cách tình cảm, lãng mạn là “nổi lại đường tơ với mối tình thứ nhất” sự lừa dối cực kỳ mau chóng. Thoáng chốc đã xong. Khoảng khắc đã là. Cuộc điều tra vừa thoát khỏi sự, điều tôi kinh ngạc khám phá thấy là Đĩnh đã sang ngay cho con nhỏ một căn nhà trong khu Bàn Cờ. Khu Bàn cờ. Bọn ngoại tình giống nhau ở một điểm : chúng thật khôn khéo quỷ quyệt. Phố, đường Bàn Cờ trăm nghìn khuất khúc. Ngõ ngang chông ngõ dọc, hẻm trước nối hẻm sau, như rết trăm chân, đi vào lạc lối. Nhưng Đĩnh chưa hiểu tôi. Dắt díu nhau xuống địa ngục, tôi cũng tìm thấy. Liền. Chạy lên trời cũng không thoát tôi đuổi

kip. Và cái cảnh tượng ngọc đá tan tành, uyên ương tan tác thế là đã diễn ra. Tôi chọn đột nhập vào cái sào huyết kín khuất của con nhỏ một ngày mưa lớn. Buổi trưa. Mưa lớn, người ta hay nghĩ đến chiếu giường, ải ân và tình tự. Buổi trưa là giờ chẳng ai ngờ. Đúng là như thế thật. Hai anh chị bị bắt quả tang đang ăn nằm với nhau. Đỉnh hoảng hồn. Con nhỏ thì mặt mũi xanh lét như tàu lá. Hai mụ đánh mướn ở Khu Cầu ông Lãnh tôi gọi đi theo phòng hờ đúng châu ở ngoài cửa. Tôi bình tĩnh ra lệnh cho Đĩnh mặc quần áo, đứng im đó. Rồi tôi bình tĩnh tiến đến trước mặt con nhỏ. Tôi đã gói sẵn trong khăn tay một gói gạch vụn, kính vỡ. Và cứ thế, tôi bình tĩnh đánh vào mặt, vào má, vào đầu con đàn bà liều lĩnh dám

ôm ấp cái ảo tưởng điên rồ chiếm đoạt được chồng tôi. Sự bình tĩnh của tôi lúc đó chắc là rùng rợn và ghê gớm đến tan nát hồn vía kẻ thù. Chắc thế. Đỉnh đời người, như mê đi. Con nhỏ thì không hề dám chống cự, cho đến khi mặt mũi, tóc tai đầy máu, nó rú lên và ngã xuống. Ngay sau đó, người ta chở nó vào nhà thương. Một tháng sau, nó cuốn gói sang Cao Mên. Nó đi xa là khôn. Còn ở lại, lần đầu là trận đòn tan nát. Lần sau, có án mạng. Tôi còn hơn Hoạn Thư. Hơn gấp một nghìn lần. Hoạn Thư ghen, độc địa, không bằng tôi thù ghét, khủng khiếp. Làm sao được. Phải thế. Đỉnh là đồ vật của tôi. Đứa nào dùng vào cái đồ vật Đỉnh, từ từ, các bồ, hãy coi gương con Minh.

Đám bạn gái đã nhắc lại vụ ngoại tình của Đĩnh và cuộc trừng phạt của tôi trong canh chẵn chiều thứ bảy hôm đó, một canh chẵn đặc biệt, khó quên, vì tôi nhớ tôi đổ lạ lùng. Lên bài là chờ. Thế nào cũng ù. Mà toàn ù những ván lớn. Tới một ván bài mới. Tay tôi đủ tám điều. Lẽ là cây bát sách và ba cây cửu vạn. Con Xuân, ở cánh trên ném cây bài xuống :

– Chiều nay, cả làng thua bà rồi. Bà xơi cho rồi bà thập hồng.

Cây bài là cây bát sách. Tôi cười :

– Mười điều là cái chắc.

Nhà dưới chạy cánh đánh đi cây

cửu vạn. Thế là tôi thập hồng hai
lèo bạch thủ chín ù. Đúng vào cái
giây phút tôi cất tiếng cười lớn vui
thú, cả làng đang nhao nhác, thì tôi
thấy đau nhói ở bụng dưới. Đau dữ
đội. Đau bâng hoàng. Như có một
ngọn lửa, một mũi nhọn đâm suốt.
Tôi kêu lên, đau đớn, hơi thở đứt
quãng trong lồng ngực. Mọi người
kinh ngạc hỏi sao thế, tôi ôm chặt
lấy bụng, rồi gượng cười lại được
vì chỗ đau nhói đã tan ngay. Canh
bài tiếp tục sau đó.

Hai ngày sau, chờ Đĩnh đi làm,
tôi đến một phòng mạch. Bác sĩ
nghĩ ngờ một triệu chứng nào đó,
nói tôi nên tới chiếu điện ở Viện
Ung thư. Sự nghi ngờ của người
thầy thuốc là sự thật. Điện chiếu
sáng cơ thể, tới từng tế bào, từng

hạt máu, thớ thịt, đã phát giác được dấu chân tử thần lên nháp. Tôi khỏe mạnh, tôi hồng hào, tráng kiện, tôi quanh năm không đau yếu bao giờ, tôi đã mắc chứng ung thư lúc nào không hay.

Trở về nhà, ý định đầu tiên của tôi là giấu nhẹm, không cho Đĩnh biết. Mỗi tuần đi chữa tôi đều chờ lúc Đĩnh đã đi làm. Và trở về, trước giờ Đĩnh tan sở. Cuộc điều trị chứng bệnh hiểm nghèo kéo dài trong bí mật được sáu tháng, thời gian này cũng là thời gian một ngọn lửa hy vọng còn bùng bùng ngọn đỏ trong tôi. Người khác bị ung thư, mười người, chưa một người thoát chết, nhưng tôi sống, tôi sẽ khỏi, đêm đêm ngày ngày tôi tự nhủ thầm với tôi đến cả ngàn lần. Có điều là

chính niềm hy vọng hảo huyền và phản khoa học này đã giết chết tôi. Giết chết tôi nữa, cái sự tôi muốn giấu không cho một người nào biết. Lúc đầu, bác sĩ khuyên tôi chịu để cho giải phẫu tức khắc. Ung thư như thế, ông ta nói. Để chậm một ngày, chỉ một ngày thôi, trạng thái của bệnh sẽ không biết bao nhiêu lần trầm trọng và nguy kịch hơn. Biết vậy mà tôi đã không chịu. Chỉ vì muốn giấu kín không cho ai biết hết.

Tôi đã phải trả giá thật đắt sự ngu xuẩn này. Vùng tàn phá trong cơ thể lớn dần. Sau sáu tháng, không còn là những cơn đau thảng thốt, nhưng mau chóng, có thể ngửi thấy rằng chịu đựng. Mà là những hồi đau, những cơn đau, những

trận đau tan hoang trời đất, mê loạn tâm thần, khiến tôi quẩn quại và la hét ầm lên. Sự bí mật đã bị phát giác. Đỉnh biết. Và với tôi, tất cả đã muộn. Những bác sĩ lắc đầu. Những phòng mạch từ chối :

– Bà nhà chỉ còn chờ chết thôi thừa ông. Bà không chịu để cho giải phẫu từ đầu. Bây giờ, giải phẫu cũng là vô ích.

Chữa chạy thì vẫn cứ phải chữa chạy. Nhưng đó chỉ là vấn đề kéo dài được ngày nào thêm ngày ấy. Người ta đã bảo với Đỉnh như vậy. Tôi không nghe thấy. Nhưng biết rõ người ta đã bảo cho Đỉnh biết như vậy. Bản án tử hình đã định. Cuộc sống đếm từng ngày. Cái chết chợt kín trùm. Cuộc sống lùi từng

bước. Ngọn lửa hy vọng trong tôi đã tắt ngấm.

Trên chỗ lửa cháy cũ, là mênh mông tro than. Tôi biết thế. Và đòi Đỉnh đưa về nhà. Hôm đó, trời đổ một trận mưa thật lớn. Áo ạt. Bao táp. Mùa mưa đã bắt đầu.

*

Chỗ tôi nằm từ đó, như cái quan tài nổi của kẻ thoi thóp sống, là chỗ này, chiếc giường nhỏ kê gần thành cửa sổ. Những gì đã xảy ra trong khoảng thời gian địa ngục ấy, cho tới buổi sáng hôm nay ? Tôi cố gắng hồi tưởng lại, mà không tài nào xếp sắp được trong đầu óc cái dòng chảy liên tục, không ngừng

ấy là đời sống chung quanh vẫn có, một trạng thái đời sống lúc thấp thoáng xa vắng, lúc ngọt ngào kể liền, khi chói chang như giàn đèn chiếu chúc xuống một bàn gỗ trắng toát, khi hư ảo chập chờn như bóng như hình dềnh lên từ một thung lũng mù sương. Đâu như các con tôi đang lớn dần, mỗi buổi tối, chúng vào chào mẹ chúng đứng xa xa, với cái nhìn tò mò khiếp hãi, trước khi đi ngủ. Đâu như mỗi buổi sáng, vẫn có những thể loại tiếng động không phân định được nổi lên ở ngoài phòng khách, trong căn nhà yên tĩnh, tiếng một cánh cửa khép lại nhẹ nhàng, một vật cứng rơi từ trên cao xuống, lăn đi, một nhánh cành gãy lia đập vào thành tường trước cửa, âm vang kéo dài của xe cộ vọng vào từ những phố xa,

người chị hai khoảng mười giờ từ chợ trở về, sau đó là tiếng nước ào ào ở khoảng sân bếp. Không biết. Không rõ. Hay những âm động ngăn chột ấy chỉ là im lặng. Im lặng. Im lặng trên một hình thái nào, mang một linh hồn nào, im lặng cũng là tiếng động. Đâu như Đĩnh đã xin nghỉ một tháng, hết hạn, phải đi làm như cũ, những bạn hữu thỉnh thoảng tới thăm, họ nói nhỏ, bước rón rén, những tiếng xì xào lọt vào, đứt quãng, qua khung cửa dày nặng đóng kín, và những buổi trưa, ngôi nhà từ phòng trong tới phòng ngoài vắng vẻ từ trên lầu xuống từng dưới hiu quạnh, là một nắm mờ âm thầm nắm thêm thiếp dưới nắng

Và thật cao, trên một vùng

không khí khác, vô tính, là thời gian trôi qua, trải qua. Đã hết một mùa mưa chưa ? Đã sắp một mùa nắng tới ? Cây hoa ngoài đầu cổng đã nhú mầm, đã hoa nở ? Những chủ nhật trên lịch và những tuần lễ nào ở nhà thờ, ở ngoài đường ? Không biết. Không rõ. Tất cả chỉ còn là một hòa nhập, trộn lẫn, lững lờ, không hình thù không ranh giới. Trên thành cửa sổ kia, có một cái lọ nhỏ, màu xanh, ngày một lần, người chị hai vào, rón rén đi qua đầu giường, lấy đi những hoa cũ, cắm thế vào bình những hoa mới. Những lọ thuốc xếp hàng trên cái bàn nhỏ, hết, lại được thay bằng những lọ thuốc khác. Đều đặn. Buổi chiều, căn phòng chập choạng bóng tối, là giờ người bố già Đinh mượn thêm từ ngày tôi

ở bệnh viện về. Mụ nâng tôi dậy, thay quần áo, chải tóc, đắp chăn lên ngang ngực cho tôi, rồi quay ra, không nói một lời, cũng không gây nên một tiếng động nhỏ. Muộn một chút, là phiên Đĩnh. Chàng vào, bây giờ cũng đứng lại trên thềm cửa một chút, rồi mới tiến thẳng đến cái bàn để thuốc. Cái bóng Đĩnh cao lớn, xa cách. Một nửa viên thuốc ngủ đây, thuốc an thần đó, cho em khỏi đau đớn, cho em ngủ được, nước đây, em uống đi, ngủ ngon, ngủ nhé, tiếng nói thả xuống tôi dịu dàng nhưng không bắt bám mà trôi trượt tan biến, rồi là cái lưng Đĩnh thấp thoáng, một vết đèn từ phòng khách lọt vào, vết sáng mất hút, cánh cửa đóng lại, tiếng chân Đĩnh bước chậm trên từng bậc thang lên chỗ ngủ riêng

của Đỉnh ở trên lầu. Tiếng chân của Đỉnh ? Thật không, tiếng chân ? Viên thuốc mỗi tối, chải tóc mỗi chiều, vài sáng thay hoa, những người bạn tới rồi đi, tôi đang nằm đây sao, tiếng động ngoài phòng khách ? Thật không thuốc, hoa, tóc rối, phòng khách, bè bạn, tiếng động ? Nặng lung linh trên những bờ tường, mưa lướt thướt bò trên khung kính, sương đêm một dòng xanh biếc lan vào, lan vào như một người tình ma quái lạnh lẽo, những thoáng gió lùa nửa đêm về sáng, ngoài cửa sổ mây bay, ngoài cửa sổ trời cao, ngoài cửa sổ sao sáng, sao từng vì trắc ẩn đang nhìn xuống kẻ hấp hối bất động, tôi mỏng như một tờ giấy, trong như một phiến gương, nhẹ hẫng bông nõn, nhày nhụa da thịt, đời vang vang tiếng

dội vọng tới, đời chảy vòng quanh tôi là đảo, lưng, vai, cổ, tay chân, tâm não, hữu thể và vô thể, có và không, thật không, thật không ?

Cơn bệnh kéo dài, đêm ngày cũng một, thời gian trôi gối lên những điểm tựa, không gian trôi ngừng lại với những chân trời, thì thật không cái tiếng động vừa chột nghe thấy ở ngoài phòng khách ? Tôi không biết nữa. Cơn bệnh triền miên đã đưa tôi từ phòng khách vào tới trong này. Đóng cửa lại thành một ngăn cách minh bạch, quyết liệt, bất khả kháng, và tôi một mình, những xa lảng tuần tự của đời cuối cùng đã tách rời tôi thành một thế giới riêng.

Đó là cái thế giới của trận đau

đón tan nát quần quai, vật vã rú thét, lăn từ trên giường xuống mặt đất, quật sấp, hất ngửa, dựng ngược từ đầu giường, đổ ập xuống cuối giường, thân thể bị một sợi dây vô hình trói buộc chặt nghiêng thành linh nổ tung thành muôn nghìn mảnh nhỏ, đau chạy từ tủy qua xương, đau từ đáy cùng mình đau tới chóp đỉnh óc. Đó là cái thế giới của nước mắt dàn dụa, mồ hôi đầm đìa, tay chân chơi vơi quờ quạng, cái miệng há hốc hỗn hển, đôi mắt thất đảm kinh hoàng mở đến đứt kẽ, tôi la thét vang động, tôi gào rú điên cuồng, ngôi nhà yên tĩnh bất chợt chỉ còn là một cảnh tượng hoảng hốt cùng khắp, chân chạy rầm rập trên cầu thang, cửa đóng cửa mở thành thành, những cánh tay tua tủa ghì giữ, tôi gầy

gục, tôi lê lết, tôi đổ nhào, rồi tôi ngất đi. Thế giới đó là cái thế giới của tôi và của ung thư.

*

Như thế đã bao nhiêu đêm, không đêm nào tôi ngủ được. Một nửa viên thuốc an thần chỉ có hiệu lực làm tôi thiếp đi được trong khoảng khắc. Nửa viên thuốc nào cũng vậy. Đêm nào của người ung thư cũng vậy. Những chiêm bao mê mẩn chập chờn và những cơn đau. Vậy mà bất chợt, chẳng ngờ, đêm qua, tôi đã ngủ được, thư thái ngon lành tới sáng. Chứng bệnh như một ngọn triều quái đản đã rút lui xa tắp khỏi những bến bờ thân thể tan nát ? Một ý lực phi thường

xuất phát từ tiềm thức bấy lâu
nhấn nhọc tới lúc thức tỉnh thành
phản chống mãnh liệt, ý lực ấy vây
bọc, che chở, bảo vệ tôi như một
vòng đai an toàn ? Hay chỉ là giữa
cái nghìn lẻ một của đêm, đã có
cho tôi, một đêm khác thường, một
đêm kỳ diệu ? Những câu hỏi này
sáng lên trong đầu thành những
hàng chữ ngay ngắn, tôi không trả
lời được, mà chỉ nhận thức được
điều này. Là một ân huệ cuối cùng
vừa đến với tôi, ân huệ của bệnh
hay ân huệ của trời, không hay, chỉ
biết là một miếng vải bịt mắt vừa
được tháo gỡ, vực thẳm vừa đầy
tội dềnh lên, cái khoảng thời gian
tĩnh táo minh mẫn này không vĩnh
viễn, chỉ là chốc lát, tôi phải biết
sử dụng nó, cho toàn thể cuộc đời
mình, một lần cuối cùng, trước khi

vực thăm lại kéo thốc xuống đáy, trong mắt lại mù lòa mê mẩn trước miếng vải bịt kín như cũ.

Ngôi nhà lúc này yên tĩnh hoàn toàn. Không còn một tiếng động nào vọng vào từ phòng khách nữa. Đỉnh đã đi làm. Hai con tôi đã đến trường. Tôi bị ung thư đã ba năm rồi, tôi đang nằm một mình, tươi tắn, hồng hào, khoẻ mạnh, cái thế giới khủng khiếp của bệnh đã biến mất, như một màu nhiệm, tôi đã được chuyển sang một thế giới khác, giấc ngủ thần tiên trong nhịp ru đầy hiền hòa của đêm đã thả tôi đến một hòn đảo mới. Biển chung quanh cũng là biển mới. Sáng láng, xanh biếc. Trời trên đầu cũng là trời mới, xa rộng thênh thang. Một bãi cát trải dài trước mắt. Mặt cát

mịn óng. Vậy thì không phải là lúc nào khác nữa, mà lúc này, chỉ lúc này, tôi ngồi lên, dờn khỏi chiếu giường như một lòng huyết nổi, tôi xuống với mặt cát xa tấp, mịn óng, tôi ra khỏi đời, tôi đi đây. Gió tôi có rồi. Phải bay theo gió. Trời tôi trên kia, lên theo cùng trời. Biển cũng đã vậy, theo thuyền ra khơi. Tôi đang là nắng, tôi đang là sao, trong cái khoảng khắc dị thường này có đủ hành lý để lên đường, thì lên đường, thôi đừng ở lại. Minh, không ai nói, nhưng bằng một linh cảm chắc chắn, chị biết em nghe tin chị ung thư, em đã từ Cao Miên trở về. Chị một đời đau, em cũng vậy, đau đón một đời chờ đợi. Đã đến lúc mở cái đập chắn trên triền núi cao, cho nước chảy ào, cho những cỏ hoa và những đồng nội

dưới kia được chan hòa nước tới. Ngày mai những thước không khí quân, sững, ung thối của ngôi nhà này sẽ được thay thế bằng những thước không khí mới, những khung cửa sổ sẽ mở rộng mọi cánh cho gió nắng tràn vào.

Anh Đĩnh, em cũng trả lại hết cho anh tự buổi sáng này. Giấc ngủ an lành thư thái suốt đêm qua, dưới bát ngát trời sao, bên cạnh một khung cửa sổ mở rộng, giấc ngủ kỳ diệu đó còn lại trong tôi, như một dải nắng ấm áp, một dòng suối róc rách, một tiếng đàn thánh thót, một giọt sương long lanh đọng trên một đài hoa mới mở, mới thơm hương. Tôi chợt mới. Tôi thoát hồng. Và những oan trái trùng trùng, những chứng nghiệp

điệp điệp của một đời mê hoảng, tôi nghĩ lúc này tôi đã trút thoát được. Ba năm nay, tôi đã là một niềm kinh dị thất đảm cho chính tôi và cho tất cả mọi người. Ngôi nhà là một địa ngục. Những cầu thang nín thở. Những cánh cửa rùng mình. Ngói trên mái từng hàng tưởng như huyệt hơi, muốn rớt. Gạch trong tường muốn đổ, những tờ lịch treo, những khung ảnh, những cuốn sách cũng buồn rầu. Từ chỗ tôi nằm, từ lòng huyết nổi, tử khí lan rộng, kín trùm, thành một bóng rợp mênh mông, ở đó sống là rón rén, ngại ngùng, che giấu và xa lánh sống. Nằm một chỗ mà hóa ra cái chỗ nằm trong căn buồng đóng kín này của tôi đã là một chiếm đoạt hung dữ. Mọi người mất chỗ. Những đời sống không còn. Ba

năm nay, tôi ung thư và Đĩnh, bà nhỏ, đồ đạc, không khí, cái cánh cổng có giàn hoa tím leo, cái lối đi có nắng dãi buổi sáng, sân thượng trên nơi trắng lên từng chiều, cũng đã ung thư. Bản án tử hình đã định rồi. Tôi nghĩ được rằng, cuộc hành hình phải được khai diễn. Cho sau đó, pháp trường dọn đi, chỗ kẻ chết treo sẽ được là chỗ cho trẻ nhỏ đùa nghịch. Thật là hợp lý và giản dị. Đời sống trút thoát cái ý nghĩa thảm hại cuối cùng khi kẻ sống thoi thóp đeo bám lấy nó, ngu xuẩn, bướng bỉnh và tuyệt vọng, Đã đến lúc phải cất đi cái vai trò lạc vở của mày. Lùi vào hậu trường. Tránh sang một lẽ đường. Tôi nhủ thầm được với tôi như vậy.

Lần thứ nhất trong dằng dặc

một cuộc sống hèn thấp, giam nhốt trong thù hận và ngoan cố vị kỷ, tôi nghĩ được xa hơn, Những con đường của thành phố này nhỏ quá. Chân kẻ kia chưa dời đã chân kẻ này đặt tới. Tranh nhau từng thước đường. Cướp nhau từng góc phố. Sống quả là một dành đoạt bạo tợn mọi rợ, từng phút từng giờ. Những ngôi nhà trong thành phố này chật quá. Tóc chen chúc tóc, vai chồng chất vai. Phải cần một thước khối không khí mới đủ, nhưng chỉ có một ngum trời thiếu thốn cho từng lồng ngực thở. Mái che khuất trời xanh, Mây lấp đường sao tới. Như thế đó. Và chẳng riêng gì thành phố này. Mà tất cả những nơi chốn, những thành phố, cái hiện tượng ngăn chặn, khống chế, khiến mầm thôi mọc, hoa không nở,

là một hiện tượng toàn diện của trái đất ung thư. Trái đất. Thành phố này. Căn nhà này. Trái đất này. Cái con số ung thư như tôi là bao nhiêu. Ung thư thể xác, ung thư tâm hồn, những công dân cỏ dại, những cá nhân khô mục, những án tử hình đã định rồi, là bao nhiêu cái con số, như tôi, của những kẻ phải tự mình loại bỏ. Nhiều lắm. Hàng triệu. Xếp hàng, chắc nghìn dặm dằng dặc. Chồng lên, chắc hàng hàng cao vút. Như tôi, chúng đang làm bắn những đáy biển, đục những dòng suối, héo những thảm cỏ, tối những bầu trời. Chúng ở đâu thì những hàng cây khô dần. Và chết. Chúng tới đâu, là đời sống tốt tươi đến mấy cũng bị nhiễm trùng và bị khai quang.

Thôi, sống thế là đủ rồi. Thôi đi rồi, đã được. Thôi về. Thôi đi. Trời thật đẹp lúc này. Căn phòng lặng lẽ. Ngôi nhà yên tĩnh. Bông hoa trên thành cửa, phòng khách không tiếng động, giấc ngủ đầy trong thân, nỗi đau chợt tan biến, thi hành lý một đời của ung thư còn có được, là lúc này để lên đường. Đỉnh, cái lọ thuốc nhãn xanh, vạch đen, đặt riêng một chỗ trên bàn thuốc kia, đáng lẽ từ lâu, anh phải cho em uống. Không mỗi lần chỉ nửa viên. Mà hết cả. Để không phải chỉ là một khoảng khắc thiếp chợt. Mà là một ra khơi vĩnh viễn, một lên đường, hoàn toàn.

Ba năm nay, ngồi lên phải đỡ lưng, bước xuống phải xốc nách, không ai trong ngôi nhà này tin

được em có thể xuống khỏi giường một mình, lết tới được cái bàn để thuốc. Thành ra lọ thuốc kết liễu để đó, mà anh yên tâm lắm. Chính tôi cũng tưởng như vậy, như Đĩnh, như mọi người, là thiếu một sự dè dặt, tôi đã tê liệt tận cùng trên mặt đệm như một lòng huyết nổi. Riêng lúc này thì không. Tôi chột mới. Tôi thoát hồn. Lúc này không phải là những lúc khác.

*

Anh Đĩnh, bằng một cố gắng phi thường, em đã cựa được mình. Ngồi lên. Đặt một chân rồi hai chân xuống đất. Đi một bước Rồi bước thứ hai, thứ ba. Tới được cái bàn thuốc. Và em trở về giường được rồi đây. Nằm được xuống. Hai tay

đuổi thẳng theo chiều người. Nhìn nghiêng. Nhìn ra ngoài khung cửa. Đầu đó, một ngọn suối bần đang dần dần trong suốt trở lại. Đầu đỏ, một đáy biển đục đang từ từ là một đáy thủy tinh. Trái đất này vừa có một chỗ trống đi cho một phiến trời xanh chột hiện. Phòng khách không còn một tiếng động lớn và đầy nào vọng vào. Im lặng. Trên một hình thái, trong một linh hồn nào, im lặng cũng là một tiếng động. Nước mắt dàn dụa, nụ cười hân hoan, tôi mới, tôi hồng tôi nghe thấy cái tiếng động dị thường ấy lớn dần, lớn mãi trong đầu, trong thân, thành một vùng biến động.

Mai Thảo

Kim Tuấn

Mùa xuân rồi đó em

*Mùa xuân rồi đó em
người ta nói hòa bình
đêm nằm nghe súng nổ
quê nhà còn xác xơ
ruộng vườn hoa cỏ mọc
em vẫn đợi vẫn chờ
anh vẫn còn phiêu dạt
có gì đâu mộng mơ*

lá rừng xanh khuôn mặt
đất rừng hoen dấu chân
đêm rừng sâu chờ giặc
đường rừng mưa lá vàng
anh những chiều nhớ lại
núi ngậm ngùi đứng trông
mây ngập ngừng dưới thấp
sương mù che nẻo về
sương mù che mấy quận
sương mù che đường quê

Mùa xuân rồi đó em
mấy mươi giờ ngưng chiến
mấy giờ quên hận thù

mấy giờ không súng nổ
mấy giờ ta rong chơi
trên đồng thơm cỏ rạ
trên đường không chông mìn
trên cõi đời xuân mới
trên cõi ta một mình
xuân nào xuân mới đến
xuân nào xuân qua đi
xuân nào ta ngồi lại
ôm nỗi sầu trống không
quê hương mù khói lửa
ta nuôi lớn hận thù,
mùa xuân qua lặng lẽ

Mùa xuân rồi đó em
người ta nói hòa bình
đêm nằm nghe súng nổ
quê nhà còn xác xơ
ruộng vườn hoa cỏ mọc
anh vẫn còn phiêu dạt
có gì đâu ước mơ.

Kim Tuấn.

Thanh Tâm Tuyền

Bóng chiếc

Ông ta nhắc : thế nào cũng đến nhé, ông ta không có thói quen nói đi nói lại một điều trong câu chuyện, vả lại ông ta thừa rõ Tạo phải đến, không thể không đến được. Tạo dạ, chờ ông ta buông máy, nói tiếp : tôi nhớ rồi, dạ, tôi sẽ đến. Ông ta nhắc lần nữa : tôi có chuyện cần bàn với ông, ông nhớ địa chỉ rồi hả ; ông ta đọc lại số nhà và tên đường hỏi

: ông Tào có cần tôi sai người ghé đón không ? Tào từ chối, thắc mắc không hiểu lý do khiến ông ta hẹn gặp ở ngoài dinh thự ; thường Tào được mời đến nơi làm việc, được tự động đẩy cửa vào phòng khách, đôi khi vào thẳng trong văn phòng ông.

Con phố ngắn, nhưng rộng, nằm giữa hai đại lộ đông, mang vẻ ẩn khuất của một đường hẻm. Ngôi biệt thự, Tào đã tới vài lần ngày còn là một trụ sở của một giáo phái, bờ rào và cổng sắt bịt kín bằng tôn cao khỏi tầm mắt. Tào nhớ mấy cây bông đại trong sân trước, một đêm ngủ lại, xông mùi hương nồng nàn khó chịu vào tận phòng ngủ trên lầu. Đêm trăng sáng lạnh lùng soi ngôi nhà không

dùng để ở, Tạo ngả lưng lên mặt bàn dài đợi sáng, cạnh anh chàng Ba Mập, tay chân bộ hạ của ông Đức, (nhà văn trí thức kẻ sĩ lý thuyết gia của anh Bảy). Anh chàng đọc thơ, nói chuyện văn nghệ, tưởng tượng đến những bóng dáng Liêu trai khi trông xuống khu vườn rậm rạp.

Cánh cổng mở sau tiếng chuông reo. Anh chàng gác cổng, người xứ Quảng có vẻ một người giúp việc trong nhà bảo : mời ông lên lầu. Ông ta đã đến, chiếc xe hơi của ông đậu trong sân. Trên thêm người vệ sĩ thân tín của ông ta đón Tạo. Tòa nhà được sửa sang, bày biện tươm tất hơn trước, cất thêm một dãy nhà ngang đằng sau. Chừng hơn năm nay ngoài phố người ta bắt đầu xâm xì về nhiều màn lưới mật

vụ chặt chẽ của chế độ, của riêng ông ta thì đúng hơn, và Tạo nghĩ ngôi nhà này có lẽ là một trong những trụ sở bí mật của hệ thống. Người vệ sĩ luôn luôn thụt sau Tạo một bậc thang. Bao giờ Tạo cũng cảm thấy ở mình sự bình tĩnh không ran như một lớp vôi vữa đắp trên mặt trước tia mắt chiếu lom lom rình rập của loại giết mướn này. Tạo được đưa vào gian phòng nhỏ ngay đầu cầu thang. Người vệ sĩ nói bằng thứ giọng mũi khó nghe : ông đang mắc bận họp, ông... bảo ông ngồi đây chờ.

Gian phòng vuông vắn chỉ kê một cái bàn hai ba chiếc ghế và một cái tủ đứng, toàn đồ sắt xám. Mặt bàn trống trơn. Hai khung cửa sổ trông xuống kẹt hông tòa

nhà và sân sau đều đóng lưới. Tạo khép cửa, lấp những tiếng động bên phòng đang có cuộc hội họp bay sang, những tiếng ồm ồm dội đập lên trần bay qua các lỗ hổng trên đầu tường của một người nào đang thuyết trình. Không khí trong tòa nhà vẫn hoang tịch lẫn lút như những khuôn mặt u tối nặng nề ra vào. Những khuôn mặt nhòa nhập đồng dạng căng nở trong giận dữ hay phô phang trong kiêu hãnh ngăm hay trơ cứng trong nghiêm trọng. Tạo hút tàn điếu thuốc thứ năm hay thứ sáu thì buổi họp tan. Qua cánh cửa đóng, Tạo nghe những giọng người, những bước chân xuống thang nhộn nhịp một niềm vui thú trẻ dại đã lạc mất.

Ông ta đẩy cửa vào phòng, nụ

cười thân thiện như thường lệ thay câu chào hỏi. Nụ cười lúc nào cũng như một nét vẽ bất chợt làm hiện đầy đủ một chân dung trước đó chỉ mới là cái bóng dạng mờ ảo. Ông ta chìa tay bắt, bàn tay như một chiếc lá rũ lả về chiều. Ông ta mặc bộ quần áo lạ mắt, quần dài áo sơ-mi dắt trong, màu xanh thợ, như một người thanh niên. Tạo vụt miệng kêu : A, ông bắt đầu làm cách mạng. Ông tảng lờ như không nghe thấy : ông Tạo, mình qua bên này nói chuyện, mát mẻ hơn.

Trong gian phòng Tạo đã ngủ lại, chiếc bàn gỗ cũ nhường chỗ cho chiếc bàn mặt dạ xanh dài rộng hơn. Trên tường ngoài quốc kỳ, đảng kỳ và bức ảnh của « Nhà lãnh tụ anh minh » không còn gì

khác. Bên ngoài trời đã xập tối vắng lặng. Hai ngọn nê-ông bên tường sáng quắc. Người vệ sĩ thân tín của ông ta mang vào đặt lên bàn hai ly nước cam, rút ra cửa.

– Ông Tạo, ông mới về ?

– Dạ, không tôi vẫn ở Sài Gòn.

Tạo sức nhớ từ khi ở đồn điền về, đây là lần thứ nhất hai người gặp lại nhau. Lucie không tới phòng Tạo nữa. Một vài lần nửa đêm hay vào giấc bất chợt, Tạo tìm lên appartement của Khôi gặp Lucie, ở lại đó một lúc rồi ra về dù khuya khoắt. Tạo đã quên hẳn chuyến đi lên với Khôi.

– Nhà này trước kia là của...

Ông ta gật đầu, đuôi mắt hơi

nheo lại như muốn nhìn mặt Tạo rõ hơn. Tạo ngồi so lệch, cách mặt bàn rộng. Ông có vẻ mệt mỏi, hơi ngây ngất sau buổi họp, trán lấm tấm mồ hôi, ngồi dựa mạnh vào lưng ghế, chưa có ý muốn mở câu chuyện. Từ một lầu cao trong phố, người ta mở nhạc.

– Ông Tạo này... Tôi mới được đọc mấy tập vở ông viết hồi ở... (ông ngừng lại một chút lấp liếm, Tạo biết ngay mỉm cười xen : ở trong nhà tù..) Mãi đến hôm tôi gọi cho ông, tôi mới đọc. Trong ấy có mấy câu ông viết tôi thích lắm, phải nói là tôi xúc động. Tôi không nhớ rõ là ông viết những gì ở trên và ở dưới nhưng mấy câu đó tôi thuộc (ông ngửa mặt lên trần nhìn cánh quạt quay) Cái gì nhỉ ? Từ hư

không kéo ra cho bằng được sự thật, cái chết tự nguyện là món tự do duy nhất thuộc về mình phải sử dụng để bảo đảm cho sự thật của mình, phải bám lấy sự thật không cho nó trôi tuột như bám lấy Tổ quốc, tôi tự sinh ra từ đây và tôi sẽ phải chết ở đây, đó là tổ quốc của người tranh đấu. Có đúng như thế không ông Tạo ? Đại khái thì nhiều ý của ông tôi đã biết, cũng có một số có dịp tôi sẽ thảo luận với ông. Nhưng mấy câu ấy thì tôi thích lắm. Không biết bây giờ ông còn nghĩ như thế không ?

Ông ta nhìn xuống, chờ phản ứng. Tạo bừng nóng mặt như vừa chiêu hớp rượu mạnh, nói tôi không nhớ đã viết những gì hồi ấy, tôi quên hẳn, tôi quên đã có viết

trên những tập vở học trò gửi mua ngoài chợ, chữ chỉ chít nửa dòng kẻ một hàng. Hồi sau cùng trước khi được phóng thích, ông ta gửi Tạo và một vài người khác ra an trí ngoài Huế, nhằm mấy tháng mưa. Trong ngôi nhà mạn Nam Giao, có giường nằm, có bàn viết, ghế ngồi, có sách đọc, giấy viết. Tạo đã ghi chép những ý nghĩ nghiền ngẫm cũng như đột khởi, những ý nghĩ tuôn chảy không ngớt như mưa ửng cỏ cây. Người ta đã giữ những tập vở khi trả Tạo về Sài Gòn. Những người ở chung với Tạo thời kỳ ấy đều đã công khai hoặc bán công khai hợp tác với ông ta. Tạo chỉ nhớ mình đã khóc, nước nở thật sự như một đứa trẻ một buổi tối nước dâng lụt thành phố, nghe mình khóc run cả ngực, mặt như sắp vỡ

và trong đầu óc, thì lặng thinh như màu nước bạc còn lại quanh nhà buổi sáng sớm.

Tôi đang muốn đi. Tạo nói khẽ, lạc giọng hay ông ta không chú ý Tạo không rõ. Ông ta tìm thuốc hút, đẩy bao thuốc ra giữa mặt bàn. Mỗi lần đề cập đến một vấn đề quan trọng, ông như muốn lùi ẩn sau giọng nói thật bằng phẳng.

– Ông Tạo. Tôi nghĩ ông nên làm một việc gì, ông có định phải làm gì chưa ? Nếu tôi đề nghị với ông một sự hợp tác ông nghĩ thế nào ? (Một quãng dài im. Ông ta phì phà hơi thuốc). Việc này hợp với ông. Nó không bắt buộc ông phải lộ diện. Nó có tính cách lâu dài, không nhất thời. Giữa chúng ta

tôi có thể nói thẳng với ông không giấu giếm. Ông không chịu được cái chế độ này vì sự thật nó chẳng cách mạng chút nào, nó toàn dựa vào những thành phần phản động lạc hậu. Ông trông đợi tôi làm cách mạng nhưng ông quên mất điều chính yếu : tôi làm cách mạng với ai ? Xung quanh chúng tôi chỉ có cái thứ người do lịch sử tạo ra, để lại, cái thứ không muốn tạo ra lịch sử. Ông rõ chứ ? Không thể nhất đán một sớm một chiều có thể loại trừ hết. Những người như ông thì không chịu hợp tác. Ông nghĩ xem. Và lại chúng tôi còn những công việc hằng ngày trước mắt phải chu toàn. Còn các đảng phái, ông cũng như tôi có kinh nghiệm cũng chỉ là sản phẩm của một thời đã qua, còn lại chỉ là hư danh. Tôi biết lên năm

chánh quyền là khó thể theo đuổi nổi những cái gọi là cách mạng. Nhưng còn ông, ông còn nghĩ đến chứ ?

Tôi với gói thuốc của ông ta, gõ gõ đầu đũa vào mép bàn. Trên cầu thang có tiếng chân người lên nhưng không nghe tiếng nói. Cánh cửa buồng mở hé, người vệ sĩ của ông ta ghé mắt dòm vào rồi khép vội. Có lẽ sự im lặng bên trong khiến y e ngại.

– Thưa ông... tôi hiểu ý ông. Bây giờ ông muốn lập một đảng mới và ông muốn tôi tham dự...

– Không phải chỉ tham dự. Ông thay thế tôi ở chỗ ấy. Ông sẽ hoàn toàn...

– Một đảng của chính quyền do ông tạo ra và ông đặt tôi vào đây thay ông nắm giữ. Thừa có phải như thế không ?

Tạo hơi gằn giọng, mấy đầu ngón tay vịn trên mép bàn vô tình run rẩy. Ông ta nhếch mép. Đó không phải là nụ cười, đó là biểu tỏ của miệt thị, của uy quyền. Điều thuốc ngậm trên môi, tuôn khói cháy không, làm cay khóe mắt.

– Đúng và không đúng. Lúc này thì đúng. Ông Tạo, ông thừa biết lập một đảng không phải là tập hợp một nhóm người quen quen. Đảng phải là một tổ chức quần chúng. Thành thử nào đã có gì đâu. Cái chế độ này sẽ còn bấp bênh bị đe dọa nếu không có nền tảng để ứng phó

với biến chuyển chưa biết xảy ra lúc nào. Tôi chỉ nghĩ nếu chúng tôi có mất đi thì vẫn có người kế tiếp bằng những bước chắc chắn hơn. Ông rõ ý tôi không ? Bây giờ là cơ hội gây dựng cơ sở cho lâu dài như ông thường tỏ ý mong ước trước kia. Bây giờ tạm thời ông coi như thỏa hiệp với tôi và ông được tự do hành động. Ai cấm ông mai kia chính quyền này đổ, ông làm theo ý của ông với thực lực của mình. Mà chính quyền này, sáng suốt mà nói làm sao dám chắc... Tôi nghĩ đến những người như ông là nghĩ đến những chuyện lâu dài.

– Cám ơn ông đã nghĩ đến tôi. Nhưng nếu thế tôi e rằng không kham nổi. Hơn nữa...

– Tôi đã tính kỹ cho ông. Tôi sẽ đứng bên cạnh ông, không phải ông sẽ làm một mình. Một phần nào của tôi không dùng hết được ở kia tôi sẽ dùng ở đây. Như ngày trước, ông với tôi... Trước kia không có phương tiện mình làm không nổi. Bây giờ, tôi hy vọng mình sẽ lưu lại cái gì lâu dài hơn. Ông không hiểu được rằng càng lâu tôi càng cảm thấy bị vây kín nên tôi phải tìm cách mở ra nhưng không phải mở tới những thứ mà... Ông hiểu chứ, ông Tạo ?

Tạo hết sức chậm rãi rõ ràng :

– Thưa ông... tôi rất tiếc. Tôi sắp đi khỏi Sài Gòn.

Tạo chờ xem thái độ của ông ta. Mặt ông lặng thinh không tiết

lộ vẻ gì, như chìm trong đám mờ tối ngày ông còn ở trong căn nhà trước building. Mãi lâu sau, ông ta mới hỏi :

– Ông đi đâu, ông Tạo ?

– Thưa ông chưa biết. Nhưng chắc không lẫn quân ở trong nước.

Tạo biết câu chuyện đã chấm dứt, không khi nào ông ta còn nhắc nhở đến. Bao giờ ông ta cũng dời chỗ đứng lên trước rồi Tạo mới cáo từ. Nhưng ông ngồi im nhìn mông qua đầu Tạo. Máy hát trên lầu xa như mở lớn thêm. Dưới vườn một lúc lá rụng rào như mưa. Mùa hoa đại phảng phất.

– Ông mệt mỗi sớm thế ông Tạo ?

– Không hiểu có đúng thế không ? Tôi chỉ nghĩ là tôi muốn tách rời một lúc với...

Ông ta đứng lên nhưng không có ý bước ra cửa. Ông đi tới đầu bàn và hỏi :

– Nếu tôi không cho ông đi, ông tính sao ?

– Bằng mọi cách tôi sẽ ra khỏi nước này...

Ông quay nhìn lại, lần này cười :

– Tôi nói đùa đấy nhưng thật tâm tôi không muốn ông đi, ông vẫn có thể ở lại và không làm gì cả chẳng sao.

Nghĩ một thoáng, ông tiếp :

– Hay ông muốn làm gì tôi sẽ giúp, chẳng hạn ông lại làm một tờ báo như tôi ngày trước... tôi tin ông viết báo hay lắm, ông nên thử đi.

Tạo cười theo không trả lời.

Người vệ sĩ thân tín nghe bước chủ, đã đẩy cửa vào buồng. Lúc ấy ông ta đứng bên cửa sổ, quay lưng, ông ngoảnh mặt lại khẽ gật đầu. Người vệ sĩ xách chiếc cặp da trên ghế, ra đứng trong thế sẵn sàng mở cửa buồng.

– Ông Tạo này, tôi nghĩ nếu ông nhất định đi ít lâu, tôi cho là ông nên đi học. Học là cách giải trí lành mạnh nhất. Ông nên học, học bất cứ thứ gì cũng được.

Xuống cầu thang, ông ta bước song song với Tạo. Người vệ sĩ đi phía trước. Đèn vẫn thấp sáng ở tầng dưới nhưng các phòng nín khe chẳng chút động tĩnh. Mọi người chắc núp trốn ngoài lối đi qua của ông. Bước chân ông đều đặn khua vang gian phòng rộng. Ngoài thêm ánh sáng tỏa dịu hẳn. Chỉ có ngọn điện yếu lấp ló trên giàn cây leo. Gió lùa thổi, nhưng bóng tối của vườn cây vẫn bùng bít. Ngoài bờ rào che tôn, những ngọn điện gần cao trên những cọc sắt nhô cong chẳng kềm gai. Tạo muốn thành linh bật lên tiếng la thất thanh vang dội khắp tòa nhà, tiếng la rợn óc trong đêm tối giật Tạo khỏi giấc vui trên sàn xi măng của nhà Thiếc. Ông ta sẽ như thế nào ? Nhưng hết thấy lặng tờ trống rỗng. Tiếng cửa xe được

mở rất khế. Người vệ sĩ xách cặp đứng im dưới đất ngó lên.

– Ông Tạo này, tôi biết ông sẽ không cần dùng đến đâu nhưng tôi vẫn để một chương mục tên ông phòng lỡ lúc ông... Ông đừng ngại. Tôi không mua ông đâu. Ông cứ coi như tù. trước tới giờ ông giúp tôi khá nhiều việc, nhất là cái hồi còn hàn vi. Giờ tôi có thì tôi giúp lại ông. Ông cầm lấy càng thêm để dứt khoát với tôi.

Ông ta nhét tập chi phiếu vào túi áo Tạo, vỗ vai như đẩy đi :

– Thôi, cứ tạm như thế, cho đến khi nào ông còn ở Sài Gòn thỉnh thoảng mình gặp nhau nói chuyện...

Tạo bước nhanh xuống vườn như không cưỡng lại được sức đẩy mặt mũi bùng bùng. Cánh cổng đã mở rộng. Con phố chan hòa dưới ánh đèn nật. Cả hai phía đại lộ đều tối om. Chiếc xe hơi đen chạy mau sát bên. Tạo không trông thấy ông ta. Ông ngồi lọt giữa hai vệ sĩ nhô cao. Người vệ sĩ thân tín ở đằng trước. Mặt kính sau che riềm đèn kín. Tạo ghìim bước chậm, thọc hai tay túi quần, ngửa mặt hít khí trời thoáng.

Thanh Tâm Tuyên

VĂN số 172

« Đầu Xuân Lộc Mới »

**Tuyển tập thơ văn của
những cây bút trẻ**

Doãn Quốc Sỹ

Tùy bút đầu xuân

1.

Hình như cái gì cũng mất hút lên các nóc cao, lên các ngọn cây lười gió. Bụi trắng ngược nhìn cây xanh, chim hót để xóa nhòa giới tuyến giữa thành thị với lâm tuyền. Tiếng chim còn vang vọng trong không khí nồng nàn khi ánh nắng cuối cùng vừa tắt. Tiếng chim còn vang vọng khi chiều đã đi sâu vào khuya khoắt. Tiếng chim trở thành bất diệt, có đấy mà không đấy, như

sao trời tự xóa nhòa ban ngày và tự lấp lánh ban đêm.

Có thể mắt chỉ bắt chợt có một vì sao mà là thưởng thức được cả trời sao; tại chỉ bắt chợt nghe có một tiếng chim mà là chụp ghi được cả muôn giọng chim rừng vào lúc chiều vừa xẩm tím.

2.

Trong chuyến xa nhà hai năm gần đây, có những hình ảnh nào anh nhớ đến nhiều ? Bạn tôi hỏi vậy.

Tôi trả lời gập đầu nói đầy :

– Anh nghĩ gì đến danh từ

Cape Girardeau ? Có phải như một tên của Pháp ? Đó là khoảng thung lũng phì nhiêu ngay bên hữu ngạn con sông dài Mỹ quốc Mississippi, thuộc tiểu bang Missouri. Nơi đây tập trung trang trại của rất nhiều gia đình Mỹ gốc Đức. Uy thế người cha trong những gia đình gốc Đức đó vẫn còn lớn như ở cố quốc. Tôi và những người đàn ông trong nhà ngồi xuống bàn ăn trước. Những người đàn bà đứng quây phục dịch bữa ăn. Khi những người đàn ông đứng lên, đám nữ giới mới ngồi xuống. Đó chẳng phải là nam tôn nữ ti, đó chỉ là một cách phân công hợp lý. Và mọi người đều cảm thấy thoải mái. Ăn xong tôi ra ngắm dòng sông Mississippi và liên tưởng tới dòng sông Cửu Long của xứ nhà. Cửu Long chứ không phải Hồng Hà

vì ánh nước Mississippi màu huyền
chứ không màu hồng.

3.

Có lúc muốn đẩy hồn mình
về một vùng trắng dĩ vãng, nghĩ
đến chuyện dừng chân bên quán
đỉnh đèo, ngắm hàng đậu bìm leo
hoa tím, ngắm vườn cải hoa vàng
xuân muộn, đi vào rừng thu mong
manh, ngửi mùi đất màu ngai ngái,
nhìn vào một sân rêu, cúi xuống
soi mình trên một mặt gương đáy
giếng, uống chén trà ban mai, đi
vào biển đồng xanh gió gợn, đắm
lên muôn vàn hạt sương đọng của
ban chiều khi lá hồ người đã khép
mình hiu hiu theo gió

4.

Tôi nhớ lần đó là lần thứ năm hay thứ sáu chi đó tôi đi dưới bóng những nhà chọc trời Nữ Ước và lần thứ hai tái ngộ với Nữ Ước cũng vào đêm Giáng Sinh. Tuyết, tất nhiên là có tuyết. Tuyết đỏ trắng xóa dưới ánh đèn chập choạng lúc gà lên chuồng, nhưng tôi đã quen thuộc với Nữ Ước đến nỗi mỗi khi đến góc đường tôi cũng chẳng cần kiểm điểm tên phố. Khuya, tôi từ hý viện ra, ghé vào một tiệm bách hóa, mua trái táo lớn để vừa đi vừa ăn. Khi ngẩng nhìn bầu trời trắng xóa màu tuyết của Nữ Ước tự nhiên tôi nhớ lại kỷ niệm ăn uống chuyện trò với gia đình người bạn

gốc Đức ở Cape Girardeau. Người cha gia đình dáng mập và hơi lùn, khuôn mặt tròn như khuôn mặt Phật Di lặc. Thời thế chiến thứ hai ông là phi công của Không lực Hoa Kỳ, ông đã lái phi cơ phóng pháo tới giới bom xuống quê hương : nước Đức. Thế chiến chấm dứt, vào một dịp hè, ông đưa vợ và hai con cùng lên đường làm một chuyến hành hương về thăm quê cũ, thăm anh em bà con, rồi trở lại Cape Girardeau.

Kể đến đây ông cười và môi bập bập ống điếu. Tôi cũng cười và nhìn ra, ý tìm ánh sông Mississippi bên ngoài.

5.

Một búp gió thoảng tới như có mang theo hương cau lẫn với hương bưởi. Búp gió tựa như có làm nhòa không gian đi, biến không gian thành huyền ảo ánh trăng, lồng lộng mây trời, âm u núi rừng Việt Bắc, và hùng vĩ thác ngàn cao nguyên. Tâm hồn bỗng căng trải thành muôn vàn dây tơ vì điệu, những dây tơ có thể rung lên thành âm thanh nhưng cũng có thể hoa lên thành màu sắc và nhòa vào tâm linh thành những lăng kính tư duy.

Có tiếng ca vang vọng đâu đây, tiếng ca đơn độc. Tôi không chú ý là tiếng ca hay hay dở mà chỉ chú ý đến vẻ đơn độc của lời ca. Tôi

muốn đốn ngay một cây bạch đàn, gọt lanh thành chiếc đàn, căng le vài sợi tơ để gây lên mấy tiếng đàn cho giọng ca của ai kia không còn đơn độc. Âm thanh đường tơ rung trên thớ cây bạch đàn sẽ đẩy giọng ca vút lên trắng sao vô vàn, đi sâu vào vũ trụ hun hút u minh, rồi chợt tới lúc nào đó âm thanh gãy vụn thành bụi để được yên nghỉ đời đời, nằm yên đó thành mầm ươm của hồn mang mang mang mạc mạc, vô năng trong yên nghỉ mà vạn năng trong tái sinh.

Doãn Quốc Sỹ

Lê Minh Ngọc

Xuân quê nhà

Lại một mùa xuân hoa nở muộn

Dài thêm lần nữa xót thương ai

Mòn chân thiên hạ xuân bao độ?

*– Thăm hỏi quê xa nhớ mấy
người ?*

*Hoa cúc vẫn vàng, mai vẫn
trắng,*

*Bông đào, trái quất trĩu màu
tươi ?*

*Hương thơm hoa bưởi, hoa cau
vẫn*

*Ngát tỏa từng đêm với ngậm
ngùi ?*

Nhà vẫn ba gian, hai trái gió

Vẫn giàn thiên lý dấu trăng soi?

*Mùi hương đôn hậu chùm hoa
mộc*

*Thơm dịu hương lan, dậy ý
nhà?*

Vẫn phiên chợ Huyện, cô hàng
xén

Quầy gánh mớ chồng, áo đổi
vai?

Những ngày sóc vọng, đình
chung hợp

Các cụ ba thôn thứ tự ngồi ?

Thôn Hạ, thôn Trung, vui lũ bạn

Nhà em thôn Thượng – nhớ
khôn nguôi

Tìm em tối ấy, trăng xuân sáng

Nấp bóng cây sân bóng lúa đôi.

Em nhĩ, bây giờ thương nhớ mãi

*Lòng sông, lòng biển : – một
lòng thôi*

Đổi thay vàng, đá bao nhiêu bận

Tình cảm quê hương có lỗi, bồi ?

Mơ mãi vườn em tàu chuối gọi

*Tàng cau ngựa mặt ngóng xa
xôi... ?*

Có nghe tiếng lá rơi thêm vắng

Ai đón xuân sang dạ hẹp hòi ?...

*Chiều xuân nắng thoáng, bay
hoa rụng*

Chẻ tóc làm tư đốt ngấm chơi

*Ngoài ấy, trong này... : – tan
nát cả*

*Nước non ngàn dặm máu xương
phơi*

Ngồi đây mà oán hờn ly cách

*Men khói xông hương đẳng vị
đời*

Vần điệu chợt đau tình giả tạo

*Thương người giữa chợ chuốc
ly bôi !...*

Lê Minh Ngọc

Nguyễn Thị Hoàng

Dòng sông chết

Hơn tám giờ tối, vẫn không có một tiếng chuông điện thoại nào, tôi đành phải thay áo quần ra khỏi nhà trọ, đi ngược về phía chợ phố sau kia đường xe lửa, tìm một quán cơm sạch sẽ, vào đó, chọn một món ăn đầy đủ cả cơm trắng, thịt bọc bột chiên, tôm luộc, tất cả các thứ rau quả xắt nhỏ trình bày lộng lẫy trong một đĩa men trắng hình bầu dục, giá khoảng sáu trăm

đồng tiền Nhật. Tôi cố ăn vội vàng, lấy no, không để ý gì đến thức ăn, và những gì vây bọc xung quanh. Ngoài kia quán, hình như một cơn mưa bụi vừa thoảng tới. Hai hàng phố đã lục đục đóng cửa sớm. Ánh đèn một vài nơi còn khép hờ cửa trước, hắt ra đường vàng vọt đều hiu. Những người đàn ông đi guốc, một tay cầm dù chống cao, một tay túm lấy đám áo quần lếch thếch, bước nhanh qua những vùng đèn vàng như trốn chạy về một nơi tối tăm nào đó. Không một bóng dáng tươi vui, xinh đẹp nào bên ngoài. Trong quán, mấy người đàn ông con trai lúi húi ăn, ăn như làm một việc gì cần thiết, nặng nề, thỉnh thoảng hứ lên một tiếng cười có vẻ khô khan, bất đắc dĩ. Không một chút nhạc. Không một ánh đèn màu. Tôi

bỏ ngang đĩa cơm ngon và cương quyết nghĩ mình không thể chấm dứt những ngày ngắn ngủi ở Nhật với buổi tối thế này. Tôi muốn đi. Đi liệu tới một nơi nào đó. Một nơi đầy ắp nhạc, người, và khói thuốc. Để coi đêm Nhật Bản thế nào.

Thằng nhỏ có lẽ đưa bà tướng kia đi hội chợ, xong là ăn tối, và không chừng, nghe nhạc đâu đó nên quên luôn hẳn phận sự đối với người bà con gặp tình cò, tôi nghĩ, bực bội. Nó đã nói, thế nào năm giờ chiều, cháu sẽ gọi điện thoại cho dì, để báo trước là cháu sẽ đến đón, và sáu giờ thì mình đi. Nó còn nói thêm, bà tướng sẽ mỗi chân vì một vòng xem hội chợ, buổi tối chắc chắn sẽ không đi đâu, nó không phải làm người hướng dẫn,

sẽ rảnh và sẽ tới. Chắc chắn. Vậy là bà tướng không mỏi chân, và đi liên miên, hết hội chợ, đến nhà hàng ăn, rồi phòng trà nữa không chừng.

Sau bữa ăn, tôi trở về nhà trọ, nhấm nháp mấy chén trà, hút điều thuốc, viết vài cái thư vắn vợ, rồi thay kimônô và đi ngủ. Đến đó thì chuông điện thoại lại reo. Dũng nói, cháu phải đưa bà tướng đi ăn cơm, đưa bà ta về tận khách sạn vì bà ta không thể nhớ đường về, rồi đi ngược qua đây, cháu xin lỗi, xin lỗi đã gặp dì quá trễ, và xin lỗi tối nay lại trễ hẹn. Tôi cười, xin lỗi trễ tối nay thì được, còn khoản xin lỗi gặp trễ thì thôi cho miễn, Dũng nói, tại dì không tin cho cháu biết. Nhưng mà dì có biết Dũng ở

đây và sẽ gặp Dũng đâu. Dũng là con bà chị họ tôi. Hồi nhỏ, nhà nó ở cách nhà tôi mấy khoảnh vườn trống. Bà chị cho nó qua Nhật từ lúc còn nhỏ. Nó ở nghiên tại Nhật cả mười mấy năm, nói tiếng Nhật loách choách như giồng. Dũng ở trên Tokyo. Tình cờ, trong thời gian hướng dẫn bà tướng cũng bà con với nó ở Việt Nam mới qua đi xem hội chợ, về vùng này tìm chỗ trọ và vì vậy tôi tìm ra được nó. Trông nó không khác chi hồi nhỏ mấy. Nhưng nó có vẻ già và hư rất nhiều. Tôi hỏi, cháu sống bằng gì trong lúc học chưa xong như vậy, chẳng lẽ lại nuốt chữ qua ngày à. Dũng khoe, thiếu gì việc, mùa hè thì cháu làm phụ ở hãng máy bay, ngày thường thì tìm xem có đám khách nào từ ngoại quốc đến, cần

người hướng dẫn đi xem cảnh và mua đồ hay không. Hoặc dò những mối đối chác ngoại tệ lặt vặt, vậy là dư sức rồi, Tôi hỏi hướng dẫn thì sức mấy mà thù lao khá. Hẳn nói, vậy mà tùy, người thì trả ơn bằng một món quà đáng giá, như cái đồng hồ, chiếc lắc vàng, hay món gì tương tự, hoặc bỏ luôn một xấp tiền vào bì thư cho nó... Tôi nói chặn họng, cháu nhớ là dì không phải người ngoại quốc, và cũng chẳng có ngoại tệ, nếu nhằn giùm mà gởi phụ cấp sang thêm vì ở đây đắt đỏ quá thì còn nghe được. Nó có vẻ khỗ sở, bộ dì tưởng cháu đưa dì đi một vòng rồi ăn công à. Thế vì sao, tôi tra gạn. Nó nói lùng khùng, không vì sao cả, cháu không biết. Tôi nghĩ ra một điều và hỏi vặn hẵn, cháu lớn rồi mà, cháu có

thường hay đi chơi với bồ không, chắc là một cô Nhật thật xinh như búp bê mẫu. Hấn ngó tôi, gần như thất vọng, giận dữ, tệ hết sức, cái đó thì tệ hết sức, dì đừng có hỏi, lâu rồi, rồi hấn lôi giấy tờ ra ghi ghi chép chép, làm bộ như quên đi cái gì. Tôi nghĩ sẽ phải khai cho ra chuyện này nghe chơi. Có cái gì bất thường và không ổn đây. Tôi đe, tao sẽ mách má mày cúp tiền viện trợ, thế là không học được nữa, và phải về, phải đi quân dịch nữa.

Khi ra đến phố, đêm đã khuya. Phố nghĩa là một vùng nhấp nhô người qua lại như sóng, đèn màu giăng khắp nơi, từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất, và thỉnh thoảng, những dãy đèn lồng rực rỡ. Tôi hỏi tên vùng này. Dũng đáp một tràng

tiếng Nhật khó nhớ, đại khái, đây là chỗ ăn chơi về đêm. Xuống xe ở một đầu đường rực rỡ, hai dì cháu đi bộ ngược lại một quãng đường. Dừng dừng trước một cửa như rạp hát, hỏi người gác cổng. Cuối cùng tôi biết tất cả những nhà hàng ăn, tiệm nhẩy, phòng trà chỉ cỏ nhạc sống và các màn trình diễn trước mười một giờ khuya. Từ mười một giờ trở đi, những nơi ăn chơi công khai, chỉ còn là các phòng trà, chơi nhạc máy, cho người ta nhẩy, hút xách ăn uống, và chuyện trò trước khi đem nhau về vũng tối nào đó. Cũng không cần, tôi nói, dì chỉ muốn nhìn qua xem Nhật về đêm như thế nào, và một phòng trà có các màn trình diễn là trung tâm của đời sống đêm đó, nếu các màn trình diễn đã hết và không

còn nhạc sống, ta ngồi nghe nhạc chết của máy cũng được, rồi đi về. Tôi theo Dũng vào một phòng trà. Bề ngoài, phòng trà có dáng dấp đồ sộ và khô khan như một rạp hát. Bên trong, qua khỏi dãy hành lang độc nhất, tối om như địa ngục, vừa đủ một người đi qua, là một vùng rộng thênh thang, trần cong tròn và lồi lõm, như trần của một động đá không lồ. Trong cái hang đá khổng lồ đó, sân khấu ở giữa, gần nhếch về phía cửa ra vào, với những tấm màn nhung đỏ đã buông và ánh sáng đỏ nọc của hàng đèn bên góc trái. Diện tích còn lại dành cho những dãy bàn ăn phủ khăn trắng, xếp thành hình vòng cung quanh một khoảng trống nhỏ hẹp là sàn nhảy. Bọn người đang nhảy khoảng chừng

sáu cặp. Và chừng vài chục người nơi các bàn ăn. Dững giải thích, những chỗ này hiền nên ít khách. Vả lại, giờ này không ai nhẩy nữa. Họ đi tìm những mục khác, hợp giờ giấc hơn. Những người đang nhẩy ở đó là dân đảng hoàng. Tôi nhìn quanh và nghĩ, đảng hoàng và lại ít tiền. Bọn họ phần đông là các cặp vợ chồng trẻ, ở gần khu phố, đến kiếm chút vui thú muộn màng với nhau. Một vài cặp, bạn bè, trải qua buổi tối, không buồn vui, lòng khùng ở giữa hai giai đoạn nhập cuộc và phung phá. Vài cặp già, có vẻ là nhân tình nhân ái, trốn nhà đi với nhau, e dè và ngượng nghịu cạnh những cặp choai choai dễ dàng, giản dị, bông bột. Hình như họ không muốn nhẩy, theo nghĩa vui chơi. Mà đang ru ngủ, hay

đồ dành nhau. Những bước chân rã rời và những cánh tay uể oải. Vả lại, họ vừa ăn vừa nháy. Là một cách để làm hỏng cả hai việc, nháy, và ăn. Làm sao người ta có thể vừa nhai một miếng bít tết vừa nghĩ đến chuyện yêu đương. Hoặc vừa mơ màng chuyện yêu đương vừa nghĩ tới một miếng bít tết ? Tôi nghĩ, người Nhật quá nhiều việc, quá ít thì giờ, và không chừng họ tiết kiệm thời gian bằng cách làm một lúc năm sáu công việc tương phản như thế không chừng. Bằng cớ là họ vừa đi xe lửa tốc hành vừa ngủ vừa ăn bánh mì vừa đọc báo. Là họ vừa chạy vừa mua sắm vừa nói chuyện vừa tính tiền trong các gian hàng bách hóa khổng lồ. Là họ vừa ăn những thức ăn làm sẵn trong một hộp giấy trắng hình

vuông, vừa săn sóc lũ con lẻo đẽo chạy theo chân, vừa xem hội chợ, vừa kể lể với nhau công ăn việc làm, vừa bày tỏ vài cử chỉ thân mật âu yếm với nhau, vừa giong người chen lấn chạy rầm rập ở các lối ra vào của những gian hàng người đông hơn kiến.

Trên sân khấu, đèn bỗng tắt, tấm màn kéo lên. Hai cô gái mặc quần cụt và áo chên chỉ che phần ngực, mỏng dính như dội nước, vừa nhảy vừa hát lắm nhảm. Tôi hỏi, đã hết giờ rồi mà. Dũng nói thỉnh thoảng có vài cô như vậy, ở ngay tại nhà hàng này, uốn éo làm phong cho vui mắt khách, không phải là trình diễn chính thức. Các cô nhún tay, nhún chân, quay qua uốn lại, chồn vờn như đang xay

lúa, vừa xay vừa cười với khoảng không, mồ hôi toát ra đầm đìa khắp mặt như sông nước lá. Xay lúa một hồi, các cô âm thầm bước xuống những bậc thang gỗ ngắn, chuồn theo hành lang tối ra ngoài.

Tôi nghĩ thầm, chán quá. Nhưng về phòng trọ lúc đó, chán hơn, cũng không còn gì để xem, có gì để mua sắm, chỉ còn cách gọi một món gì ngồi ăn rỉ rả xong là đi về.

Nhạc càng khuya càng ngật ngư buồn ngủ. Khói chiên thịt xông mù một khoảng phòng. Nhiều cốc rượu đã đổ tràn trên mặt bàn vì những cặp xoay nhanh, chen lấn cả vào bàn ăn. Tôi hỏi Dũng có thường nhảy không. Dũng nói Ayako có tập cho Dũng nhảy, nhưng Dũng chưa bao giờ nhảy.

- Ayako là cô ấy à.
- Cô nào, dì.
- Cô bạn cháu.
- Thôi đừng nhắc.
- Cô ta làm đau Dũng hay sao.

Dũng đón khay thức ăn người bồi mang ra, dọn từng thứ trước mặt tôi rồi khoanh tay ngồi như cũ. Cho đến khi người bồi mang phần ăn của Dũng ra tiếp theo, Dũng thở dài, cúi xuống ăn yên lặng.

- Không.
- Chuyện thế nào, vậy Dũng làm đau cô ta.
- Chuyện buồn. Dì đừng nghĩ nhiều chuyện khác. Ayako chỉ

là bạn học. Bạn thôi. Người bạn không may.

– Bây giờ cô ta đâu ?

– Dững không rõ, nhưng đoán chết rồi. Chết chứ sống làm sao được, tội nó cắt hết gân chân và vạch mặt cho thành sẹo.

*

Ông Ryoichi là một người thủ cựu. Trong gia đình, từ nếp sống, cách trang hoàng, cho đến mọi nguyên tắc ăn ở đều theo lối cổ truyền của Nhật, chỉ trừ có bà vợ. Ông là họa sĩ, bà vợ, đầu tiên, là người mẫu cưng quý nhất của ông. Bà ta là một người hoang phí, kiêu hãnh, bê tha bài bạc, đủ các nét

xấu. Hình như bà ta đã một đời chồng, sinh được một đứa con trai, bỏ bê và sau này, khi nó trở thành một tên cướp giàu có, làm thế nào mà chính bà ta cũng liên lạc được với thằng con để lấy tiền đánh bạc. Bà ta đánh luôn cả gia sản của ông Ryoichi, do bà đứng tên. Ông chồng không hay biết gì, cho đến khi hiểu ra mọi điều thì gia sản cuối cùng cũng vừa bị tịch biên, vì bà ta vỡ nợ. Đến đó, cháu và Ayako, con của người đàn bà và ông Ryoichi, cũng mất hết nơi nương tựa. Ông ấy là bạn thân của chú Đức. Vì vậy khi mà giao cháu cho chú Đức đem qua học Nhật, chú ấy gửi gắm cháu tại nhà ông ta, để cùng đi học với Ayako. Chuyện khởi đầu chỉ mới vậy. Cháu ở chung và đi học với Ayako, một trường, nhiều năm, đối đãi

nhau như anh em, bạn bè. Không hơn kém. Có điều là Ayako hơn cháu bốn năm tuổi. Chính điểm này làm cháu nghĩ Ayako đối với cháu chỉ như là bè bạn, chị em. Chủ nợ của bà Ryoichi là một tay nhiều của và có thế lực. Hắn muốn chiếm Ayako làm vợ, trừ vào khoản nợ. Bà ta nhất định ép buộc Ayako bỏ học, lấy hắn, còn ông cha thì quá thất thế, đành phải chịu theo. Ông muốn giữ lại chút bề ngoài nào để chống đỡ, cho cái thanh danh đã tan hoang vì người vợ. Ayako phản đối. Không được. Dũng dõ danh cô ta cách gì, cô ta cũng khóc không chịu. Chính Dũng ngạc nhiên vì sự từ chối quyết liệt. Lấy một ông nhà giàu làm chồng, dù không thương yêu, nào phải là chuyện chết chóc chi. Việc ấy xảy ra trước Tết Mậu

Thân bên mình chừng một tháng, đúng vào lúc, chú Đức về thăm nhà và muốn Dũng theo, vì mẹ nhớ và nhớ quá nhiều lần. Chuyển về đã định, lại việc của Ayako thì không ăn thua gì tới Dũng, nên dù sao, Dũng cũng quyết định về đúng ngày. Trước ngày về cháu dẫn Ayako đi một vòng phố đêm. Cô ta nói, thôi được rồi, nghe lời Dũng vậy, Dũng cứ về, tôi sẽ bằng lòng lấy ông ta, nhưng hẹn lại một tháng nữa, sau khi Dũng trở lại. Tết bên kia xong Dũng qua liền, phải không. Dũng đã hỏi tại sao lại phải chờ Dũng qua, Ayako nói, vì muốn Dũng thấy Ayako chết như thế nào khi nhận lời lấy một người không thương. Rồi Ayako còn nói, chừng một tháng nữa, tôi sẽ chờ Dũng nơi cầu này. Dũng biết, nếu muốn tìm

một người Nhật để thay thế một người Nhật, rất dễ. Nhưng tìm một người Việt Nam để thế một người Việt Nam ở đây thì là chuyện đầy biến tìm kim. Dì coi, làm sao Dũng hiểu cái gì gì trong ý nghĩ của cô ta, khi chính Dũng không hề lưu tâm gì đến cô ta ngoài những đối đãi bề bạn hàng ngày.

– Vậy rồi sao.

– Cô ta chờ mãi không thấy Dũng qua và lấy ông ta.

– Năm đó, Tết của Huế chỉ là một đám tang. Và Dũng ở kẹt lại nhà, sau nhiều ngày chạy trốn đói khát trên những nóc nhà và bờ ao, đến hai tháng sau mới tìm cách qua lại được đây. Vậy là Dũng vắng mặt đúng ba tháng. Nhà của ông

Ryoichi thuộc về chủ khác. Ayako mất tâm. Dũng nghĩ là hai ông bà chủ cũ dọn đi nơi khác, còn Ayako thì lấy ông nhà giàu, mọi chuyện tưởng yên, không nhớ đến nữa. Cho đến một hôm gặp cô bạn thân của Ayako ngoài phố.

– Rồi Dũng gặp lại Ayako.

– Không. Cô bạn cũng đi tìm Ayako từ mấy tháng không gặp. Cô ta rủ cháu cùng đi tìm. Khắp nơi, không thấy bóng dáng cô ta đâu cả. Chỉ biết...

Dũng im lặng, xin tôi một cốc rượu thứ gì cũng được. Tôi gọi, bồi đem rượu cho Dũng. Dũng sốc một hơi cạn và quệt miệng lên tay áo, ngật ngừ nói tiếp :

– Một tháng sau, vì Dũng bị vụ Mậu Thân ngoài Huế không qua được, dì biết không, cả vườn nhà ngoài ấy nát như cảm, bà ngoại dọn đi chỗ khác, má bị thương và Dũng thì trốn chui trốn nhủi, suýt bị bắt trói xuống hầm chôn. Cả chú Đức cũng..

– Chú Đức chết rồi...

– Họ khâu dây kẽm vào lòng bàn tay chú Đức kéo đi. Chắc chú rửa xương dưới các hầm xác rồi. Còn điều này nữa, dì không ngờ đâu, chú Đức yêu Ayako lắm, cháu biết, nhưng Ayako thì không. Chú nói, vì đã quá tuổi rồi nên không thể tìm đời Akayo vào đời chú, nếu còn trẻ chú đủ sức để bỏ tiền ra cho mụ ấy và cưới nàng. Cô có biết tại sao

chú ấy cũng giàu mà không cứu gia đình Ayako ? Mụ đàn bà ghê gớm lắm. Dầu chủ Đức có bỏ tiền ra, mụ ta cũng ép cô ta lấy ông nhà giàu để rúc rĩa khoản khác, nếu chính chủ Đức không cưới được Ayako.

Buổi tối cũng tối tăm và buồn phiền như căn phòng tôi nơi nhà trọ tôi đã cố bỏ đi một vài giờ cuối cùng trước khi dời Nhật, mãi mãi không bao giờ còn muốn trở lại một lần trong đời.

Rượu cất tiếng nói lòng khùng buồn bã thay lời Dũng :

– Dì biết, cháu và cô bạn cùng đều đi tìm Ayako, nhưng Dũng là một kẻ vô tâm, từ nhiều năm, và lúc đó, không biết gì hết, nhưng cô bạn thì rõ tất cả mọi điều xảy tới

cho gia đình Ayako. Kỳ hạn lấy ông nhà giàu kia cùng thời gian hẹn gặp lại cháu, nên cháu không qua, Ayako phải chịu đựng sự thúc bách dữ dội của bà mẹ và ông nhà giàu.

– Thế ông cha không làm gì được cứu con sao.

– Ông ta buồn rầu, đau và chết. Ông ta vốn yếu phổi từ trước mà, vì ham vẽ quá, ngày đêm... ông ta nói sẽ vẽ bằng cả đời sống mình lại được cả Nhật Bản của một thời xưa đã mất. Và qua ông ta, Nhật Bản xưa kia sẽ còn lại, mãi hoài. Đúng ngày cưới. Ayako trốn về đâu dưới Kyoto, tìm thằng anh làm ăn cướp.

Thằng anh bị truy nã tử lâu,

và đã bị bắt mấy tuần lễ trước khi Ayako tới. Để trốn bà mẹ và lão nhà giàu, nàng ở trọ lại ngay sào huyệt của bọn đàn em tên cướp đã bị bắt. Ban đầu tụi nó còn và tử tế giúp đỡ cho nàng tìm việc làm đàn hàng. Chỉ là kế của tụi nó. Chúng âm mưu chỉ nàng tới những chỗ chúng đã dặn trước là nên chối từ nàng bất cứ xin việc gì. Cuối cùng, không xong, nàng mượn tiền của tụi nó làm vốn bán quà vặt. Mượn tiền tụi nó thì kẻ như tiêu đời rồi, nhưng nàng không thể làm gì khác hơn để nuôi miệng. Cô bạn nói, Ayako muốn tìm gặp Dũng nhưng không dám trở về Tokyo sợ gặp lại bà mẹ, thành thử quanh quẩn ở Osaka.

– Vô lý, thiếu gì việc làm cho một người con gái, bộ cô ta xấu xí lắm sao.

– Lão nhà giàu mê, chú Đức mê, bạn bè nữa, ai cũng mê Ayako cả thì dì biết là nàng đẹp thế nào. Vậy mới nguy với tội cướp, nhưng dì tưởng kiếm việc dễ dàng làm sao. Đó, những tên bán bì thư và viết nguyên tử quanh các cửa trung tâm bách hóa kia, những thằng bán báo và hàng rao inh ỏi kia, những cô đứng trong thang máy đẹp như búp bê kia để bấm nút lên xuống xuống cho khách, những người bán hàng trong các cửa tạp hóa, những tên bồi bàn trắng trẻo sạch sẽ chạy lăng xăng, và nữa hai cái cô xinh đẹp đứng xay qua xay về trên sân khấu lúc này, dì biết họ

là gì không, toàn sinh viên hoặc gì gì khá hơn đó. Cả một gia đình, ai cũng phải kiếm ăn, đủ cách, ngày và đêm, mới đủ tiền bước lên cái xe kia, chiếc tàu kia, mua một vài thức cần dùng trong những hàng bách hóa đồ sộ kia... Trừ những nhà giàu ngất người, thì hạng thường ở đây, chỉ có cách là đừng sống trong sạch mới khỏi đói.

– Dì tưởng xã hội nào bây giờ cũng thế.

– Khi về, rồi dì sẽ thấy Việt nam là nơi dễ thương và tương đối còn sạch sẽ nhất, chính mấy người đi ra đều nói như vậy.

So như vậy, Việt Nam là nơi sạch sẽ dễ thương nhất, thì thế giới còn là mấy tầng địa ngục âm thầm

sau kia hậu trường của những màn kịch xa hoa.

– Thế rồi Ayako của cháu ra sao.

– Đói vì không bán được những thứ hàng vật đó. Cũng phải chai sạn lắm mới lặn lội được với giới buôn bán vật, không thì nhục nhã thường xuyên. Ayako thừa hưởng tinh thần của ông cha, như một cành hoa trắng, làm thế nào chịu đựng nổi những va chạm của giới lưu manh nhiều mặt đó.

– Khổ đến thế, tất nhiên cô ta phải nghĩ tới lúc thất thế hơn và sa chân, thà về tìm lại người mẹ, lấy ông nhà giàu.

– Dì lại xử như vậy sao.

– Dì thắc mắc, tại sao cô ta lại

quyết liệt không lấy ông nhà giàu.

– Cô bạn nói, là vì cháu. Điều đó không có gì chắc chắn cả, và cũng không có nghĩa gì nữa hết. Cuối cùng rồi cô ta trở về với tội cướp, và đến lúc đó thì bọn chúng mới ra tay, trở mặt, lừa con mồi ngon vào bẫy. Tay chân đàn em của thằng tướng cướp bị bắt có nhiều ồ. Đánh bạc. Ăn cướp. Buôn bán lậu mọi thứ cấm. Và phần còn lại, tất nhiên là một lò người. Chúng bắt Ayako vào con đường cùng mà người con gái thất thế đói khát thường đi. Ayako chống lại, tìm cách bỏ trốn. Nàng đi tìm gặp cô bạn, nhờ nhắn giùm bà mẹ, đừng buộc nàng phải lấy người đàn ông kia nữa và để cho nàng về lại với bà. Nhưng bà ta đã như một người

nửa tàng nửa điên vì hối hận và không biết gì nữa hết sau cái chết của người chồng. Biết nàng nhân người nhà tới cứu, bọn chúng đưa nàng tới một địa điểm khác, xa hơn, cắt luôn gân chân nàng, và hành hung, rạch mặt nàng, dọa nếu còn liên lạc để nhà chức trách khai ra chỗ của tội chúng làm ăn, Ayako sẽ bị giết luôn. Từ đó chúng bắt nàng làm mọi việc trong nhà chứa như tôi mọi. Cô bạn của Ayako, lần mò theo dấu, tìm được tung tích nàng, báo cho nhà chức trách. Cả bọn bị tóm. Nhưng Ayako thì trốn mất từ đó. Theo lời khai của mục chủ thì nàng hình như chịu đựng mọi cực hình, không phản đối gì hết. Như muốn tự tử. Vậy mà hôm nhờ cô bạn đi tìm bà mẹ, nàng nói, trước khi tự tử, tao phải gặp lại

Dững một lần đã, nhục nhằn cách gì cũng được, tao phải gặp lại Dững một lần.

– Này dì, gặp lại một lần là một điều cần thiết sống chết như thế sao.

– Chẳng lẽ Dững còn trẻ con đến vậy. Hoặc là Dững không có trái tim. Từ đó Dững không nghe tin tức gì của Ayako sao.

– Dững thì nghĩ nàng đã chết, vì đói, buồn, tật nguyên. Không phải vì tự tử. Dững tin là nàng không tự tử. Thỉnh thoảng nhớ tới Ayako, Dững buồn buồn. Nhưng rồi quên đi ngay. Dững tẻ thế, không muốn nhớ lâu một chuyện gì buồn.

*

Không hẳn là nước Nhật đáng chán đến thế, chỉ tại mình không may, gặp và nghe những điều cũng không may, tôi nghĩ như vậy khi ra khỏi phòng trà, đi tìm một xe taxi để trở về nhà.

Phải đi bộ lại đường này dì, đầu tiên thì Dũng nói thế. Và tôi cố bước nhanh để theo kịp đám đông rào rào qua lại xung quanh. Đã già nửa đêm và khu phố ăn chơi đã bắt đầu nhập cuộc, hay đang mở toang những cánh cửa bí ẩn và trần trụi của nó. Đến cuối đường, tôi ngưng lại vẫy một taxi trống. Không phải một mà nhiều chiếc taxi trống chạy tới, vút qua, không dừng lại. Dũng nói phải tới đằng kia và sắp hàng chờ. Con đường càng lúc càng đông. Người từ những nhà nào

mới mở cửa đêm tìm tới, từ những quán ăn, những nhà hàng, những tiệm nháy đồ xô ra, ngập lụt. Biển người di động chậm chạp, như một đám sâu kỳ dị, nồng nặc mùi rượu, nước hoa, và mà hội lẫn thuốc lá tạo thành một không khí nồng nặc, tanh tươi muốn nôn mửa. Những loạt đèn màu sáng chói đã tắt dần đi, nhường chỗ cho lồng đèn, trên cao dưới thấp lớp lớp hàng hàng lủng lẳng như những búp hoa màu hồng sáng dưới gió, đêm gọi mời phơ phất. Những đám người đi ngược chiều trở mắt nhìn chiếc áo dài Việt Nam lạc lõng. Tôi đi, nhanh nhanh dần cho đến khi cảm thấy phải chạy để kịp đám đông cùng chiều và thoát khỏi đám đông ngược chiều.

Hết một quãng đường này, đến một quãng đường khác, tôi chạy, mãi miết, quên cả hai bàn chân đau như trong đôi giày cao, tưởng chừng như một rừng người với tất cả những mùi tanh tươi nồng nặc kia, những khuôn mặt đã nhăn nhoe còn trát đầy son phấn của bọn gái già, những xiêm áo rực rỡ và nhẵn nhúm, xốc xách, những chiếc váy ngắn lên gần bụng, những khoả ngực trần trơ tráo, những tiếng cười hăng hắc khô khan, và đâu đó, giữa tiếng ồn ào lao xao của cuộc chơi đêm, một vài tiếng khóc bật lên, tru tréo, nức nở, như đưa ma một người mới chết. Cái đám đông kia, cơn nước lũ đầy rác rưởi và bùn lầy kia, chao chộng, lại qua quanh tôi, như không bao giờ tan biến, không bao giờ chấm

dứt, cái vầng nổi lênh bênh ghé
góm của nôi độc được phù thủy
đang sôi kia, hình ảnh khu ăn chơi
của Nhật Bản về đêm, bại hoại, hậu
trường của một nền văn minh hào
nháo sân khấu, của những tiến
bộ cấp bách bề ngoài. Những tiếng
cười đuổi theo, những tiếng khóc
đuổi theo. Họ không đang cười
hay đang khóc. Họ đang chìm lỉm
trong một trạng thái mê man kỳ dị,
những biểu lộ phóng ra từ vô thức.
Họ không phân biệt gì nữa hết. Họ
bấu víu vào nhau, rúc rỏ và tàn phá
nhau dưới đêm mờ mịt tối, dưới
những ngọn đèn lồng nhân chứng
âm thầm và tội lỗi trong khi trên
cao, xa tít, còn lơ mờ một khoảng
trời sao trong vắt đã thuộc về quá
khứ của loài người.

- Dì sợ không ?
- Cái gì, Dững.
- Bọn người xung quanh.
- Có. Ghê khiếp quá.
- Chỗ này còn hiền đó dì.

Bọn người này đã biến thành quỷ ma dưới địa ngục, biến cả con đường đi thành phòng kín riêng tư, tôi nghĩ thầm và nín thở, chạy nhanh hơn.

Mãi rồi cũng tới chỗ chờ taxi. Hàng trăm người đứng bên bờ đường, sắp hàng một đi vào lan can sắt để chờ phiên gọi taxi trống. Bây giờ phải chờ xong hàng trăm người kia mới tới lượt mình. Nếu muốn gọi tắt ngoài hàng chờ kia,

dì phải trả gấp đôi, hoặc gấp ba là thường. Một quãng đường, từ nhà trọ ra phố mất bảy trăm, bảy giờ gấp ba, hơn hai ngàn. Tôi nói, Dũng, bao nhiêu cũng được, tách khỏi hàng người đợi xe gọi riêng một chiếc, miễn là về được nhà sớm phút nào hay phút đó. Dũng nói, nhiều người đợi không được xe, hoặc có mà không xe nào chịu đi, nằm ngoài đường cho

[thiếu trang 92 và 93]

tiếng, thất thanh. Dưới trời sao khuya khoắt, hai mắt người ăn xin hăn mở lớn, dữ dội, căm hờn, nhưng ngần ngợ, mông lung một nỗi vui mừng ngất ngư kỳ dị. Dững đứng như trời trồng trên cầu, hai tay mười ngón xoè ra trên khuôn mặt dơ bẩn của người ăn mày. Rồi thì, trong chớp mắt, người ăn mày oằn người trên mặt cầu, như một con cóc nhảy ngược, chống hai tay thoăn thoát lùi lại sát thành cầu, bất ngờ đu lên, buông tay. Dững phóng mình ra thành cầu, chụp huyệt xuống khoảng không tối tăm phía dưới và thét lên thất thanh : Aya-ko, Ayako...

Bọn người ma quái đã lên tới giữa cầu. Nghe tiếng kêu, họ đứng dừng lại, chỉ chỗ, nói cười ngất ng-

héo, người này dựa vào người kia, ngã nghiêng, dính chùm vào nhau thành một đám sâu bọ lay quây giữa khoảng không mờ mịt.

Tôi bằng mình chạy mãi miết về phía bên kia cầu đứng lại chờ Dững. Bọn người đứng lại đó, với Dững bơ phờ kêu gọi xuống dòng nước sâu, im lặng, với đám ăn mày vươn tay níu áo kêu van rền rĩ, như đã biến thành một chất dẻo, gắn liền vào chiếc cầu cong. Như họ không bao giờ qua cầu, không bao giờ tìm thấy bến bờ bên kia sông, để muôn đời đứng đó soi bóng dáng mình dưới kia dòng nước đục.

Nguyễn Thị Hoàng

**LỜI CHÚC TẾT CỦA
NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM**

*Trang trọng gửi đến toàn thi văn
hữu, độc giả :*

*Một Năm Mới đầy hy vọng, an
tâm và một niềm ao ước hòa
bình chân thành sâu sắc nhất.*

Xuân Tân Hợi – 1971

Nhà xuất bản An Tiêm

hộp thư 1510, Sài Gòn

Hoàng Hương Trang

Xuân viết cho nhau

*Mình đã xa nhau trót nửa đời
Đã mòn con mắt ngóng về khơi
Đã ru điệu hát nghìn xưa ấy
Tình cũng theo mùa con nước
trôi.*

*Đám lục bình nở hoa tím tím
Theo gió về xa đến thuở nào
Xuân đã vui rồi, xuân khép kín*

*Anh cũng như bèo, dạt phương
nao ?*

*Nhánh cây tình trở nhiều lá mới
Lá vẫn phơi sầu trên nắng hanh
Một thuở nào xa anh đã tới
Rồi cũng vô tình như lá xanh.*

*Con đường đá sỏi mình từng đi
Từng hẹn hò xưa, từng thăm thì
Tình chết rồi, đường rêu đã phủ
Một thoáng ngậm ngùi thương
tiếc chi ?*

Xưa đã cho nhau, đã tìm nhau
Đã ươm trái mộng để ru sâu
Lời yêu giờ chết theo ngày tháng
Tháng lụn, ngày mòn anh biết
đâu ?

Đời thơ đó, một lần xuân nở
Một lần yêu đang dở cũng bằng
thôi

Tim đã một lần rung nhịp thở
Một lần trao mộng để quên đời.

Mình viết cho nhau giữa nắng
xuân

*Giữa mùa thương nhớ đến vô
cùng*

Một mai đất lạnh nghìn thu khép

*Chôn chặt ân tình nắm mộ
chung.*

Hoàng Hương Trang

Dương Nghiễm Mậu

Từ trong mơ ước

Chú tôi ngồi dựa lưng vào tường, hai tay cầm lấy hai mép của chiếc bao tải căng rộng ra đưa xuống dưới chân, hai chân co lên rồi lồng vào trong chiếc bao tải và duỗi thẳng, chiếc bao tải quá khổ nhờ thím tôi thảo đáy một cái rồi khâu nối lại với nhau, miệng chiếc bao tải kéo lên ngang ngực, chú kéo hai đầu dây buộc lại, bây giờ chú đã gọn gàng trong chiếc

bao, hai tay bỏ xuống dưới, ngã người vào vách nhà. Tôi cởi chiếc khăn quàng ra chùm lên đầu còn lại quấn một vòng cổ và buộc lại :

– Năm nay sao rét ngọt quá, rét từ trong bụng mà ra, cháu làm cái ổ rơm dưới hầm cần thận không ?

– Ở dưới ẩm quá, có lẽ hầm ở dưới mực nước ao.

Thím tôi ngồi ở chiếc trường kỷ phía ngoài đang hơ những ngón chân lên một nùi giẻ cháy, mùi khét đầy trong gian nhà, thím tôi có lúc nhăn mặt lại như đau đớn với những khe chân bị nước ăn nứt ra, chú tôi cầm chiếc điều cày hít một hơi thuốc dài, mùi thuốc thơm đậm đà và ấm; thở ngậm khói thuốc dài lên cao, chú bỏ chiếc điều xuống

bên, ghéch lên vách nói lơ đãng :

– Chú muốn cháu lên hẳn trên ấy, cháu không nên ở nhà nữa, chú sợ chuyện không hay, mặt trận mỗi lúc một thít lại, bom đạn thì vô chừng.

Thím tôi ở phía ngoài ngưỡng lên nhìn tôi rồi lại cúi xuống, tôi nhìn chú tôi :

– Cháu muốn đưa bố cháu ra Hà Nội, không thể để ông dưới hầm mãi như thế, có lẽ ở ngoài tỉnh yên cho bố cháu hơn.

– Giấy tờ đâu mà đi, lên tới huyện là có thể bị bắt giam rồi. Giải thích làm sao đây ?

– Như vậy thì để bố cháu chết ở dưới hầm đó sao ?

Chú tôi ngồi im, tôi thấy hai đầu ngón chân cái chú động đập trong chiếc bao tải. Ngọn đèn nhỏ như chiếc hạt đậu xanh đứng im trên ngọn bắc, gian nhà chìm vào trong một thứ ánh sáng nhờ nhờ nhạt nhạt vàng yếu bệnh hoạn. Tôi nghe như những ngọn gió nhỏ len qua những vách vào trong nhà, hơi gió buốt có lúc len vào cổ, luồn vào trong chiếc áo bông ngăn ngùn trên người. Chú tôi thở dài, cúi xuống với hai tay khoanh trước ngực :

– Chú cũng tính đưa thím ra ngoài ấy kiếm ăn, ở nhà không yên, nhưng cháu thấy, bây giờ mình lên tỉnh thì như chim chích vào rừng làm sao nuôi sống được nhau, chỗ ở cũng đâu phải dễ trong khi nhà cửa, ruộng nương ở nhà giao cho ai,

bán thì không có ai mua, mình chỉ có thể sống được ở quê nhà, riêng phần cháu thì được, chính thế chú muốn cháu hoặc trở ra ngoài đó, hoặc trở vào với bác, cháu nên ở lại, cháu nên quên đi, chuyện của bố cháu để chú thím lo, cháu còn nhỏ... bây giờ ở quê mỗi lúc một bất ổn, cháu thấy đó, mới đêm qua ông Trùm bị giết.

– Sao cháu không nghe ?

– Chú mới nghe tin hồi chiều, tính xuống dưới thăm nhưng rồi chú không dám đi, từ đây xuống Bãi Bồi chiều tới là không còn bóng người, đêm qua ủy ban họ họp ở dưới đó, ông Trùm bị mang ra xử và bị bắn ngay tại cửa nhà thờ.

– Tội gì, họ nói tội gì ? Ông Trùm già và hiền...

– Chó săn cho Tây.

– Thực sao ?

Chú tôi tắc lưỡi không nói tiếp, thím tôi ngừng lên lắng nghe, tiếp chuyện với vẻ thương hại :

– Ông Trùm là bà con xa của nhà mình, lúc trước nhà ở xóm trên, sau đi đạo mà dời xuống dưới xóm Bãi Bồi, lúc ông theo đạo, nghe bà nói lại, cả họ đều ghét đến nỗi không cho lên ăn giỗ trong họ nữa, ông Trùm buồn sao đó bán nhà trên này xuống dưới cho xa họ hàng, thực tội...

– Nhưng sao ông Trùm lại theo đạo, làng mình đâu có ai ?

– Có mấy người đều ở dưới xóm Bãi Bồi cả, lúc ấy đâu như ông Trùm mang ơn của Cha Sở trên Phụng, cha sở đã chạy cho ông thoát tội vì bị vu cho nấu rượu lậu, may không bị ở tù nhờ cha sở nên ông rửa tội, hay là tại ông theo đạo ?

Chú tôi cắt ngang câu chuyện :

– Họ nghi vực ông Trùm liên lạc với cha sở, mà cha sở thì được trên huyện tin cậy kinh nể, họ tìm thấy ông Trùm mặc một cái áo có màu gì đó mà họ nói là dùng để ra hiệu cho Tây bắn xuống đê Thượng Hiệp hôm rồi khi bộ đội phục kích chờ đoàn công-voa, mà hôm đó nghe đâu ông Trùm ra sông tắm bỏ quần áo trên bãi, giữa lúc ấy thì Tây nó bỏ hom, vậy thôi, ông Trùm

có nói nhưng họ không tin, họ nói chính ông Trùm đã làm chó săn cho Tây, và họ xử ngay để làm gương cho bọn Việt gian.

– Tội nghiệp, thế chú gì đó, con ông Trùm đi du kích đâu mà không xin tha cho cha ?

– Mình không nhờ chú ấy bị bắn chết từ hồi tháng tư à, ông Trùm không dám nhận xác đấy thôi,

– Ừ nhỉ.

Thím tôi ngồi im trở lại với nùi giẻ rách trên tay, chú tôi hút một điếu thuốc nữa, tôi nghe rõ tiếng kêu giòn tan :

– Sáng nay những người ở xóm Bãi Bồi bỏ lên huyện gần hết rồi, họ chạy lên nhờ cha sở che chở,

điều này du kích họ dám đốt cả xóm mất, ở dưới đó du kích họ sống cả ban ngày, mỗi lần Tây xuống là có chuyện, làng mình e rồi cũng khó mà yên...

Tôi ngồi im với những ý nghĩ miên man, bây giờ thì thực sự chú thím tôi đã không muốn cho tôi ở nhà nữa, dù chỉ là những thời gian ngắn ngủi tôi trở lại, những tuần lễ học hành ở ngoài Hà Nội không cho tôi yên tâm mỗi khi nhớ tới cha tôi đang nằm dưới hầm và ở trong quê nhà thân yêu còn ông nội, chú thím tôi phải sống trong vòng lửa đạn, hàng tháng tôi trở về nhận tiền của chú thím, những tờ giấy bạc thường được gấp nhỏ lại giắt vào dải rút quần, cùng một ít củ khoai hay ít gạo mang theo. Có lúc

tôi muốn trở lại Nha Trang với bác tôi, nhưng tôi đã không thể quyết định được giữa vô số những giảng co không đâu, mà tôi nghĩ những người cùng trang lứa chắc không phải nghĩ đến. Người bạn cũ của cha tôi thì rủ tôi ra khu. Khi nghĩ tới chuyện đưa cha tôi ra khỏi nhà hầm, đưa cha tôi ra tỉnh, tôi hiểu ngay rằng tôi chưa đủ lớn để giúp đỡ được ai điều gì.

Đêm càng khuya tôi càng cảm thấy lạnh buốt nơi hai bàn chân không, mùa đông đã trở lại, với công việc đồng áng vất vả hai chân thím tôi bị nước ăn nứt nơi những khe ngón chân, ở quê không có chăn, thím tôi đã mua được mấy cái bao tải và đem lại mỗi người chui vào trong cho qua giấc ngủ

trên làn đềm rơm khô. Với giá lạnh nhiều đêm tôi thấy ông tôi rên hừ hừ với tuổi già và những cơn ho không ngừng lại được. Ông nội tôi gầy hẳn, ông nói phải qua giêng ông mới khá được, nhưng liệu ông có qua thoát khỏi mùa đông này. Những buổi sáng thức dậy bỏ tay vào chậu nước cảm giác tê buốt chạy khắp cơ thể, trên những mặt ao tù chừng như hơi nước còn đọng lại và tôi chờ nắng lên ra ngồi ngoài sân gạch cởi chiếc áo len cũ ra lần bắt những con rận nằm nép bên những đường đan gấp lại, những con rận khô bên những chiếc trứng trắng tươi như hạt vừng nhỏ đã sát vỏ. Mỗi buổi sáng thím tôi nấu cho ông tôi một ấm nước sôi để ông pha trà và một

chút đổ vào chiếc thau đồng nhỏ cho ông tôi rửa mặt. Và mỗi ngày tôi mang xuống hầm cho cha tôi một ấm đất nước nóng. Có những buổi sáng xuống tôi thấy cha tôi vẫn ngủ say nằm co quắp trong chiếc bao tải, có buổi tôi tưởng như cha tôi đã chết cứng. Vụ mùa đã qua, bây giờ chú thím tôi lo tới ao rau muống, chú cũng đã cấy một ít rau cần chờ bán tết. Ông nội tôi kêu tôi phụ giúp ngắt bỏ lá cây đào trước cửa nhà thờ họ, ông xem lịch thấy cây đào chưa rụng lá sợ năm nay hoa nở muộn không kịp tết nên tuốt lá cho hoa đúng mùa, ông tôi cũng hài lòng khi nhìn thấy mấy buồng cau muộn, cau để cúng ngày tết, có lúc trong sinh hoạt của đời sống thường nhật chúng tôi quên

hắn cha tôi đang sống dưới hầm
và không khí chiến tranh chết chóc
đang vây bủa làng quê...

*

Người lớn tuổi im lặng cúi
người nhìn xuống khoảng đất bột
phẳng mà người trẻ tuổi đang dùng
chiếc que vẽ một tràng pháo dài với
những chiếc pháo đều đặn. Người
trẻ ngừng lên nhìn bạn, người lớn
nói giọng mơ hồ :

– Lại hồi tưởng, thời ấy đã xa
xưa rồi... Anh lại đang...

– Tôi nhớ lại một cái tết hồi còn
ở lại ngoài Bắc, cái tết cuối cùng
nơi quê hương, và có lẽ cái tết cuối
cùng trong đời, dù là tết trong thời

loạn, từ đó mình không còn tết nữa, anh có vậy không ?

Người lớn tuổi phác một nụ cười trề biếng trên môi :

– Người ta bao giờ cũng gắn bó với quá khứ hơn, chính quá khứ đã khiến anh không sống được gì, đó là một thiệt thòi, lỗi một phần ở anh.

– Lỗi ở tôi ?

– Một phần, đừng cáu giận chứ.

Người trẻ im lặng cầm cái que trên tay vứt ra xa, lấy chân chửi bỏ hình vẽ trên mặt đất. Người lớn tuổi nhìn vẻ ái ngại :

– Nhiều lúc tôi không hiểu gì nơi anh hết, anh thật gần với tôi,

nhưng có lúc tôi thấy anh lạ quá, những điều anh nói với tôi cũng vậy, có lúc tôi nghĩ anh sắp làm sáng tỏ một điều gì, thì ngay đó tôi thấy anh đã xóa bỏ nó không giải đáp, và ngay đó anh lại mở ra một vấn đề khác không ăn nhập gì...

– Không phải thế, chính nó vẫn ở trong câu chuyện mà tôi muốn nói với anh, muốn anh giúp tôi kết thúc nó một cách hữu ích, tôi thấy tôi không thể giải thích được một cách thỏa đáng, để sau đó có thể chết thanh thản.

– Không phải thế, không phải là cái chết, chính là sự sống...

– Tôi đã lại thấy đau đầu, chừng như có một hạt sạn nào đó đã lọt vào trong đầu tôi.

– Không phải đâu, tôi biết một chuyện khác.

– Cái gì ?

– Một cái cây đang mọc ở trong đó.

Người trẻ vẻ mặt nghiêm, người lớn mỉm cười tinh quái :

– Tôi biết, hồi nhỏ, anh ăn ổi, ăn cam, ăn nhãn rồi anh nuốt hột vào trong bụng, phải không, bây giờ những hạt đó đã mọc mầm và đâm lên đỉnh đầu.

Người trẻ tuổi phá lên cười, người lớn cười theo, tiếng cười hồn nhiên giòn tan trong không khí yên lặng của khu bệnh viện. Người trẻ gật đầu vẻ tươi tắn trên nét mặt xanh xao :

– Anh làm như tôi còn con nít, điều ấy hồi nhỏ tôi vẫn sợ mỗi lần ăn quả gì mà vô tình nuốt cả hạt, nhất là khi ăn nhót, anh biết không ?

– Thôi đừng nói, chảy cả nước miếng, tôi nhớ nó hồi được ra Hà Nội học, những trái gì mà mọng đỏ, với phấn và mình cầm từng trái sát vào áo len cho bóng và hồng lên, thích nhỉ, ở trong Nam không có trái đó, mùa của nó về mùa đông phải không, đúng rồi, mình phải sát nó vào áo len và áo dạ... Ở nhưng mà hình như anh đang nói với tôi chuyện gì kia mà, đâu phải là những trái nhót nhỉ ?

Người trẻ tuổi lặng yên, người lớn nhìn mông ra khu sân cỏ của

bệnh viện, người trẻ tuổi tư lự,
người lớn tuổi ngó bạn thương hại
:

– Chính điều tôi muốn biết là :
cha anh sau đó có được cứu sống
không ?

– Cha tôi được cứu nhưng
không phải là một câu chuyện giản
dị như thế, điều quan trọng với tôi
là thời gian-dưới-hầm của những
người như cha tôi, anh hiểu ?

– Vậy bây giờ cha anh thế nào ?

– Cha tôi chết rồi, đã mười mấy
năm..,

– Ngay khi đó...

– Thông thả, anh để cho tôi nhớ
lại, vâng...

Người trẻ lấy một điếu thuốc châm hút, người lớn tuổi lấy một viên kẹo ngậm, chút giấy bóng nhỏ về tròn trong lòng tay.

*

Lúc bấy giờ mùa đông, tôi nhớ rõ thế, trong một tình thế khó khăn bất ổn, chú tôi đã không muốn cho tôi ở lại nhà, tôi thì muốn đưa cha tôi lên khỏi hầm, đưa ông ra tỉnh sống, nhưng chú tôi không thể giúp tôi thực hiện điều đó, chú tôi cho tôi thấy tất cả những khó khăn, tôi ra tỉnh và tìm kiếm, hỏi han một số người quen biết giúp cho, sau chót tôi có một người đồng ngoại nói với tôi là nên nói chuyện đó với Cha sở, nhờ ông nói với Tây và

ông Quận rồi đưa cha tôi đi. Thực ra lúc đó chuyện cha tôi trốn dưới hầm vẫn không ai rõ, tôi thì nói cho người ta hiểu mập mờ như là cha tôi đang ở ngoài khu và muốn về tề. Và tôi mang chuyện đó ra nói với cha tôi.

Đúng như chú tôi tiên liệu, vài ngày sau khi ông Trùm bị xử bắn thì Tây hành quân càn quét một cách hung bạo, đem họ lại bắn moóc-chê vào làng nữa. Cha tôi ở dưới hầm mà cũng run. Nhưng ngay khi Tây đi khỏi, đem lại du kích về đốt sạch cả xóm Bãi Bồi, lửa cháy sáng cả một góc trời, tôi ra đứng nơi sân ngó về hướng bên kia bờ đê mà kinh hoàng. Nhưng cũng may, phần lớn những người ở đây đã bỏ xóm mà lên tá túc trên huyện cả.

Tôi kể lại sự kiện này cho cha tôi nghe, ông thở dài và buồn khi nhắc tới ông Trùm, một người bà con xa với gia đình. Tôi nói :

– Con muốn cha ra tỉnh, con không muốn thấy cha chết ở dưới hầm.

Cha tôi lắc đầu nhìn tôi, tôi thấy những ngọn tóc bạc lay động, giọng cha tôi tin cậy :

– Không được, chú nói với cha rồi, không đi được, lên khỏi hầm thì cha bị giết.

– Ai giết cha ?

– Bên nào cũng giết cha.

– Vậy thì phải làm sao, cha định chết ở dưới này sao ?

– Không, cha tin ở một đổi thay, thế nào cũng có đổi thay, không thể như thế này được.

Cha tôi chợt ngừng lại, ngó tôi vẻ nghi ngờ :

– Nhưng con nghĩ mình có thể làm thế nào để ra tỉnh được ?

– Có người nói cho con biết nên mang chuyện này nhờ cha sở trên huyện, cha sở bảo đảm thì sẽ có giấy tờ cho cha, khi đó cha có thể ra tỉnh được, không ở quê nữa, bây giờ thì chỉ có cha sở là giúp được mình.

– Thế con không nghĩ tới chuyện cả nhà mình sẽ bị gán cho là Việt gian sao, con đã nói với cha chuyện ông Trùm đó, ở quê mình theo cha

sở tức là theo Tây, theo giặc, là Việt gian, Tây bảo vệ những người theo đạo, con nhỏ con không biết được chuyện này, mà rồi cha ra tỉnh để làm gì, cha muốn được ở lại quê nhà, cha tin...

Tôi tìm đủ mọi cách để làm thay đổi ý kiến cha tôi, nhưng tôi bất lực một phần vì tôi còn nhỏ tuổi, tôi không có đủ luận cứ, kinh nghiệm để nói với cha tôi, làm cho cha tôi tin và thay đổi thái độ. Chuyện này thật kỳ cục như anh thấy. Và cứ như thế chúng tôi không giải quyết được gì. Cha tôi ở lại trong hầm, tôi ra tỉnh chờ đợi.

*

Người lớn tuổi đứng lên đi về phía bên kia nhà nguyện, buổi chiều đã xuống, trên con đường từ cổng bệnh viện đi vào số người vào thăm bắt đầu đông hơn, những bước đi vội vàng, những gói quà trên tay, trong giỏ xách. Người trẻ tuổi vẫn ngồi im nhìn người bạn bước đi chậm, người lớn tuổi quay lại nói :

– Đứng lên, đi một chút cho nó khỏe chứ.

Người trẻ vừa đi đến vừa nói :

– Đã què rồi còn ham đi, nếu còn chân chắc lúc nào anh cũng chạy, phải thế không ?

Người lớn tuổi cười, gõ tay vào chiếc nạng :

– Chưa chừng rồi tôi trở thành một hiệp sĩ độc cước.

Người trẻ nhìn bạn ngậm ngùi:

– Bây giờ chỉ toàn những hiệp sĩ, hiệp sĩ mù, hiệp sĩ độc thủ, hiệp sĩ cụt, có điều toàn là hiệp sĩ không có kiếm.

– Anh nghĩ tôi khua cái nạng này lên mà không mệt à.

– Thôi, cũng không xong đâu, anh không thấy là mình thua đấy sao, thua rồi, hỏng rồi...

Tiếng thở dài nghe lạnh băng, người lớn tuổi cúi xuống và tiếp tục đi chậm rãi. Người trẻ tuổi giọng đột ngột :

– May mà cha tôi đã chết, chết

với mơ ước, chết với tin tưởng.

– Khi chết cha anh còn tin ?

– Tôi nghĩ thế, lúc ấy ông vẫn chưa rõ, chưa thấy cái thế của nhược tiểu dân tộc, của sĩ phu Đông phương ở vào một thời đại đã đổi thay sau khi Tây phương có mặt. Đâu nó có rõ ngay, từ lúc những chiếc thuyền từ Tây phương đến mang theo những lái buôn tìm thị trường và những nhà truyền giáo tới Đông phương đầu tiên, tới nay, chúng ta mới thấy rõ nó. Anh nghĩ lại xem. Chúng ta đang bị Tây phương siết chiếc thừng vào cổ, vây chung quanh một nhà ngục. Thời các anh, các anh còn một tin tưởng, còn một niềm tin gắn bó với lịch sử, các anh từ đó

có sức mạnh, nhưng anh không thấy là những điều đó đang bị phá hủy sao ? Này nhé : Tây phương đem cho ta tự do cá nhân về nhân quyền, dân chủ, mang đến cho chúng cách ăn mặc, thuốc uống. Tây phương phân ly chúng ta, từ mỗi phía, rồi cũng cung cấp vũ khí vào tay chúng ta cho chúng ta giết nhau... Tây phương mang đến máy móc, mang đến cả những ông Tây thực dân, mang đến cả Thượng đế, cách sống vệ sinh... Nhưng đồng thời Tây phương cũng đưa đến cả cách hôn hít, cách làm tình, mang đến ý niệm vô thần với Thượng đế đã chết, mang đến chủ nghĩa này, chủ nghĩa khác, Tây phương mang đến những khí giới giết người hiệu nghiệm hơn thay thế khí giới thô sơ như cung tên. Anh nhớ lại coi, từ

khi Tây phương đến, từ mọi phía, có phải là chúng ta khởi đầu khốn nạn không. Tây phương đứng từ cực tả sang cực hữu, nhân danh cái này cái khác... Và bây giờ như anh thấy bên nào thắng thì mình cũng thua. Sự thắng thua bây giờ chẳng can dự gì chúng ta hết. Ở phía nào chúng ta cũng chỉ là một quân tốt đen.

Lúc cha tôi còn sống, như anh biết đó, những thế hệ trước đó còn một nền tảng, Tây phương chưa triệt hạ chúng ta đến như ngày nay, bây giờ thì tan hoang cả, chúng tôi lãnh tất cả những hậu quả, bao nhiêu tặng phẩm đầu trao tặng cho chúng ta, tôi kinh hoàng khi nghĩ đến nó, chừng như chỉ còn cái chết, tôi không còn trông thấy đường ra

nữa, chính tôi tan rã vì thế, và cơn bệnh, như anh thấy, thời của tôi, thời của anh nữa, anh còn tin ở tinh thần dân tộc, cho dù là ảo tưởng đi nữa, như cha tôi nghĩ thoát ra giữa Tây và Cộng sản, bây giờ anh còn tin như thế không. Tôi, tôi mất hết cả tin tưởng. Chúng ta ở trong một cái vòng siết rồi. Và đau lòng hơn hết khi tôi thấy chúng ta đứng ở hai phía của Tây phương lại vẫn cứ tưởng rằng mình là dân tộc... Người trẻ tuổi ngừng lại với cơn ho rũ rượi, người trẻ rũ người xuống như một tàu lá, người lớn đi vội lại bên cho người trẻ tựa lấy, cơn ho nghẹn ngào, khi cơn ho dứt, người trẻ ngừng lên với khuôn mặt nhoe nhoẹt những nước mắt, da tái nhợt, hơi thở gấp gáp cồn cào :

– Nói cho cố, nghe bệnh anh không khá được, mình lại kia đi, ngồi một chút cho khỏe lại. Anh bi quan quá.

– Bi quan, bác sĩ bảo tôi không chết vì bệnh mà chết vì những điều nhảm nhí trong đầu, nhảm nhí, cái tiếng ấy nghe hay thật.

– Tôi không hiểu được vì sao anh bi quan đến tuyệt vọng như thế, tôi vẫn là một kẻ lạc quan quá đáng sao ?

– Chính là phải đặt mình ở chỗ tuyệt vọng đó, nếu không không thể bắt đầu được, anh nghĩ coi, nhập nhằng nữa tôi e mình không những lừa mình mà lừa cả người.

– Anh không thấy là thời tiết

đang chuyển đó sao, cuối đông rồi, mùa xuân sẽ đến...

– Anh đừng an ủi tôi, mong ước mùa xuân chắc gì anh đã nhiều hơn tôi. Tôi đâu đã được sống.

Trời đã tối hẳn, buổi chiều đã tan, những ngọn đèn đã bật sáng, hai người trở lại phòng, bước đi chậm, khi vào tới phòng. Người y tá nói với người trẻ tuổi :

– Tôi đi kiểm ông cùng khắp mà không thấy đâu, ông ở đâu vậy, có người tới kiểm ông, ngồi chờ hết cả giờ, người ấy về rồi.

Giọng người y tá như trách móc. Người trẻ nhìn cô y tá mỉm cười :

– Cám ơn cô.

Đây là người độc nhất tôi thấy vào thăm ông, hình như đó là..., sao tôi không nghe ông nói tới bao giờ...

Người trẻ tuổi đi lại ngồi xuống giường, người lớn tuổi đứng tỳ người vào khung cửa, những con mắt đều ngả lên chiếc bàn nhỏ, nơi đó có mấy trái cam xanh, một bông hồng đỏ cắm trên trên chiếc ly thủy tinh với nước trong vắt. Người lớn tuổi thấy bạn cúi đầu và hàng nước mắt đang lan xuống.

Dương Nghiễm Mậu

Phát hành vào dịp Xuân Tân Hợi
(1971)

NON NƯỚC XỨ QUẢNG
TÂN BIÊN

của **Phạm Trung Việt**

* Tập biên khảo toàn diện về Quảng Ngãi. In lần thứ hai. Tài liệu tăng bổ, sửa chữa, kiểm chứng. Hơn 40 hình ảnh lịch sử, thắng cảnh, nhân vật, sinh hoạt.

* Sách dày 300 trang. Bìa của họa sĩ Nghiêu Đề.

* Nhà sách Khai Trí Sài Gòn phát hành. Có bán tại các nhà sách lớn Quảng Ngãi và các tỉnh.

Du Tử Lê

Sau ba mùa tắm tối

*Sầu như đá muôn năm còn ở đó
tình như hoa, đầu cúi xuống ng-
hẹn ngào*

*ta như cỏ và hồn như sương
lạnh*

*em hiểu gì ? khi giọt lệ không
rơi*

*em hiểu gì ? một cánh nhạn lẻ
loi*

quay trở lại, một mình, miền
giá rét

Lòng đã hẹp nói chi trời bát ngát
óc như vung không thể úp mặt
trời

ta ngu xuẩn như một con dế đá
nhưng lòng mềm như tóc mẹ,
xưa, bay

nhưng hồn buồn như cơn bệnh
trên tay

mẹ đã khóc như vỗ về ta ngủ
Rồi khôn lớn tình ta như thác lũ
như cơn dông sập xuống một
vuông đời

như mưa bay tầm tã một mặt
người

roi quất ngược trên mình ta róm
máu

Ta như cỏ nên nhận phần héo úa
người như sương nên ướp lạnh
hồn buồn

tình đã được (?) đặt trên bàn
mổ xẻ

thì hiểu gì ? em, tảng đá cô đơn
hiểu gì em ? một cọng lá sâu ăn
hiểu sao được ! cuộc đời — anh
khinh bạc

Ta như đá phẳng trơn lì ngạo
mạn

và gót giày, em cứ bước chân
lên

và tay dao, miệng rắn, với nọc
hèn

thêm ai nữa ? cứ búa rìu đục,
đẽo

hồn có vỡ, vẫn là trăm mảnh đá

nát tan kia nào giúp được chi
ngươi

ta nguyên vẹn, một cõi trời, kh-
inh miệt

vẫn riêng mình một khối lệ
thương thân

Ta từng khóc dưới chân tình
chất ngất

ta quỳ hôn từng ngón nhỏ chân
em

ta từng chết trong môi cười quỉ,
thánh

ta từng điên trong một cánh tay
ôm

nhưng cọng cỏ chỉ vươn cùng
nắng chói

nếu tối tăm, em, chớ bước lại
gần

Em tự hỏi một lần cho vỡ nghĩa

bởi vì đâu ta bỏ núi về rừng

bởi vì đâu ta nhục nhã tận cùng

ta đã giết đời ta không hối tiếc

*Sự sống chỉ thành hình sau nỗi
chết*

*tình trăm năm chỉ khởi tự oan
cừu*

*chỉ đau thương tim mới thở
ngạt ngào*

*hạnh phúc chỉ sáng lên từ vực
thâm*

Sầu như đá, ta suốt đời thế đó

*tình như hoa, em một kiếp
nghiêng đầu*

*khi lệ chảy cũng không còn ý
nghĩa*

*lương tâm nào còn níu được
chân đi*

*Hoa đã nở bên kia đời tăm tối
bỗng đêm nay, ta ngó lại hồn
mình.*

Du Tử Lê

Trùng Dương

Buổi sáng ở đảo

Khi người đàn bà trở thành một khối thịt chảy dài trắng muốt dịu dàng chờ đợi trong vòng tay hần, thốt nhiên có tiếng chuông điện thoại reo vang, xé rách không gian yên tĩnh của đêm, xóa đi thứ âm thanh rì rào của biển cả hòa với tiếng reo của rặng phi lao viền bọc quanh hòn đảo nhỏ. Chưa bao giờ tiếng chuông điện thoại nghe lại chát chúa như vậy.

Người đàn bà nghiêng mặt về phía chiếc máy đặt trên mặt bàn ngủ, bên cạnh chiếc đèn đọc sách và cái gạt tàn thuốc bằng đất nung. Tiếng chuông dứt. Im lặng. Rồi lại réo lên lần thứ hai. Nàng đưa mắt nhìn hẳn. Hẳn buông một tiếng rửa thầm, rồi xoay người với tay cầm ống nghe lên. Tiếng nhắc máy lách cách khô khan cắt ngang hồi chuông thứ ba.

– A lô! Cái gì vậy ? Thằng nào gọi thế ? Biết bây giờ là mấy giờ rồi không hả ?

Âm thanh giọng nói từ đầu dây bên kia nghe lờ mờ, không rõ. Nhưng nàng nhận thấy nét mặt của chồng biến đổi từ cau có gắt gỏng sang nghiêm trang. Cú điện thoại

bất thường đó hẳn có liên quan đến một chuyện không thường.

– Hà ? Cái gì ? (...) Sao lại để chuyện đó xảy ra cho được ? Các chú biết phải làm gì rồi chứ ? (...) Sao tụi nó điên quá vậy ? Được... được! Cứ thế mà làm cho tôi. Chúng nó chưa thể dời đảo ngay đêm nay được đâu! Ba thằng cả thầy ? Chính trị hay thường phạm ?... Chú báo ngay cho bên Hải đăng biết rồi phải một tiểu đội qua bên đó hộ tôi ngay đêm nay, hầu cạnh chừng ngả đó. (...) Các chú thiệt đáng tội lắm đó, nghe không! Ba thằng trốn đi mà không ai biết thì lạ thật! ? Phải làm sao thộp được tụi nó, sống chết mặc kệ. Tuần tới ổng ra thăm đảo rồi. Không thể để chậm trễ được đâu! Phải bắt lại cho

kỳ được! (...)Thôi được. Cứ thế mà thi hành. Sáng sớm mai tôi sẽ qua bên đó sớm. (....)

Hắn mắc ống nghe vào máy, rút một điều thuốc trong bao thuốc trên bàn, quẹt lửa châm hút, rồi nằm xuống bên nàg, nét mặt đắm chiêu.

Người đàn bà đã kéo tấm mền lên ngang ngực, nãy giờ vẫn theo dõi những biến chuyển trên khuôn mặt chồng, nhờ ánh sáng của ngọn đèn ngủ trên bàn vừa được bật lên ở câu đối đáp thứ hai của cuộc điện đàm. Người chồng vẫn im lặng bất động. Trong căn phòng nhỏ chỉ có cái tay mặt của hắn cử động trong động tác đưa điều thuốc lên môi rồi hạ xuống trên ngực, và

sự chuyển động vô tư của từng sợi khói mỏng. Một lát, hẳn bảo nàng :

– Từ mai em hạn chế những buổi đi tắm biển sáng sớm cũng như chiều tối, cho đến khi nào tóm được ba tên khốn kiếp kia lại đã. Bằng không gọi thằng tài xế nó đưa đi, chứ đừng đi một mình. Sao tội nó ngốc thế không biết. Đợi cho ổng ra thăm đảo xong rồi muốn vượt ngục thì vượt... Mình sẽ có nhiều thì giờ hơn để vờn chúng nó cho đến khi nào tội nó mệt lử đã... Có phải chúng có thêm ít ngày tự do sống chui sống nhủi không! Hừ...

Nàng không đáp lời chồng. Cảm xúc của nàng thật lộn xộn dù bề ngoài nàng vẫn không tỏ một mảy may phản ứng gì. Trong trí nàng

bây giờ là hình ảnh của từng bày tội phạm xếp hàng ba đi như những đoàn âm binh mà nàng vẫn gặp mỗi sáng khi họ rời các trung tâm đi làm việc trên núi, trong rừng hay ngoài vịnh và buổi chiều họ lại từ các nơi đó trở về các trung tâm cùng với một tốp lính có bông súng. Như những đoàn âm binh. Nàng lăm bắm một mình. Với nàng, hòn đảo này là một cõi âm hoàn toàn.

Tiếng người chồng như rít lên làm nàng rùng mình :

– Chuyến này mà anh tóm được bọn nó, chắc chắn sẽ có thẳng tan xương!

Nói xong, hắt liệng mẩu thuốc vào bức vách đối diện. Những tia lửa nhỏ bật ra tung tóe và mẩu

thuốc rơi xuống nằm bất động với một đốm hồng ở một đầu trên sàn nhà lát gạch hoa trắng đen lâu đời nên chỗ lồi chỗ lõm. Xong, hẩn tắt đèn, chuôi mình xuống giường. Một lát, nàng đã nghe tiếng chồng thở đều.

Trong bóng tối của căn phòng, nàng nằm ngửa mặt nhìn lên trần nhà cao quét vôi trắng, đôi mắt ráo hoảnh. Trong im lặng, đoàn âm binh tiếp tục đi, đi và đi. Trên các triền núi trọc đầy những sỏi đá vây bọc hòn đảo nhỏ, ba tên âm binh chạy băng lảng. Tất cả đều câm lặng. Họ là những ai ? Nàng không cần biết. Nhưng mơ hồ nàng cảm thấy gần gũi với họ. Khi chồng nàng đặt bàn tay ngái ngủ lên hông nàng, rồi lần xuống bên dưới

lớp mền nàng đang đắp trên mình trần, nàng hiểu rằng tại sao nàng cảm thấy gần gũi với ba gã đang tìm đường lần ra khỏi kiếp âm binh kia. Nàng bắt gặp rằng mình cắn chặt vào nhau khi chồng nàng vào sâu trong nàng nghe đau đớn như lần đầu tiên biết mình không còn là con gái và đang dần trở nên đàn bà. Nước mắt nàng chọt ứa ra. Người chồng, suốt từ lúc nhập cuộc cho đến khi chấm dứt, không nói, không hay biết gì...

*

Nàng thức dậy lúc đó đã chín giờ. Người chồng đã đi. Nàng cảm thấy làn da hai bên thái dương cứng cứng, đầu hơi nặng. Nàng nhớ ra

đêm qua mình đã khóc. Nước mắt chảy xuống hai bên thái dương, thấm vào tóc và khô tại những chỗ đó. Lâu lắm rồi nàng mới khóc như thế. Nàng cũng không hiểu tại sao mình lại khóc nữa. Nàng không còn trẻ, nhưng ba mươi tuổi chưa thể gọi là già. Nàng lại chưa có một đứa con nào. Đó cũng là điều làm nàng đau khổ không ít. Người đàn bà chưa có con, chưa phải là đàn bà đích thực. Nàng thêm có một đứa con quá. Hồi nàng mới lấy chồng, nàng còn đang bận học. Nàng muốn học cho xong cái cử nhân luật. Hồi đó nàng thấy chưa cần có con vội. Rồi chồng nàng được cử ra coi tù ngoài này. Nàng nghiên cứu thêm về môn Phạm tội học, hy vọng giúp được chồng phần nào. Chính vì vậy mà những xung khắc nho nhỏ hồi

hai người mới lấy nhau đã được dịp phóng đại ra, trở nên quyết liệt hơn. Chồng nàng thường nói :

– Em bị sách vở mê hoặc, lý tưởng không đâu! Bọn tù là bọn mà ta không nên nương tay với chúng, nhất là bọn tù chính trị. Đồng ý họ cũng là người, nhưng là thứ người bị xã hội gạt ra ngoài, quản thúc, bị tước đoạt tự do. Chính ở cái điểm không còn tự do ấy, họ không còn cái quyền đứng ngang với con người nữa. Đó là một hình phạt mà họ phải suy ngẫm để đừng tái phạm! Thôi, thôi... em đừng đem sách vở ra nói với anh nữa! ...

Nàng dần dần khám phá ra một điều đau đớn; chính người chồng thân yêu của nàng đã mang thực

tế như một cái xe hủ lô ủ nát hết những gì gọi là cao đẹp mà nàng vẫn nuôi dưỡng. Nàng bắt đầu xa cách chồng, xa cách cả những sách vở đã mở cho nàng thấy một thế giới tốt đẹp, một xã hội trong đó con người dù lầm lạc, dù tàn ác vẫn có cơ hội trở nên tốt lành. Nàng không thể đem những điều đã trở thành ảo tưởng đối với nàng để truyền dạy lại cho lũ sinh viên. Dầu sao, nàng đã nghĩ đến chuyện ly dị chồng, tìm một việc làm, và sống lấy cuộc sống của mình. Lý do không còn chỉ là cái có...

Vậy mà từ hôm ra đây thăm chồng đến nay đã non một tháng, nàng vẫn chưa đề cập đến chuyện ly dị với chồng. Vì nàng vẫn còn hy vọng ở tình yêu của hai vợ chồng

(nàng lấy chồng vì yêu để dần dần hiểu ra tình yêu và hôn nhân thật khác xa nhau)... Những lần chung chăn gối với chồng, nàng vẫn nghe ngóng động tĩnh của tâm hồn mình. Nhưng nàng chỉ thêm thất vọng. Nàng nghĩ có lẽ tại nàng quá lý tưởng. Phải chi nàng có một đứa con, có lẽ nàng sẽ không băn khoăn nhiều như hiện tại ? Suy nghĩ tới, suy nghĩ lui, nàng chỉ thấy thêm rối mù...

Nàng rửa mặt, chải tóc, thay quần áo. Khi nàng bước ra ngoài hàng hiên của ngôi biệt thự cổ nằm quay mặt ra biển, một viên chuẩn úy trẻ đã ngồi đợi sẵn tại cái ghế bành đặt tại một đầu hiên. Thấy nàng, gã đứng dậy và nàng nhận ra

bên hông gã có đeo một khẩu súng lục. Gã tự giới thiệu :

– Tôi là chuẩn úy Tân. Thiếu tá cho tôi đến thay thế bác Nhâm đưa bà đi chơi, nếu bà muốn.

Thấy nàng tuy gật đầu nhưng mắt không rời khẩu súng lục gã đeo bên hông, Tân vội nói :

– Thiếu tá lưu ý tôi đem theo cái này để phòng hờ vậy thôi. Chắc bà có nghe tin về ba tù nhân vừa vượt ngục đêm qua ?

Nàng khẽ gật đầu. Gã chuẩn úy tiếp :

– Nhưng chắc không có gì xảy ra đâu. Ban ngày tụi nó lo ẩn trốn mà. Thiếu tá nói bà hay đi tắm sớm, nên tôi qua đây từ lúc 8 giờ. Thiếu

tá có vẻ chăm sóc đến bà nhiều. Bà cần đi bây giờ ?

Nàng lắc đầu. Nàng không thích lối gọi các tù nhân bằng hai chữ “tội nó”. Nàng không tin là họ có thể hung dữ đến thế. Vừa lúc đó, một can phạm mặc đồ bà ba trắng tiến ra khép nép hỏi nàng :

– Thưa bà, bà đừng điếm tâm ? Nàng quay lại nhìn dáng hom hem khắc khổ của người đàn ông luống tuổi đã can tội trấn nước chết năm đứa con nhỏ vì giận vợ bỏ bê gia đình cách đây năm năm và bị tuyên án hai mươi năm khổ sai. Chồng nàng cho ông ta ra hầu hạ việc nhà vì ông ta hiền lành, có hạnh kiểm tốt. Nàng đáp :

– Thôi khỏi, bác Huân. Tôi muốn

ra quán ngồi một chút, rồi sau đó lại thăm cha xứ. Cảm ơn bác nhé.

Người đàn ông quay vào nhà, sau khi dạ một tiếng nhỏ. Nàng có nghe chồng nàng kể ông ta ngỏ ý xin ở lại đảo dù sau này khi đã mãn hạn tù, vì hiện ông không còn ai là người thân thích trong đất liền nữa. Ông ta còn giữ bên mình bức ảnh chụp vợ chồng ông và năm đứa con, Đôi khi nàng bắt gặp ông ta ngồi nhìn hình gia đình hàng giờ. Những lúc đó, nàng thường lảng đi chỗ khác, dù nàng đang định tìm ông ta có việc.

– Vậy để tôi đánh xe đưa bà ra quán.

Viên chuẩn úy nói. Nàng đáp nhỏ “cảm ơn”, rồi bước xuống mấy

bạc tam cấp xây bằng gạch đỏ đặt đúng theo chiều dài sát vào nhau, tiến ra phía cổng về phía chiếc xe díp đậu bên lề đường hẹp độ một thước với những thân cây bàng sù sì, lá đang chuyển sang màu đỏ ối. Chuẩn úy Tân theo sau. Gã đứng đợi cho nàng lên xe rồi mới đi vòng ra đầu xe lên ngồi vào chỗ tay lái. Gã mở máy cho xe chạy. Quán nước nằm ở phía sau tòa nhà dùng để bày bán các đồ tiểu công nghệ do các cán phạm làm. Phải đi vòng ra sau tòa nhà phần đối diện với biển, mới vào được trong quán. Tòa nhà đó nằm không xa ngôi biệt thự nàng ở là mấy, chỉ độ vài chục thước.

Gã chuẩn úy đậu xe dưới tàn cây bàng. Gã đang do dự không biết

nên cùng vào với nàng hay không.
Nàng nói :

– Chuẩn úy vào dùng điểm tâm
với tôi luôn ? Cho có bạn.

Gã nói “cảm ơn bà”, rồi tắt máy
xe và đi xuống, cùng với nàng bước
vào quán.

Ngồi đối diện với gã, nàng đoán
gã chỉ chừng hai mươi ba, hai mươi
bốn, bằng tuổi thằng em sinh viên
của nàng. Thằng nhỏ có lẽ đang
hợp kín với các bạn để lo vụ tranh
đấu lật đổ chế độ. Nàng hy vọng
nếu cách mạng lật đổ được chế độ,
thì cách mạng cũng có thể đem cái
hơi hướm của mình đến hòn đảo
khốn nạn này để đời sống lao tù
nơi đây có cơ cải thiện cho thêm
phần sáng sủa... Lẽ ra nàng nên có

mặt ở Sài Gòn vào lúc này. Nàng tự trách mình chỉ nghĩ đến mình thôi. Nếu nàng có một cuộc sống gia đình hạnh phúc trong một xã hội đầy đầy những bất công, những thối nát, thì cái hạnh phúc đó liệu có trọn vẹn ?

– Bà dùng chi ạ ?

Lão chủ quán trông ra dáng một người thủy thủ đã về hưu. Lão hỏi nàng dù lão biết nàng đã rõ quán lão buổi sáng chỉ có độc món hủ tếu khô và cà phê, nước ngọt thôi.

– Ông cho tôi một tô hủ tếu và một ly cà phê sữa.

– Dạ. Còn chuẩn úy dùng chi ?

Tân đáp gọn :

– Bác cho tôi cũng thế luôn.

– Nghe nói có ba tên mới vượt ngục đêm qua, phải không chuẩn ủy ? Tụi nó thiệt ngu. Cụ Tổng sắp ra thăm đảo, đời nào thiếu tá chịu để chúng thoát, chuẩn ủy há ?

Tần liếc nhìn nàng, ầm ừ cho xong chuyện với lão chủ quán. Nàng làm ra vẻ như không quan tâm đến câu chuyện của hai người, mắt nhìn ra đám can phạm gần như mình trần đang hè nhau kéo lưới bên cạnh bờ đá. Bác Nhâm, cũng là một can phạm, nhờ hạnh kiểm tốt được đưa ra làm tài xế, cho nàng hay họ là nhóm can phạm chuyên lo về đánh cá, nhưng dĩ nhiên không được dùng thuyền và chỉ đánh cá quanh bờ thôi. Cá đánh được sẽ

được dùng làm thức ăn cho các tù nhân. Ngư lợi như thế dĩ nhiên không được bao nhiêu, cũng như những ruộng vườn trên đảo do các tù nhân khai thác không đủ cung cấp rau cỏ cho các can phạm cũng như dân chúng. Đảo sống nhờ phần lớn vào những chuyến tàu tiếp tế của hải quân cứ nửa tháng một lần ghé qua đây. Nàng đã được chứng kiến cảnh tàu đến đậu bên bờ đá kia một lần. Từ sáng sớm, dân trong đảo đã kéo nhau ra đứng dọc theo kè đá. Họ hầu như không có bao nhiêu việc để làm mỗi ngày, trừ các tù nhân. Tàu hạ trước khi cập bến, đem lại cho đảo một bầu không khí vui nhộn tạm tạm để thay thế cho những ngày quá phẳng lặng và u uất. Sau đó là cảnh khuôn vác tấp nập từng bao gạo hay các hộp thực

phẩm, thuốc men v.v... Hôm sau tàu nhổ neo, trả lại cho đảo những ngày không thay đổi cũ.

– Bà sống ở trong đó quen, chắc ra ngoài này phải buồn lắm ?

Nàng quay lại nhìn gã chuẩn úy trẻ, không đáp, mà hỏi lại :

– Thế còn chuẩn úy ?

Bị hỏi đột ngột, gã chuẩn úy khẽ nhún vai :

– Lúc đầu, tưởng... tự vẫn đến nơi, nhất là mỗi ngày mỗi phải nhìn thấy các tù nhân. Riết rồi cũng quen đi...

– Chuẩn úy đổi ra đây lâu chưa?

– Được hai năm, thưa bà. Ngay sau khi ra trường. Cuộc : sống ở

đây thật tù túng. Tôi đang vận động để xin đi đơn vị tác chiến, ít ra ở đó còn có sự thay đổi. Nhưng tình hình trong ấy còn lung tung quá. Tôi nghe quân đội sắp đảo chính. Tôi nghĩ thế nào rồi cũng có đụng độ giữa quân đội với nhau, nên chờ... rồi sẽ tính vậy. Đánh nhau với Việt cộng thì còn chấp nhận được, chứ đánh nhau mình với mình...

– Chuẩn úy năm nay bao nhiêu rồi ?

– Hai mươi bốn, thưa bà. Tôi đang học dở, vừa xong được cái tú tài đôi... Có nhiều cái làm tôi chán cuộc sống ở Sài Gòn... Mà thôi, hủ tít đây rồi, mới bà dùng kéo nguội.

Nàng nhận thấy gã chuẩn úy trẻ không hẳn tầm thường như nàng

nghĩ. Lão chủ quán bê ra hai tô hủ tíu còn bốc khói, miệng líu lo :

– Bà dùng đỡ... không may cho thiếu tá, đúng vào ngày bà ra đây lại phải bù đầu với mấy thằng mắc dịch!

Nàng không nói gì, lấy mớ dưa trong ống ra so, đưa cho gã chuẩn úy một đôi và nàng lấy một đôi, còn lại bỏ trả vào ống. Lão chủ quán quay trở vào trong. Hai người ăn trong im lặng. Khí hậu ở đảo làm nàng thấy khỏe; song nàng vẫn cảm thấy có một cái gì không ổn, vương vীu. Cái không khí tù đày, nàng nghĩ. Phải, nếu đừng có cái không khí tù đày đó... Đảo thật đẹp với những rừng dương dài, những bãi cát trắng mịn và sạch, những

triền núi đã bị thời gian và khí hậu soi mòn khắc thành những hình thể kỳ lạ, những con đường hiu hắt hai bên trồng bàng và những ngôi nhà cổ quét vôi trắng toát, ngôi nhà thờ cổ kính với tháp chuông cao ngó ra biển, phía xa ngoài khơi những hòn đảo nhỏ nổi trên sóng nước mênh mang... Phải, nếu đừng có hình ảnh những đoàn tù nhân câm lặng rời trại vào buổi sáng và trở về vào buổi chiều tối, nếu đừng có những dãy tường cao dài trắng xóa của các trung tâm cải huấn...

– Bà biết ngày xưa nhà này được dùng làm chỗ làm việc của một kịch tác gia người Pháp chứ ?

Gã chuẩn úy hỏi. Nàng nhấp một ngụm cà phê sữa, đáp :

– Có. Tôi có thấy tấm lắc gắn trên bức vách phía ngoài quán. Tôi không hề nghe tên ông ta từ trước...

– Tôi cũng vậy. Mình biết rất ít về nền kịch nghệ gần đây của Pháp... Dầu sao thì, tuy nghệ thuật là cái phải tách rời ra khỏi các thành kiến chính trị, tôi vẫn nghĩ tấm lắc ấy cần phải được gỡ đi. Tuy nhiên, có nó ở đấy cũng đỡ... buồn tình lắm.

Nàng tò mò nhìn gã chuẩn úy trẻ :

– Tại sao ?

Gã nhoén miệng cười và nàng nhận thấy gã có nụ cười thật trẻ tho :

– Để tôi có chuyện mà nói với bà, ít ra là như vậy. Đỡ hỏi bịa chuyện. Những thằng sống ở đảo như chúng tôi, riết rồi hóa thành... thổ dân hết. Chán lắm... tôi nghe nói bà có học luật ?

Đây là lần đầu tiên, dù đã ở đây non một tháng, nàng gặp gã. Vậy mà xem chừng gã biết khá nhiều về nàng. Nàng gật đầu, không đáp vì không muốn đi sâu vào câu chuyện.

– Chúng tôi ở ngoài này, nửa tháng mới được đọc báo nột lần, dĩ nhiên là báo cũ. Nhưng báo chỉ lúc này dường như bị bịt miệng khá kỹ... Còn đài phát thanh thì... dĩ nhiên, khỏi bàn...

Gã có vẻ ngập ngừng, nửa như muốn hỏi điều gì đó, nửa ngại ngần,

lại thôi. Nàng chỉ nghe mà không bàn góp. Nàng chợt nhận ra thái độ sống ơ thờ bấy lâu của mình. Khác hẳn với hồi nàng còn là sinh viên. Cái gì đã thay đổi nếp sống của nàng đến như vậy ? Đột nhiên nàng cảm thấy muốn trở lại cuộc sống cũ, cuộc sống tự do, không ràng buộc; hay ít ra được ngưng cái cuộc sống hiện tại nơi đây, để duyệt xét lại đời mình, trước khi nó hóa thành ù lì mãi mãi, trước khi đã quá muộn...

Thấy nàng lặng thinh, nên gã chuẩn úy cũng thôi luôn, gã ngồi hút thuốc và ngó mông ra biển qua khung cửa sổ rộng hình vòng cung.

– Họ là những ai vậy ?

Nàng đột ngột hỏi gã.

– Bà nói «họ» nào ?

– Mấy người vượt ngục ấy. Xem ra chuẩn úy chẳng quan tâm đến vụ này ?

Gã chuẩn úy chột cười một tiếng ngắn :

– À, kể ra thì đó kể như là một biến cố đối với cuộc sống ở đây. Nhưng họ làm sao thoát được với cái địa thế này! Tôi không mấy quan tâm đến vụ này thật. Bất quả chỉ là một cuộc vượt ngục. Hoặc họ sẽ thoát, hoặc họ sẽ bị bắt lại, hoặc họ sẽ bị cá mập ăn thịt... Tôi bận tâm đến nhiều điều khác hơn — chẳng hạn như những gì đang xảy ra trong đất liền...

– Chuyện vượt ngục có thường xảy ra không ?

– Rất ít. Từ dạo tôi ra đây đến giờ đây là vụ đầu tiên...

– Mà chuẩn úy cũng không quan tâm ?

– Tôi nói lý do tại sao với bà rồi.

– Chồng tôi quyết tóm họ lại cho bằng được...

– Xiu lỗi, bà nói hay bà hỏi đấy ạ ?... Dầu sao, đó là trách nhiệm của thiếu tá. Tôi mừng, vì nhờ tài bắn súng của tôi, thiếu tá cử tôi qua hộ vệ bà thay, vì đi săn tù. Săn tù đầu cần bắn giỏi – chỉ cần đông và khéo, nhất là ở cái vị thế này.

– Chuẩn úy cũng không muốn đi săn tù ?

– Tôi không thích làm bất cứ việc gì liên hệ đến việc đó. Bà dùng xong rồi chứ ạ ? Bà muốn đi chơi đâu ?

Nàng nhìn gã chuẩn úy trẻ, không đáp câu hỏi của gã, mà nói :

– Tôi có cậu em cũng bằng tuổi chuẩn úy. Nó còn là sinh viên. Chắc hiện đang tham gia cuộc tranh đấu. Nó làm vì khoái những trò chơi bí mật và nguy hiểm, hơn là vì một lý tưởng – dĩ nhiên cái này không phải là không có...

– À, vâng... Nếu không có cái thú phiêu lưu mạo hiểm, thì sự có lý tưởng là đồ bỏ bởi có thể vì sợ sệt, vì rụt rè, tôi nghĩ thế, để rút cục không dám làm gì cả để thực

hiện cái lý tưởng đó. Cái khoái đó gọi là tuổi trẻ đấy, thừa bà.

Một nụ cười mơ hồ thoáng nở trên môi nàng :

– Chuẩn úy cũng chịu khó... suy nghĩ nhỉ ?

Gã nhún vai một cái nhẹ :

– Có lẽ tại tôi không có việc gì khác để làm... Tôi có biết một trong ba người vượt ngục...

– À, vâng ?

– Thằng đó ngày xưa học cùng với tôi. Nó có mộng làm cách mạng. Hồi đó tôi cũng xuýt bị lôi cuốn vào nhóm tội nó — tuổi trẻ mà, thừa bà. Sau tôi bất đồng với nó vì nó có khuynh hướng cộng sản. Nó sinh

trưởng ở miền Nam. Cả gia đình nó đều có khuynh hướng cộng sản. Với họ, cộng sản còn đẹp lắm, còn lý tưởng lắm... Còn tôi, tôi từ Bắc di cư vào để tránh cộng sản; nên tôi xa nó, xa gia đình nó, dù tôi được bố nó nhận làm con nuôi vì tôi vào đây có một thân một mình... Gã chuẩn úy ngưng lại, đốt thêm một điếu thuốc, rồi tiếp :

– Nó bị bắt, bị xử và bị đưa ra đây từ hồi nào tôi không hay, cho đến hôm tôi ra nhận đơn vị ngoài này, mới hay. Nó hơn tôi ba tuổi. Con người khá khí phách, nhưng cũng lý tưởng đến độ không tưởng...

Nàng nhìn gã, vẻ chờ đợi. Nhưng gã bỏ lửng câu chuyện, quay lại nhìn nàng, mỉm cười :

– Tôi cũng bị xúc động khi biết trong bụng vượt ngục có nó, như bà vậy. Có điều, tôi cảm thấy... xáo động quá đáng. Tôi rất quý nó, thằng bạn người-anh kết-nghĩa ấy. Tôi đau lòng khi phải rời bỏ gia đình nó mà đi. Tôi nghĩ, kể từ đây mà đi, sẽ còn nhiều dịp để mà đau lòng nữa cho những người thanh niên Việt...

Ngưng một lát thật lâu, gã chuẩn ủy nói lảng sang chuyện khác.

– Tình hình trong ấy coi bộ đang lung tung lắm. Chắc «cụ ấy» chẳng ra thăm đảo như đã thông tri...

– Ai ?

– Cụ Tổng thống thừa bà... Tôi

không biết thiếu tá có nghĩ thế ? Tuy nhiên thiếu tá vẫn cho xúc tiến thiết lập chương trình cho hai ngày ở đảo của «ông ấy». Bà có muốn đi xem ngôi nhà mát hiện đang được các tù nhân bên trại mộc cất không ? Ở bãi Dương đằng kia...

Nàng cũng thấy muốn rời quán. Lúc đó vừa có thêm hai sĩ quan vừa bước vào. Họ chào nàng và bắt tay gã chuẩn úy. Gã chuẩn úy trả tiền dù nàng lên tiếng cản lại.

Hai người bước ra khỏi quán. Mặt trời đã lên cao soi ánh nắng chói chang xuống mặt biển và trên đám tù nhân đánh cá gần như ở trần đang kéo lưới vào bờ dưới sự giám thủ của hai người lính gồm súng.

Gã chuẩn úy đã lên xe. Nàng lên ngồi trên chiếc ghế bên tay mặt gã. Xe rồ máy rồi nhắm phía bãi Dương đi tới... Gió biển thổi tung mái tóc dài của nàng. Nàng nhìn cảnh vật xung quanh, nói nhỏ, nhưng đủ cho gã nghe tiếng :

– Hòn đảo này có nhiều chỗ thật đẹp. Chỉ phải nổi...

Gã đáp, mắt nhìn thẳng về phía trước :

– Vâng... Nhiều đêm mưa bão, tôi nằm trong phòng nghe mưa gió và biển động bên ngoài mà tưởng tượng là, biết đâu hòn đảo chẳng sẽ bị chìm xuống biển, hoặc trôi về một chỗ nào đó, có thể là bắc cực hay nam cực, hay giữa Thái Bình dương, chẳng hạn... Không còn

liên hệ với Việt Nam. Không còn cai ngục và tù nhân. Chỉ có những con người với nhau... Nàng chợt cảm thấy thích thú :

– Tôi muốn có mặt trong câu chuyện tưởng tượng của chuẩn úy.

Gã cười lớn

– Như vậy là bà cũng thích phiêu lưu mạo hiểm nhỉ ?

– Chắc tại tôi chưa già, tôi còn tuổi trẻ. Như hồi nãy chuẩn úy nhận xét về tinh thần phiêu lưu mạo hiểm của thằng em tôi. Nhưng mà... tôi có lý tưởng gì đây ?

– Để xem...

Gã nói xong, cho xe rẽ vào con đường nhỏ dẫn xuống bãi Dương.

Giữa những thân cây dương cao gầy một vẻ bần bĩ đứng reo vô tư trong gió, một ngôi nhà vách phen đang được các tù nhân trại mộc xem xét lại lần cuối.

Trùng Dương

**trong đêm giao thừa
chúng ta chuyển đọc
khổ lục
của PHƯƠNG TẤN**

**để chào mừng mùa xuân
như chào một tuổi trẻ chưa bao
giờ có thật**

Lý Minh

Năm bài lục bát

nhạc lệ

ngàn năm bỗng xóa đi rồi

lênh đênh hạt máu trong tôi
sâu đây

thôi thôi lời thăm muốn tai

hồn nghiêng tiếng hát đưa dài
phố đêm.

khi tha hương

khi về xa cách không gian
đong đưa mấy cánh chim buồn
lại bay
khi xa cả lớp linh hài
— thời gian dẫu đất nhớ trời
xanh thương.

cõi xưa

bâng khuâng : liễu úa sầu người
cỏ cây bỗng lại bồi hồi với ta
ao, đầm rày đổi tha ma
hoang sơ miếu cũ trăng mờ cõi
thương.

Bến hạc

gót thương thoảng đã mịt mùng
trời êm ả ngủ bên cồn cát ng-
hiêng
mắt sâu — lệ đổ — thâm nghiêm
lênh đênh thuyền cũng bốn
phương phiêu bồng.

ngủ gà

hài tơ lứt thướt gót hồng
sầu đi trên một nẻo đường khi
khu
gió phai — hương sắc — trời mơ

thơm thơm tà áo dáng thu, nã
nề.

Lý Minh

Nguyễn Xuân Hoàng

Ý nghĩ trên cỏ

Tám ngày ở đây rồi. không, lẽ ra phải nói là tám đêm đã nằm trong bệnh viện này rồi mới đúng.

Còn những ban ngày ?

Những ban ngày tôi không chắc là mình có mặt tại đó ngoài những giờ người thầy thuốc đến khám bệnh. Bởi vì sau đó, sau những mũi thuốc đau nhói trên bả vai, sau

những viên thuốc đủ màu đủ cỡ...
tôi rời bỏ ngay giường bệnh, trốn
chạy những mũi kim và cô y tá,
trốn chạy vì sợ phải ngửi ngóng cái
mùi đặc biệt bệnh viện, thứ không
khí kỳ cục vừa nhẹ nhàng vừa đầy
hăm dọa, bầu khí mà một người
nào đó đã nói rằng mỗi đời người
ít ra cũng nên hít ngửi tẩm đẫm
nó một đôi lần để làm quen với sự
chết : bệnh viện chính là thứ trung
gian cần thiết gạch nối không thể
thiếu giữa cõi sống và cõi chết, nó
giúp cho người ta thích nghi với
đời khác một cách dễ dàng hơn.

Trốn chạy tất cả những thứ đó,
mang theo cánh tay đau của mình
chạy rong trong thành phố vào
những ngày cuối năm, nhìn ngó
đời sống như nhìn ngó những lá

cây xanh trong khu rừng già, nhìn ngó đời sống như ngóng người hơi hướm của mặt trời chiếu ấm bãi biển buổi sáng; nhìn ngó đời sống như nhìn ngó sự thoải mái của mỗi người trên chỗ nằm của họ mùa đông...

Bởi vì mặt trời mùa hè cũng như sự chết đều chói chang đến nỗi chẳng ai có thể nhìn thẳng vào mặt chúng mà không bị chúng làm cho mù lòa và tan thành hư không.

Buổi chiều ở nhà thương ra, tôi vào quán nước ở ngã tư đường tìm Thành, nhưng không thấy hẳn đâu. Quán có vẻ đông người hơn trước. Tôi đứng ở một góc cột có căn gương (với tên những món ăn viết bằng sơn trắng) soi rõ bộ mặt

hốc hác của mình (hai con mắt sâu hoắm có quầng đen, tròng mắt đục, da xanh xao hơi bủng, môi thâm tím, tóc đứng vó những sợi trắng, về thăm hại thấy rõ...) và tần ngần chờ đợi một chút. Biết đâu sẽ chẳng có đưa đến ?

Ừ, biết đâu. Và tôi tần mần sờ những cọng râu mọc tua trên cằm mình. « Râu gì mà râu dữ vậy ! » Trước ngày vào bệnh viện mấy hôm Như đã kêu lên khi tôi đến thăm nàng trên một chung cư. Như nói anh để râu trông khiếp quá đi, và nàng hôn lên trán tôi như thể một người mẹ hôn con. Phòng khách nàng la liệt những sách vở báo chí, buồng ngủ của tôi cũng vậy. Như cho tôi xem bản dịch dở dang của nàng, bản dịch một quyển truyện

dài của một nhà văn Anh-cát-lợi mà tôi chưa nghe đến tên một lần nào. Nàng nói những người đề râu đều kỳ cục. Tôi hiểu cái lối nói ám chỉ của nàng. Nàng kể cho tôi nghe cái cá tính của nhân vật có râu trong truyện này, sau cùng nàng kết luận nếu anh không bận mời anh dùng cơm tối với em, ở hiệu ăn hôm trước, và nếu anh thấy không có gì trở ngại em sẽ đem thằng nhỏ theo, hồi này em không muốn gửi cho người khác nuôi nữa, em đã nghĩ kỹ rồi, nó cần em, nó phải có một người mẹ.

Chúng tôi chia tay liền ngay đó nhưng buổi tối tôi đã không đến dùng cơm với nàng như đã hẹn. Khi sửa soạn mặc áo ra đi tôi bỗng nghe đau nhói ở cánh tay trái,

thịt ở bả vai cứng lại như đá, và dọc suốt những khớp xương tay nhức nhối không thể tả như thể có ai cầm dao lóc thịt tôi. Tôi đi bác sĩ, người ta cho tôi một toa thuốc dài và mấy hôm sau tôi không còn đủ can đảm chịu đựng nỗi sự đau đớn lớn lao dường ấy. Một người quen giới thiệu tôi vào một bệnh viện. Người ta bắt tôi kiêng cử, cho tôi uống thuốc và chích thuốc theo liều đã định. Viên bác sĩ ngoại quốc hãy còn trẻ cho tôi biết là hăn vừa mới đến Việt Nam, hăn nói rồi ông sẽ khỏi sớm, bệnh ông không có gì trầm trọng. Tôi mong thế. Và tôi trốn hăn sau những mũi chích đầu tiên.

Quả thật là chẳng có đũa nào đến ! Tôi ngậm gọng kính trong

miệng và đi ra bằng một cánh cửa khác. Tôi vào một hiệu sách gần đó mua một tạp chí (để buổi tối còn đỡ giấc ngủ), một tạp chí đầy những hình ảnh érotique [khiêu dâm] không chịu nổi. Thành đã nói vậy khi hắn cầm những tờ báo loại này trên tay lật lật từng trang. Tôi trả tiền nơi người thu ngân và đi lang thang một mình.

Đi lang thang một mình trong những ngày giáp tết, với cánh tay đau kỳ cục, cánh tay đã chết nhưng làm nặng nề thêm cái phần xác vốn nặng nề tôi. Tôi ôm nó trong tay như đang cầm một vật lạ. Giá mày bị cắt đứt đi mà ta không bị nhức nhối có lẽ sẽ làm ta dễ chịu hơn.

Nhưng tại sao cơn đau kỳ cục ấy ?

Không một ai trong những bác sĩ tôi gặp đã giải thích cho tôi rõ ràng điều này.

Có phải vì tôi đã thở trúng cái không khí tử vong phảng phất ở cảnh cửa sổ, đêm trên căn gác nhìn ra bãi tha ma phía bên kia đường nương nhà tôi ?

Có phải vì tôi đã hít ngửi phải ngọn gió độc chạy lùa qua ngôi nhà xác ở đầu con lộ lớn ?

Tôi tưởng như đang nghe thấy sự chết gập nhăm lẩn hồi, chậm chạp nhưng rõ ràng trên sự sống tôi. Điều này làm tôi kinh sợ và ghê tởm như ghê tởm khi ăn gần hết một trái cây xanh và bắt gặp trong nhát cắn sau cùng con sâu đo đang cuộn tròn trong ruột nó.

Tôi băng qua hàng sách, hình như thế tôi không chắc lắm, bởi vì có thể gọi đó là hàng vải cũng chẳng sao, người ta chen chúc dữ nhưng mua sắm không nhiều. Tôi nhớ đến lớp học nhỏ của tôi, với số học sinh ít ỏi không thể tưởng tượng đó chính là lớp học lý tưởng nhất mà tôi được phụ trách. Phẩm đứng đắn nghiêm chỉnh, Hùng trẻ tuổi, Nguyên có cách nhìn đời đặc biệt, chị Liên bận bịu gia đình, Ánh còn trẻ nhưng hình như quá dè dặt để có thể tách rời khỏi mọi sinh hoạt ngoài lớp học, Thu rất dễ mến dịu dàng và vui vẻ, Lan vừa khinh đời vừa sợ đời. Không khí ở đó trong những buổi tối giúp tôi đánh tan mọi mệt nhọc trong tuần. Nhìn thấy họ chăm chú theo dõi bài học, xem xét những bài kiểm

của họ, nghe họ phát biểu ý kiến về một vấn đề liên quan đến bài đang giảng, tôi hiểu rõ sự cố gắng của họ và cả sự cố gắng của tôi nữa, tôi hiểu tại sao tôi từ bỏ tất cả để giữ lại lớp học này, tôi hiểu tại sao tôi đã rời khỏi chiếc bàn giáo sư để ngồi xuống chiếc băng ghế học trò, tôi hiểu tại sao tôi đã đổi cách trình bày một bài học, tôi hiểu tại sao chúng tôi (Nguyên và Phẩm) dự ngày sinh nhật của Lan không do dự, tôi hiểu tại sao chúng tôi ăn một bữa cơm tối đầy thú không khí mà những người trước tôi, xưa lắm đã từng thực hiện, với môn đệ của họ, tôi hiểu tại sao tôi che giấu sự đau đớn nhức nhối của cánh tay tôi để giữ lớp học khỏi mất bài, tôi hiểu những khó khăn của họ, và tôi tin chắc là họ cũng sẽ hiểu những

khó khăn của tôi; tôi tìm kiếm gì trong đời sống nếu không phải là sự thoải mái cho chính tôi và cho mọi người, (tôi sẽ sung sướng chẳng trong nỗi khổ đau của người khác ?) Tôi đi cô đơn giữa những đám người lạ mặt, nhưng trong tôi nỗi ấm áp đầy ắp tình thân ái của lớp học. Tôi gọi đó là một thứ tình bạn mới, thêm vào tình bạn mà tôi đang có với Thành, với Quốc với Phùng, với Nhật, với Đình...

Ôi bạn bè ta, còn thứ tình cảm nào lớn hơn để ta chia xẻ cho chúng bay !

Tôi trở về bệnh viện lúc tám giờ. Tôi không vào giường. Tôi thả bộ dưới những vòm cây cao đầy bóng tối. Cánh tay đau nhức vẫn lủng

lẳng bên mình như những kẻ thân yêu vẫn làm khổ ta mà ta không làm sao dứt bỏ được họ. Tôi biết người thầy thuốc rất không bằng lòng về con bệnh của ông. Chắc không người thầy thuốc nào bằng lòng một con bệnh loại này. Hình như họ ưa thích nhìn thấy chiếc giường với người bệnh nằm yên trong đó. Ít ra một bệnh viện phải là như thế để được gọi là một bệnh viện. Tôi không ao ước một điều như vậy. Tôi muốn đi thăm những nhà thương với sự nhàn rỗi của người y tá và những chiếc giường trống trơn, nệm dày, vải ra trắng phẳng và không có mùi của thuốc men. Như thế đời sống có vẻ khoẻ mạnh hơn.

Tôi đi qua khu nhà xác. Chỗ này

tôi có đến một lần, chỉ một lần để nhìn khuôn mặt người bạn tôi, kẻ chết không kịp nhắm mắt vì một viên đạn. Đó là một người bạn tốt. Hấn tên Sơn, ít nói và thẳng thắn. Tôi ưa lối cư xử của hắn. Nhân cách ấy không phải dễ tìm trong một đời sống chật hẹp thân ái nhưng đầy những tình bạn giả trá và thâm độc này. Thành cũng nói « tao chịu thẳng đó ». Tôi biết sau Sơn, Thành là tên bạn hiếm có còn lại. Thái độ của Thành phân minh rõ rệt, hắn yêu bạn đôi khi có phần quá lố, nhưng điều đặc biệt là chẳng bao giờ hắn đề cao hay hạ giá một cách quá lố về tình bạn của hắn. Tôi đã quen Thành bằng cách nào, điều này tôi không nhớ lắm nhưng tôi còn nhớ rõ rằng chẳng bao giờ tôi đã để lộ thứ vồn vã ngay

từ ban đầu với hẳn. Một cách chậm rãi tôi yêu người bạn đó, cũng như một cách chậm rãi tôi xa lìa những người bạn kia.

Tôi đi vòng lại trước nhà nguyện. Sân cỏ rộng thiếu ánh sáng. Chỗ đó tôi vẫn đưa Như vào ngồi trên ghế đá dưới tàn cây lớn nói một vài câu chuyện vợ vẫn và hôn nhau khá lâu trước khi chia tay. Một lần Như nói với tôi, sao anh không bệnh thử một chuyến coi. Tôi nhìn nàng không hiểu. Như cười, em sẽ có cơ vào thăm anh, bóc cam cho anh ăn và ngủ lại với anh. Hình như hồi đó tôi cũng có ý nghĩ gần gần như vậy. Tôi tự hỏi không biết một người bệnh bị ám ảnh về cái chết của mình sẽ yêu đàn bà ra sao ? Tôi muốn có kinh nghiệm

về thứ dục tình đó. Chắc là khủng khiếp lắm. Tôi nói với Như rằng nếu nàng làm được điều ao ước đó, nàng sẽ được coi là kẻ giết người dễ thương nhất thế giới, « nhưng mắt Chúa sẽ theo dõi em » tôi trêu chọc nàng bằng cách nhấn mạnh ý tưởng này, vì tôi biết Như có đạo và hơn nữa nàng có đạo dòng. Như nói anh không phải lo, khi chúng ta yêu nhau Chúa đã lánh mặt ở một chỗ khác và Chúa chỉ hiện ra khi chúng ta chia lìa hay đau khổ thôi, « vả lại; Như nói thêm, em đã cầu nguyện Chúa rồi. » Nhà nguyện ! Hình như chưa bao giờ tôi bước chân vào một ngôi nhà có cái tên đó. Chúa hay là Phật, các Ngài ở xa chúng tôi quá. Các Ngài là những Thượng đế chưa hoàn bị, bởi thế giới mà các Ngài đã dựng nên là

thế giới chưa hoàn tất, ít ra là còn có bệnh tật và chết chóc trước mặt Ngài.

Bỗng nhiên tôi muốn ngồi xuống đó, trên rìa cỏ trong bóng tối của những vòm cây, trong sự im lặng của khu vườn cầu nguyện, trong chút gió lạnh của một đêm cuối năm, trong cánh tay đau nhức còn đeo bên mình, trong nỗi lo sợ của một đầu óc hỗn loạn. Tôi ngồi xuống đó và tôi tưởng nhìn thấy rõ những khuôn mặt bạn bè.

Tôi ngả mình trên cỏ mướt ướt đuôi dài hai tay hai chân, khép mắt và nhìn thấy hiện ra trong bóng tối của đêm những khuôn mặt quen thuộc và nghe lại trong tiếng gió khua trên ngọn cây giọng thầm thì của bạn bè.

Tôi bị đánh thức trong hơi thở
thơm tho và mùi da thịt nồng nàn
của người nữ y tá.

Hình như bây giờ đã là thứ tư.
Để coi sáng nay tôi sẽ rong chơi và
trốn tên bác sĩ bằng cách nào ?

Nguyễn Xuân Hoàng

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI THẢO

HẾT MỘT TUẦN TRẮNG

* Một truyện dài dữ dội chưa từng có ở nhà văn hàng đầu hiện nay.

* Một truyện dài được mô phỏng theo một dữ kiện đã từng làm rung động Âu châu những năm tháng vừa qua.

* Một truyện tình * Một thảm kịch * Một vấn nạn

KHAI PHÓNG xuất bản * Giá «
chìm xuống »

Nguyễn Đình Toàn

Tro than

truyện dài (tiếp theo, xem từ Văn
số 160)

Sọng nói bình tĩnh pha một
chút bốn cột cổ hữu của
anh làm tôi nhớ lại cái vẻ hoảng
hốt thái quá của mình. Anh chỉ là
một người hàng xóm, tôi làm như
vậy coi sao được ?

Nghĩ vậy, tôi cố lấy lại bình tĩnh.
Tôi bùng ly trà lên uống, cảm thấy

hai tay bị run. Cái điều tôi sợ hãi bấy lâu, cái sự thật được che đậy, tôi đã cố tình xây lưng để khỏi thấy, đã tới lúc phơi bày ra cả chẳng ?

Tuấn gỡ cuốn băng đang chạy ở máy ra, lắp vào một cuốn khác. Anh nói :

– Để tôi mở cho cô nghe cuốn nhạc mới này.

Tôi không chú ý bao nhiêu đến lời anh nói, tuy nhiên tôi cũng mỉm cười tỏ dấu cảm ơn anh. Tâm trí tôi không ngớt bị cái cảnh vừa nhìn thấy ám ảnh.

Cuốn băng quay mấy vòng rồi bắt đầu phát tiếng. Đó là một bản nhạc tôi đã nghe từ lúc còn nhỏ, bây giờ nghe lại, lăm nhăm theo,

thấy nhớ sai nhiều chỗ, cả âm điệu lẫn ca từ. Nhưng bài hát đã làm vui trong giây phút nỗi sợ hãi đang chất chứa trong lòng. Tôi ít khi nghe nhạc. Thứ nhất tôi không có thì giờ rảnh. Thứ hai, nhà tôi từ ngày tôi lớn lên, chẳng thấy khi nào dư giả để mua một chiếc máy quay băng đĩa tạm gọi là có thể nghe nhạc được. Phần khác, tôi sợ cái thế giới quá dụi dàng do âm hưởng ấy gây ra và tôi không muốn bị nó lôi cuốn theo. Những câu hát tôi nhớ lổm bổm trong đầu, hầu hết tôi đã nghe mẹ tôi hát, và, càng ngày tôi càng nhận ra những bài hát đối với tôi chỉ là những dấu hiệu của sự bất hạnh.

Nghe hết bài hát, tôi thấy nổi gai cả người. Tôi phải xin với Tuấn

hãy tắt máy đi. Tuấn có vẻ ngạc nhiên, hỏi :

– Cô không muốn nghe nữa à ?

Tôi mỉm cười bảo với anh :

– Anh cho tôi mượn cái hộp băng một chút. Tôi muốn biết tên bài hát, tên tác giả và tên ca sĩ trình bày. Đó là những cái tên lạ hoắc đối với tôi. Nhưng những âm điệu, cái giọng trầm ấm ấy, tôi đã nghe thấy nhiều lần ở đâu đó.

Tuấn ngừng máy, quay lại ngó tôi. Tôi trả lại anh cái hộp băng, bảo :

– Bài hát này tôi đã nghe từ ngày còn nhỏ, bây giờ mới biết tên tác giả, tên bài hát và luôn cả tên người hát.

Tuấn nói :

– Bài đó có lâu rồi.

– Vâng.

– Tôi có nhiều băng nhạc. Thỉnh thoảng nếu cô thích, mời cô sang nghe.

– Xin cảm ơn anh.

Nói xong câu đó tôi mới chợt nhớ ra, trong lúc hoảng hốt khi thấy Tuấn chạy qua cửa, tôi đã gọi anh bằng anh, và bây giờ tôi đã tiếp tục câu chuyện với anh bằng cái tiếng xưng hô ấy.

Sự yên lặng sau lời cảm ơn của tôi rót vào câu chuyện lại lôi kéo tôi trở về thực tại, cái thực tại mà bài hát vừa làm tan loãng ra. Tôi lại

cảm thấy chân tay muốn run trở lại.

Tuấn nhìn tôi một lát, rồi sau dường anh cũng đoán được nỗi áy náy của tôi, anh mỉm cười dịu dàng bảo :

– Cô không dám về nhà à ?

Tôi ngừng lên nhìn Tuấn, thử xem câu nói của anh có ý mỉa mai, đùa bỡn gì chẳng ? Nhưng vẻ mặt Tuấn chẳng có gì chứng tỏ anh định đùa cợt tôi cả. Tôi cũng chẳng biết đáp sao cái câu hỏi của anh. Sau có lẽ thấy tôi không được tự nhiên, anh hỏi tôi một vài câu khác, về công việc của tôi ở trường, công việc có mệt nhọc lắm không, cô đi về bằng gì ? Tôi nói, không, công việc của tôi không có gì đáng gọi là vất

vả, chỉ cực vì chỗ làm xa, đi lại như thế làm sao đúng in giờ giấc được, thành thử cứ phải dậy sớm. Tuấn bảo vậy cô nên mua một chiếc xe gắn máy để di chuyển là tốt nhất. Tôi nói, tôi chẳng biết đi một thứ xe nào cả, đừng xá lại nhiều xe cộ, tôi cũng sợ, nhưng để rồi xem, chắc tôi cũng đến phải giải quyết bằng cách đó thôi. Tuấn cười bảo, chạy xe gắn máy có gì khó đâu, cô chỉ cần tập một buổi thôi mà.

Tuấn ngỏ ý mời tôi ở lại ăn cơm.

Tôi chưa muốn về nhà nhưng ngại không nhận lời.

Tôi cũng muốn nhân dịp này gọi chuyện hỏi xem may ra Tuấn có biết chi về chuyện nhà tôi, nhưng

chẳng biết nên nói thế nào, rồi nhớ ra Tuấn vừa mời tôi ăn cơm, chắc đã đến giờ ăn của gia đình anh, tôi bèn đứng dậy xin phép ra về. Tôi cũng nghĩ, có lẽ tôi cũng chẳng cần phải hỏi ai nữa, mọi việc như thế đã khá rõ ràng.

Tuấn nói :

– Cô đừng ngại, cứ ở lại chơi, lúc nào tôi ăn cũng được mà.

Tôi bảo Tuấn :

– Thôi. Tôi về..

Tuấn đưa tôi ra cửa, lúc vào cũng như lúc ra, tôi không gặp một ai khác trong nhà anh trừ người giúp việc [có lẽ vậy] mang nước cho tôi. Cũng may. Nếu không, hẳn anh lại phải mất công giải thích.

Tôi về nhà vừa đi vừa run. Tôi không biết những người khách có còn lại trong nhà chẳng ? Tôi cũng nghĩ, cái vẻ hốt hoảng của tôi lúc này khi gọi Tuấn, chắc đã làm anh ngạc nhiên. Nó không thích hợp với cái vẻ bình tĩnh tôi cố làm ra lúc đứng dậy đi về. Hoặc anh đã hiểu lý do vì sao tôi đã gọi anh như kêu cứu. Đằng nào thì cũng có vẻ thê lương cả.

Tôi bước dọc theo con đường sắt trở về nhà. Vào giữa bữa ăn tối, mọi gia đình hầu như nhà nào cũng đang họp mặt ăn uống. Những hình ảnh bình thường ấy tự nhiên cũng làm tôi mỉm lòng. Một bữa ăn được ngồi với nhau đủ mặt người trong nhà, trong một không khí ấm cúng như vậy, đối với tôi là một điều

khó khăn. Cứ tình trạng này kéo dài mãi, còn có thể nói, đó là việc không thể có nữa là đằng khác.

Đi được nửa đường, tôi chợt nghĩ, giờ này có thể dì tôi và mấy người khách chưa ra khỏi nhà. Nếu họ chưa đi khỏi thật, tôi có về cũng không dám vào.

Tôi bèn quay sang cái ngõ kế cận và ra đường cái. Tôi đi kiếm một chỗ nào đó để ngồi, điều này kể như tôi chẳng thể ăn được bữa cơm chiều nữa. Vậy tốt hơn, tôi nên kiếm một cái quán ăn, ăn qua loa một chút gì đó.

Tôi đi gần hết quăng phố, tới một tiệm Tàu, vào gọi một tô mì nhỏ, một chai xá xị.

Quán vắng, cạnh bàn tôi có hai đứa trẻ ngồi đánh cờ với nhau như hai ông già. Tôi để ý thấy chúng cũng đăm chiêu, tính nước, cất tay đi những con cờ một cách thận trọng.

Tôi ăn hết tô mì thì chúng cũng xóa bàn cờ bày ván khác. Tôi muốn ghé sang tận nơi xem chúng đánh, nhưng sợ làm rộn chúng, lại thôi. Một lát, người chủ tiệm to béo, bụng phệ, cởi trần, ra đứng bên cạnh bàn coi hai đứa trẻ tiếp tục ván cờ. Cái lưng của ông ta che kín bàn cờ, tôi phải ngồi thụt vào trong phía tường, nghiêng đầu, mới nhìn thấy những con cờ xếp trên những đường chỉ khắc được bôi phấn trắng. Người chủ tiệm không nói gì. Hai đứa trẻ cũng khp6ng đứa

nào mở miệng. Thật là lạ. Chốc chốc, một đứa một đứa giơ tay đập con cờ đánh chát xuống bàn ăn một con của địch thủ. Đứa kia cũng làm một cử chỉ tương tự hoặc lặng lẽ đi một nước khác trên bàn cờ. Tôi tưởng tượng cái ngón tay nhỏ của đứa bé vẽ một đường vòng trên cái lưng đầy mỡ của người chủ tiệm. Tưởng tượng khiến tôi nhìn lại cái lưng của người Tàu đứng trước mặt, thấy một dòng mồ hôi chảy từ cần cổ có những nếp nhăn xuống cái sống lưng lõm sâu của ông ta.

Lúc tôi đứng dậy ra ngoài, hai đứa nhỏ vẫn chưa đánh xong ván cờ. Người Tàu bỏ đi lúc nào tôi cũng chẳng hay. Mỗi khi tôi kêu người trả tiền mới lại thấy ông ta từ trong nhà chạy ra lấy.

Chiếc đồng hồ tròn treo trên tường chỉ hơn chín rưỡi. Chuyến xe lửa thường lệ đang rần rần chạy tới. Mặt đất rung chuyển, mặc dầu từ quán này tới đường xe lửa khá xa. Đứng ở đây tôi có thể trông thấy hai ngọn đèn đỏ treo trên hai chiếc cần gỗ được hạ xuống làm rào cản các xe đang lưu thông trên đường ngừng lại chờ cho xe lửa chạy qua. Và mặc dầu bóng tối dày đặc tôi vẫn nhìn thấy những đám khói trắng từ đầu máy tàu nhả ra.

Trong giây lát, tiếng bánh sắt lăn trên đường rầy nghe nhỏ dần rồi mất hẳn. Xe cộ bị chặn lại hai bên đường lưu thông trở lại.

Tôi nhận ra hai chân mồ hôi và bụi cát ướt dính, khó chịu. Tôi

muốn đi mau về nhà, tháo dép, tắm rửa cho sạch sẽ. Tôi cũng chẳng còn nghĩ đến việc dì tôi và mấy người khác của bà có còn ở trong nhà không nữa.

Tôi ngửi thấy mùi tàn than trong hơi gió vừa thổi tạt tới người.

Tôi vừa mệt vừa cảm thấy khắp người gây gây lạnh như sắp bị cảm.

Đêm sâu và lẩn khuất sau những đám mây cao ngất chỉ chít những đốm sao có chung một màu vàng nhợt.

Nhà tôi đã đóng cửa, đèn được tắt bớt, chắc là mấy người khách đã đi rồi.

Quả vậy, tôi nhìn qua cửa sổ không thấy ai nữa.

Tôi mở cửa bước vào trong nhà. Mùi thuốc lá vẫn còn nồng trong không khí.

Dưới nhà, con bé giúp việc đang ngồi rửa những chiếc tách và chiếc gạt tàn bằng sứ. Như thế chắc dì tôi cũng đã đi khỏi nhà cùng với mấy người Đại Hàn. Hai đứa nhỏ còn chạy chơi ngoài đường chưa về.

Thấy tôi về, con nhỏ ngừng lên nhìn rồi lại cúi xuống tiếp tục làm công việc. Nó cũng chẳng buồn chào hỏi tôi nữa.

Tôi cất đồ dùng, sách vở, bỏ dép ra đi đất, cúi xuống gằm giường tìm đôi guốc xỏ vào chân, lấy quần áo mang theo vào buồng tắm để thay.

Tôi tắm rửa, lấy bàn chải chà hai bàn chân đầy bụi cát. Trong khi làm những công việc đó, tôi cố giữ cho đầu óc khỏi nghĩ đến một điều gì.

Ở trong buồng tắm ra, tôi thấy người dễ chịu, nhẹ nhõm. Nhưng chỉ vài giây sau, tôi lại thấy tay chân muốn rung lên khi nghĩ đã đến lúc không còn thể né tránh chuyện gì được nữa, phải đối mặt, phải đương đầu thôi.

Con nhỏ giúp việc hỏi :

– Cô có ăn cơm không để cháu dọn.

Tôi nói :

– Hôm nay cô không đói. Cháu cứ cất đi.

Tôi cũng tránh không nhìn mặt con nhỏ và cũng không muốn nó nhìn thấy mặt tôi. Tôi ngồi ngay vào bàn làm việc, mang sắp bài của lũ học trò ra chấm, nhưng đầu óc loãng nhát đến nỗi phải cố gắng theo dõi từng đoạn bài một.

Hai đứa nhỏ từ ngoài đường len lén mở cửa vào nhà.

Tôi phải gắt gỏng bắt chúng đi rửa mặt mũi chân tay, coi lại bài vở, lên giường đi ngủ.

Còn lại một mình với ngọn đèn nhỏ chiếu sáng trên mặt bàn, lúc đó tôi để hết tâm trí lắng nghe xem ba tôi có ở trên gác không. Ông làm gì suốt buổi chiều nay ? Đây là lần thứ mấy dì tôi đưa khách về nhà như thế ? Ba tôi đã xử sự thế nào

với bà về việc này ? Chắc hẳn ba tôi chưa ngủ, có bao giờ ông ngủ vào giờ này đâu. Ông đang làm gì mà trên đó mà yên tĩnh quá vậy ?

Tôi viết một con số vào cái khung điểm và tự nhiên thấy không dám chắc đã viết số điểm đúng như ý muốn. Cái việc nhỏ đó làm tôi rung động cả người. Tôi phải đặt cây viết xuống bàn để thở. Tôi phải làm một việc gì đó không phải nghĩ. Và tôi đứng dậy đi rót nước uống.

Ấm trà đã nguội.

Tôi đi lấy nước, đặt lên bếp đun, lấy nước pha trà mới. Tôi cũng thấy đói bụng nhưng không muốn ăn, tính sẽ uống một ly trà nóng pha đường thay cho bữa cơm

tối. Dầu sao tôi cũng đã có một tô mì trong bụng.

Ly trà nóng bỏng, tôi uống từng hớp nhỏ, vừa uống vừa thổi. Uống hết nửa ly trà cơn đói dịu đi, nhưng tôi lại thấy hơi xót ruột.

Tôi muốn lên gác nói chuyện với ba tôi, nhưng sợ cái việc giáp mặt ông sau những gì đã xảy ra. Đã tới lúc chúng tôi không thể nào kéo dài thêm cái trò chơi tàng lờ nữa. Tôi nghĩ, có lẽ tôi phải tránh cho ba tôi cái phút đau lòng tự ông phải nói cho tôi hay những việc làm của dì tôi. Tôi phải tự quyết đoán lấy mọi việc, sau đó, sẽ tự chọn lấy thái độ.

Cho đến phút này, tôi có thể hiểu như là, chắc dì tôi làm cái

nghề bây giờ người ta gọi là «nghề bán bar» hay một việc gì tương tự như thế.

Đối với mọi người, đối với ngay chính tôi nữa, bà vẫn là mẹ tôi. Việc đó đối với tôi sẽ có ảnh hưởng như thế nào ? Giả thử rằng việc đó đúng, và giả thử rằng một trong những đứa học trò của tôi biết điều ấy, liệu tôi còn có thể nói năng gì với chúng được nữa chẳng ? Liệu chúng có để yên cho tôi làm việc, rồi các đồng nghiệp của tôi nữa, họ sẽ nhìn tôi với đôi mắt thế nào khi họ biết ra điều đó ?

Cứ thầm nghĩ như vậy, mỗi phút, tôi tưởng như tóc tai cứ dần dần dựng ngược lên cả, mồ hôi rướm ra lạnh toát khắp người.

Đây không phải là vấn đề danh dự,
và đối với tôi có lẽ chỉ có một điều
đáng coi là thực sự khó khăn, đó là
cách xử sự giữa tôi và dì tôi.

Nguyễn Đình Toàn

Hạc Thành Hoa

Đã qua những ngày mưa biếc

Ngồi đây tiếc những ngày mưa
Đời hoang mộ cỏ phút vừa hồi
sinh

Em treo giọt nắng đầu cành
Lá trong gió động chút tình xa
xôi

Chân chim chuyền mấy cành
vui

Bướm trong mưa lượn mềm
đôi cánh vàng

Ngồi đây một sáng mưa tan

Trời xanh trong cõi đời hoang
vu nào

Quán xiêu là trạm nhớ đầu

Hồn ta em dựng tượng sầu
thiên thu.

Nguyễn Quang Hiện

Một ông sao sáng

rên sàn cao của tòa nhà ấy, Oanh nhìn xuống thành phố và muốn nghĩ rằng mình có thể ngự trị tất cả. Tất cả, ồ ảo tưởng quá, ảo tưởng xa vời từ những năm nào. Oanh nghĩ có một ngày nào đó mình sẽ ngự trị tất cả thành phố mình đang sống. Thành phố sẽ thuộc về Oanh dù bằng cách nào, như tất cả sinh hoạt đều chỉ giúp cho Oanh vui sống, các cửa hàng

bày biện, phớt xá từng bừng chỉ để làm cho Oanh phần khởi và cảm thấy đang tồn tại giữa loài người. Nhưng trong đó phải còn một điều gì nữa để Oanh có hoàn toàn được cảm giác đó. Vì thế lòng Oanh chợt thoáng buồn. Buổi chiều đã tắt từ lúc nào, một lát sau Oanh nhìn lên trời thấy thấp thoáng xuất hiện một vài ngôi sao trên nền trời còn sáng, điều đó giống như nói thầm với Oanh một hy vọng nhỏ còn tồn tại sau một thời gian u tối. Ta sống được bao nhiêu ngày vui, và bao nhiêu ngày ta đã làm cho nhau buồn vì những điều không đâu. Oanh mỉm cười một mình và cảm thấy gió mát thổi vào tóc. Định ngồi phía sau thấy Oanh đứng vẫn vợ rồi mỉm cười một mình liền hỏi :

– Có gì vui mà cô mỉm cười thế.

Oanh quay lại và bỗng cảm thấy có sự gì muốn bốc cháy :

– Anh có thấy rằng trong một lúc nào đó người ta vẫn có thể còn hy vọng không.

Định gật đầu :

– Chắc chắn như vậy, cô có gì mà bi quan thế.

– Oanh đang nghĩ rằng Oanh bỗng cảm thấy lạc quan bởi nhưng lý lẽ không đâu, nhưng Oanh muốn hỏi anh, anh có thất vọng đến muốn... chạy trốn tất cả bao giờ chưa ?

Thật ra Oanh muốn nói rằng thất vọng đến muốn tự tử lần nào

chưa, nhưng Oanh không dám nói điều đó, nó có vẻ dữ tợn quá, nhưng có lần nó đã ám ảnh Oanh một cách kỳ lạ, dù Oanh biết không bao giờ dám thực hiện. Tại sao ý nghĩ yên lặng và vượt qua bên kia cuộc sống có lúc lại như một quyển rũ lãng mạn đối với Oanh. Còn Định thì yên lặng một chút xem câu hỏi của cô bé có nghĩa gì, và trả lời vui vẻ :

– Có lẽ vì tôi có quá nhiều thất vọng đề đến nỗi không chạy đâu cho thoát, nên đành đứng lại nhìn sự thật, cái sự thật có khi xấu hơn tôi đã tưởng.

Oanh tự nhiên thấy vui :

– Oanh thích nghe chuyện đó, anh kể cho Oanh nghe đi.

Định mỉm cười chưa biết nói thế nào, chưa biết phải bịa đặt như thế nào. Quãng đời của Định từ khoảng bảy, tám năm nay đã có những gì, từ ngày làm nghề dạy lẫn tiếp tục học để ra trường rồi hành nghề luật và bị gọi đi lính. Sau đó trở về làm một công việc khác.

Lúc đó Thu đã ở trong nhà bước ra :

– Sao, anh Định sắp kể chuyện gì đó.

– Oanh đang muốn nghe một câu chuyện thất vọng của anh, mà anh lại nhiều thất vọng quá nên không biết kể chuyện nào trước.

– Anh mà gặp Oanh thì toàn những chuyện đó, thôi dẹp đi, Thu

mời hai người ăn món này hay lắm, Oanh vào đây với Thu đi.

Thu và Oanh bước vào nhà rồi đem ra đĩa bánh kem lớn với các đĩa nhỏ. Thu nói :

– Tác phẩm của Thu, nếu không ngon không được chê đâu đó.

Định trêu em gái :

– Có một đứa sẵn sàng khen cô thì nó không có ở đây, nhưng tôi sắp đi ăn cưới mà cô cho ăn lót dạ trước hay sao.

Thu nói đùa anh :

– Anh ăn trước để có thì giờ nói chuyện với các cô phù dâu.

Định hỏi em :

– Hình như nó sắp sửa đi Mỹ phải không, đi mấy tháng.

– Em đâu biết, muốn đi cho đi luôn cũng được.

Tuy nghe Thu nói thế, nhưng Oanh biết Định và Thu rất yêu nhau, mỗi tình dạn dĩ và hiền lành, hạnh phúc có lẽ chỉ có ở cái mức giản dị đó. Vì hiện thời Oanh thấy Thu có lẽ hạnh phúc hơn mình, vì mình đã xa hạnh phúc rồi. Oanh đã kể chuyện Oanh cho Thu nghe và từng hãnh diện là mình có hạnh phúc, nhưng bây giờ nghe Thu nhắc đến người yêu sắp cưới với sự tự nhiên Oanh thấy thèm được như vậy, thèm được yêu như thế. Đối với Oanh, hy vọng mới loé ra đã tắt rồi, Oanh đang tìm lại những gì

nứt vỡ nơi trái tim, đang cúi xuống trong yên lặng tìm những kỷ niệm rực rỡ của những ngày yêu nhau. Tất cả kinh đô huy hoàng của một thời gian nào đã lùi vào dĩ vãng mỗi ngày một xa hơn, nhưng vẫn còn như chưa tách rời ra được. Oanh đã tự ý tách rời vì một lý do nào đó, dù với những cố gắng lẫn một chút xót xa. Oanh tự nhủ là luôn luôn bình thản trước mọi sự, nhưng buổi chiều nay, có một điều gì vẫn còn theo đuổi Oanh.

– Sao nghĩ gì mà vừa ăn vừa trầm ngâm thế Oanh.

Oanh quay lại mỉm cười như nói một mình :

– Nghĩ tới một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng... tất

cả có bao nhiêu ông sao.

Như chợt thấy mình nói bâng quơ nên vội chữa then :

– À, anh Định chưa trả lời câu hỏi lúc nãy của Oanh đấy nhé.

Định cười :

– Tôi mãi ăn nên quên mất câu hỏi rồi.

– Oanh hỏi là anh có thất vọng lần nào chưa, và nếu có anh kể cho Oanh nghe.

Định ngừng lại một chút :

– Lạ nhỉ, sao hôm nay cô lại thích nghe một câu chuyện về sự thất vọng, nhưng thôi, tôi sẽ nghĩ coi, được rồi, như chẳng hạn bây giờ đây.

Oanh tò mò thêm.

– Hiện giờ đây.

– Tôi đang hết sức thất vọng, vì tôi khám phá ra mình đang chấp nhận những gì tầm thường nhất, những gì mà từ trước tới nay mình vẫn coi thường.

– Nhưng nó là cái gì chứ.

– Tất cả những gì mà cô có thể cho là tầm thường nhất, nhất là điều đó lại ở một người thanh niên.

Định không nghĩ là mình đang nói gì, tiện lời nói tiếp :

– Như sự an vui chẳng hạn, tôi đang thêm an vui, có nghĩa là tôi đang thất vọng và đang mong có được một chút thanh bình.

Cả ba như mỉm cười, Định nói như muốn khôi hài, nhưng lại thấy hình như có vẻ mỉa mai và thấy rằng không ngờ mình đã nói như vậy. Không ngờ trong sự tình cờ Định đã khám phá ra sự thật nơi lòng mình, khám phá ra cái bản chất cũng yếu đuối cũng thêm khát sự êm dịu nhỏ nhất như tất cả những người tầm thường. Điều đó giống như một sợ hãi khi bắt đầu nhìn ra toàn bộ sự thật dưới ánh sáng không che chở. Oanh đặt đĩa bánh xuống rồi nói :

– Oanh không tin vậy, hơn nữa điều đó là tất nhiên ở mỗi người, và dù có như vậy đâu phải là lỗi ở các anh.

– Vậy cô cho là ở điều gì khác.

– Như... hoàn cảnh, như... xã hội.

– Tôi cũng muốn rộng lượng để nghĩ như vậy và cho rằng đó là lý do dễ tìm nhất.

Oanh vui vẻ một cách tự nhiên:

– Hay nhỉ, Oanh tự nhiên cũng muốn khắt khe với mình thêm nữa để có dịp nào tự nhiên rộng lượng trở lại, như hôm nay đó anh.

Như hôm nay đó, lời Oanh nói như tự ru mình trong thế giới riêng, Oanh thấy thoáng nhớ tới một ngày nào năm trước, cũng trên sân này, tình yêu trong Oanh đã nở ra như một vườn hoa lúc sáng sớm. Một buổi sáng khi mở cửa sổ, Oanh tưởng như thấy ánh nắng rạng rỡ

và khắp nơi đều là hoa tươi, hoa đầy trái đất, đầy bầu trời, đầy tâm hồn Oanh. Và hôm nay Oanh muốn như dịu lại như muốn rộng lượng với mình. Tại sao không thể tha thứ cho nhau, tại sao Oanh âu sầu một mình trên góc sân cao cô đơn.

Bầu trời lúc ấy đã xẫm màu, những vì sao le lói xuất hiện dần dần trên nền trời, một dải mây trắng nằm ngang với một vài ánh sao lấp lánh như những hạt ngọc cài trên dải lụa mỏng.

Một ông sao sáng, hai ông sao sáng sao, chắc ở trên cao đó an vui lắm và thanh bình lắm, Oanh nói :

– Ai cũng mong thanh bình và an vui, chắc ở trên trời có nhiều an vui hơn mặt đất.

Thu có dịp nói :

– Hôm nay Oanh lãng mạn như một thi sĩ đó.

– Không đâu, Oanh nhớ đến hình như câu đó trong Thánh kinh đó mà.

Thực ra Oanh cũng vừa nhớ tới một lần nào chàng đã viết thư cho Oanh : “khi nào em ngược mắt nhìn lên trời thấy một ngôi sao thì em hãy tin rằng anh đang nhớ đến em, và khi nào thấy muôn vàn ngôi sao, thì anh đang nhớ em muôn vàn...”

Tâm hồn Oanh như đang lơ lửng với sự hoài vọng, chàng đã xa rồi, sao chúng ta không còn những ngày vui nữa.

Thấy Oanh yên lặng Định hỏi lại :

– Tôi đoán ra tại sao cô hỏi tôi về một chuyện thất vọng rồi.

– Anh thử đoán xem nào.

– Nếu nói đúng cô mất gì thì tôi mới nói chứ.

– Nếu anh nói đúng Oanh sẽ làm mai cho anh cô bạn em. nó xinh có tiếng ở trường Được.

Định cười và sắp nói đến chuyện của Oanh với Nghiệp.

Oanh như đoán ra điều ấy nên vội ngăn lại :

– Thôi, Oanh cũng đoán là anh sẽ nói gì rồi. Oanh làm thầy bói còn giỏi hơn anh.

Oanh cười như muốn át câu chuyện của mình. Vừa lúc ấy có tiếng còi xe dưới đường. Định nhô người ra nhìn xuống,

– Chắc chúng đến rồi đó.

– À bữa nay anh đi ăn cưới mà.

– Nhưng đã được ăn lót dạ trước bằng bánh của cô.

Định nói với em.

– Em muốn vậy để anh có thì giờ nói chuyện với các cô phù dâu.

Định đứng dậy xuống nhà đón bạn trở lên.

Nguyễn Quang Hiện

Vui Xuân, đón đọc :

* 15 gương phụ nữ của Nguyễn
Hiến Lê lược dịch

* Tìm hiểu văn nghệ của Vũ
Hạnh

* Trời Âu qua mắt Việt của Minh
Quân

* Căn nhà người Mẹ của Thế
Uyên

TRÍ ĐĂNG xuất bản

19-21 Nguyễn Thiện Thuật Sài
Gòn

ĐT : 92017

(phát hành vào đầu Xuân Tân
Hợi)



Chiều xuống thật chậm ngoài khung cửa kính. Chút nắng hanh vàng còn vương trên ngọn cây bơ cuối vườn, lẫn trong những chùm hoa lợt. Duy bất chợt nhớ lại lời ông cụ chủ vườn, năm nay cây

bơ đậu nhiều trái quá, không biết rồi các cành có chịu nổi không, ông nghĩ xem có cách gì đó... Ông cụ thường bỏ lửng câu nói, không phải vì thói quen mà hầu như muốn để gọi cho Duy nối tiếp câu chuyện. Thêm một tuổi nữa phủ chồng lên mái tóc sắp bạc hẵn, ông cụ vẫn còn dáng dấp khỏe mạnh nhưng một thoáng buồn bã đã lập lòe trong thái độ niềm nở, trong những câu chuyện ân cần.

Dưới thấp, ngay trước bàn viết, mấy luống hồng nở rộ những bông nhiều màu sắc thật lạ. Giữa vườn, cây đào Vân Nam vẫn giữ cái thế rất đẹp nhưng nửa ngọn cây bên trái đã trụi lá, trơ những cành khẳng khiu khô khốc.

– Ảnh hưởng thuốc khai quang đẩy ông Duy ạ.

Ông cụ đã cố giấu giọng xúc động khi Duy vừa tới, buông vội túi hành trang xuống thềm nhà và đon đả bước ngay ra khu vườn sau nhà, lúc đó Duy như thấy đau nhói trong lồng ngực và khu vườn, khu vườn thường hiện ra trong những giấc mơ chập chờn dưới kia dường như mất hẳn đi vẻ quyến rũ thần kỳ, Duy định tìm một câu gì để nói với ông cụ, nhưng chợt thấy mình như hụt hẫng. Chàng quay lại, ngược nhìn lên những chùm hoa ớt leo trên vách và, may mắn quá, cây lựu mọc phía dưới trấu đầy bông trái đã cho Duy cơ hội che giấu cơn xúc động ghen ngào. Một trái lựu chín nứt vít cong cành cây éo

lả lúc nào cũng là hình ảnh thân thiết của tuổi thơ chàng. Khu vườn thênh thang bao quanh ngôi nhà tổ phụ, những trái lựu chín rữa trên cành cây mọc sát bên khuôn cửa sổ phòng ngủ những mùa hè xưa cũ đã mất đi, mất hẳn như tuổi thơ êm ả, như phần đất quê hương yêu dấu mà xa với cách trở.

Cây mimosa vườn nhà bên không nở một bông, khoảng màu vàng quen thuộc thoáng biến như một trống vắng ngỡ ngàng. Ông cụ ngập ngừng, dường như cây mọc lên cao thì khó trở hoa, như người, già đi thì... Tuổi già, bao giờ thì một người bắt đầu bước vào tuổi già ? Với một công chức như ông cụ, có lẽ đó là khi về hưu, khi đã hết tuổi lưu dụng, khi không còn

ngày ngày hai buổi tới sở làm một số những công việc quen tay, nhàm chán. Nhưng với một người làm nghề viết lách như Duy thì bao giờ tuổi già sẽ thực sự bắt đầu ? Khi đầu óc không còn điều khiển nổi bút ? Khi không còn tham dự nổi vào những sinh hoạt luôn luôn đòi hỏi những gì mới mẻ, đổi thay ? Làm nghề các ông tóc mau bạc thật đấy, ông cụ đã có lần nói với Duy giọng ngậm ngùi bên ly rượu đào, những trái đào hái ở vườn nhà ủ men trong bình kín phơi sương trong nhiều năm tháng và chỉ đem uống trong những dịp trọng đại. Tóc ông thế mà cũng hoa râm rồi, tôi nghĩ âu cũng là cái nghiệp. Cái nghiệp thật đấy ông ạ, như anh Tam trước đây đang vui thú lặn lội trong rừng sâu tìm lan cùng

với bọn tôi lại đột ngột bỏ về làm tiếp một công việc mà bạn hữu cứ nghĩ là anh đã bỏ hẳn rồi, như anh Văn nữa đẩy cả đời lận đận mưu sinh, về già vẫn không chịu nghỉ ngơi cho khỏe, vẫn đi đây đi đó dạy học, đêm đêm vẫn gắng thức khuya cặm cụi phiên dịch cổ văn, biên khảo sách triết lý. Im lặng hồi lâu rồi rượu khật khừ cất tiếng buồn bã thay lời ông cụ, “triết lý con tầu, văn chương cóc”, cái nhàn của tuổi già mình phải biết hưởng nó, phải biết tránh cái nghiệp, ông Duy ạ, không tránh nó thì nó cột chặt tay chân trí óc mình lại. Cây đào này tôi trồng cốt cho đỡ trống khoảng đất này, như một nét chấm cần thiết trong một bức họa có bố cục vững vàng, nó lớn lên thân cứ ngay đờ, cái giống đào này nó thể

đấy, nhưng sang năm chỉ sang năm thôi, nếu Bề trên còn cho tôi được sống, ông Duy tới chơi sẽ thấy cây đào này cũng có thể như cây đào ở vườn sau. Ngày giờ của tuổi già phải được dành cho những công việc chăm chút tỉ mỉ như vậy đó. Khách đến chơi, qua đường nhìn vườn khen đẹp, dù thốt ra lời hay chỉ thoáng trong ánh mắt, đó là niềm vui của tuổi già, ít nhất cho những người già được hưởng “đặc huệ” như trong bài báo ông Duy vừa gửi cho. Duy chắc lười như muốn níu kéo chất mật ngọt quyền trong men rượu đang tan dần trên đầu lười, như muốn nói với ông cụ là ít người cầm bút ở nước mình có được tuổi già, nhất là một tuổi già thanh nhàn, nhưng sau một hớp rượu uống tiếp thật vội chàng

lại nói chệch đi, cháu ước mong ít năm nữa sẽ thoát được cái nghiệp như cụ vừa nói và sẽ lui về một nơi cô tịch nào đó để vui với cái thanh nhàn mà cụ đang có...

Sương chiều mong manh lãnh đãng như dâng lên từ lòng đất. Không bao lâu nữa mặt kính sẽ mờ tối, màn sương sẽ dày đặc và bao trùm hẳn cảnh vật bên ngoài. Duy khoác thêm tấm áo choàng mở cửa đi ra ngoài phố.

*

Quán rượu vắng khách. Tiếng cánh cửa sắt rít lên làm Duy giật mình buông tờ báo xuống. Kim đồng hồ mới chỉ gần 9 giờ. Còn

hơn hai tiếng đồng hồ nữa mới giới nghiêm nhưng đáng diệu những người hầu bàn đã tỏ ra cấp bách, ngượng ngịu trong cử chỉ đuổi khách của họ. Vợ chồng người chủ quán tiến đến bên Duy kéo ghế ngồi xuống và ra dấu cho bồi rót thêm rượu. Người chồng nói, cố ra về ăn cần, «*tournee du patron*» xin mời ông. Người vợ vẻ mặt ủ ê, than thở lợi tức năm nay kém quá, số thu chỉ bằng phân nửa mọi năm, thuế má lại nặng gấp cả chục lần, tối phải đóng cửa sớm vì vắng khách mà cũng vì ngại những ông khách quý ăn uống xong rút một trái lựu đạn giắt mạnh trên bàn, trái lựu đạn là dấu hiệu khách đã thanh toán xong tiền ăn rồi đó và chủ quán nên biết điều mà hồi lại số tiền khách trả còn dư, số tiền

trả lại đó nhiều ít tùy chủ quán, thực khách vốn hào phóng chỉ xử sự theo đúng luật giang hồ. Người chồng tiếp lời vợ, ở đây khó khăn hơn dưới đó ông ạ, bao nhiêu đất tư ông thấy đấy bị chiếm cứ xây cất bừa bãi, đúng ra việc xây cất ở đây có quy củ lắm, phải theo đúng đồ án của thị xã, đường nào phải làm nhà cây theo kiểu định sẵn, khu nào được xây cất phố buôn bán, chỗ nào chỉ được phép xây biệt thự.., bây giờ, ở dưới là trung ương còn dễ đẹp chứ ở đây địa phương mạnh tay cũng khó, chắc ông cũng thấy thành phố đã mất đi nhiều vẻ đẹp ngày trước. Duy mỉm cười. Thành phố nào giờ đây chẳng có những khó khăn riêng của nó, những mụn nhọt lở loét phát sinh từ một chứng ung thư hiểm nghèo.

Riêng thành phố này, riêng đối với những người mỗi năm một lần tìm đến, trung thành như kẻ hành hương, thành phố này không còn đẹp nữa một khi nó không còn là nơi trú ẩn, — một nơi trú ẩn cuối cùng, tại sao không ? Thành phố này tự đánh mất đi tất cả vẻ đẹp thơ mộng của nó bằng những tràng súng nổ vu vơ, những cảnh phố xa vắng tanh vắng ngắt, những tiếng kéo cửa rít lên chát chúa. Đã suốt buổi tối ngồi đây nhìn qua khung cửa kính Duy không còn gặp những du khách qua lại rộn ràng như mấy năm trước cũng mùa này, những cặp trai gái chung một tấm áo choàng dìu nhau đi dạo dưới mưa sương, những chàng trai nhún nhả đếm bước cổ áo bẻ cao với tàu hay điệu thuốc ngậm lệch bên khóe

miệng, và Duy, chàng hầu như tay tửu đồ duy nhất ngồi cô đơn bên những ly rượu muộn màng...

*

Duy khoát tay từ chối lời mời chào đơn đả của một bác tài. Lên đây, một trong những sinh thú minh phải tận hưởng là đi bộ. Vượt những con dốc bò lên đồ xuống, dò dẫm trên những phiến đá trơn trượt hay băng ngang những lối mòn khuất khúc đã từ lâu quen thuộc.

Duy ghé một quán ven đường hỏi mua gói xôi. Cả vùng đồi núi bao la giờ này có lẽ chỉ còn nơi đây là còn sinh hoạt, mấy xe mì

phở bánh cuốn cháo xôi đều đông khách. Thực khách ai nấy đều lộ vẻ bồn chồn vội vã nhưng vẫn không ồn ào. Những câu nói ngắn gọn chìm nhanh vào khoảng trống vắng lạnh hút. Một người lính lách qua chỗ Duy đứng tới gần mạnh cái vỏ chai bia xuống mặt bàn, cho nửa lít nếp than đây. Cô hàng lắc mạnh chai rượu, trút sang chai của người lính rồi lật ngược chỗ phân nửa rượu còn lại trong chai chia ra cho người lính coi. Anh ta gật đầu móc túi lấy tiền trả rồi xách chai rượu leo nhanh lên chiếc quân xa vẫn nổ máy đứng chờ giữa đường. Cô hàng quay vào, gói xôi lập xưởng của ông đây đợi lâu quá rồi mà. Không có tiếng trả lời. Duy bước lui vài bước, tránh chỗ cho đám khách mới đến kéo ghế ngồi

vào xe phở kể bên. Hút tàn thêm một điếu thuốc nữa Duy mới nhận được gói xôi cùng câu xin lỗi lí nhí trong miệng cô gái có đôi mắt thật sắc. Duy nhét gói xôi vào túi áo và thoáng nghe có chút hơi nóng nhe lan vào da thịt. Duy bẻ cao cổ áo, bước những bước đều, chậm. Bóng chàng đổ dài xuống con dốc co ro dưới ánh đèn đường vàng vọt.

Về tới nhà Duy chợt đứng khựng lại. Qua làn kính cửa, bóng ông cụ chủ nhà ngồi thật im, nghiêm trang và thành khẩn bên hang Chúa hài đồng. Cả căn phòng rộng chỉ được soi sáng bằng ánh đèn nhấp nháy của dây bóng nhỏ nhiều màu giăng quanh máng cỏ. Tiếng nhạc Giáng sinh từ nhà bên vọng sang, dường như từ máy truyền hình đài Mỹ,

một ban hợp ca nào đó đang hợp xướng một bản thánh ca hùng tráng nhiều bè quần quít lấy nhau đưa đẩy lẫn nhau mỗi lúc một lên cao, cao vút.

Duy rón rén bước vòng ra phía cửa sau. Chàng tới cái bàn kê trong gian bếp mở gói xôi ra ăn. Từ sáng tới giờ, có lẽ đây là món ăn đầu tiên được lùa vào bao tử Duy. Hăng máy bay dường như đã cố tình quên bữa điểm tâm của chuyến bay sớm và Duy đã ngủ ngon lành qua bữa ăn trưa. Gói xôi tuy kém dẻo cũng đã trở thành quá ngon quá nhỏ. Duy đánh răng rửa mặt thật nhẹ nhàng như e sợ sẽ khua động bầu không khí u trầm thanh khiết của căn nhà đang chìm đắm trong những thanh âm lằng lằng trong vút. Chàng nhẹ

nhàng vào phòng thay quần áo và rót một ly rượu (tôi biết ông kém ngủ, rượu này tôi ép nguyên trái mắc-mắc, có nhiều chất passiflore, ông dùng thử xem ngủ có ngon không) ngửa cổ nốc một hơi dài. Rồi chàng chui nhanh vào trong lớp chăn dày, tắt nốt ngọn đèn nhỏ nơi đầu giường. Chút dư vị của ly rượu còn đọng trên đầu lưỡi chua chua và lạt lẽo khiến Duy có cảm tưởng mình vừa uống thuốc. Chàng muốn ra phòng ngoài uống một hơi rượu mạnh cho trôi đi chút dư vị khó chịu đó nhưng sau rốt chàng vẫn nằm yên trong chăn, không phải vì ngại lạnh nhưng vì e sợ sẽ khua động cơn trầm tư của ông cụ, một sự trầm tư hiển nhiên là thanh thản và biết đâu không ngợp tràn hạnh phúc, – hạnh phúc như một

ân sung, tại sao không ? Duy đặt hai tay lên ngực, biết và tin chắc là đêm nay mình sẽ ngủ thật ngon, không cần những viên thuốc màu hồng, không cần men rượu mạnh, không cần tiếng nhạc ru và không cần ngay cả đến những trang sách với những hàng chữ in chạy dài, nối đuôi nhau chạy dài chạy mãi về một nơi nào vô tận...

*

Duy thức giấc khi chợt chờn thoáng nghe tiếng nước róc rách, tiếng chim chóc chuyền trên các cành cây và từ đâu xa, thật xa, có tiếng động cơ rì rào vọng lại. Ánh dạ quang trên kim đồng hồ chỉ 5 giờ 30, đúng giờ chàng thường

giật mình thức giấc mọi ngày dưới kia. Ở đây thì còn quá sớm để tung chăn vùng dậy, quá sớm và quá lạnh, nhưng rồi trần trọc mãi Duy cũng không tài nào níu kéo được giấc ngủ dở dang. Duy đốt ngọn bạch lập gần sẵn trên mặt bàn nhỏ đầu giường. Anh nhen lung linh hư ảo vừa đủ để Duy nằm nghiêng đọc nốt bài báo bỏ dở hồi trưa. Bài báo thuật lại những bí ẩn ở hậu trường chính trị thời Tổng thống Kennedy, một chi tiết trong bài làm Duy tỉnh ngủ hẳn, cái lệnh rút một ngàn cố vấn và binh sĩ Mỹ ra khỏi Việt nam trước cuối năm 1963, mở đầu cho chính sách tìm cách thoát khỏi cuộc chiến, một cuộc chiến mà Hoa Kỳ sẽ không thể sử dụng những tiềm năng nguyên tử, trên miền đất Á châu xa vời và quá đông dân số,

cái lệnh nghe theo lời khuyên của hai vị danh tướng MacArthur và de Gaulle đã là một trong những nguyên nhân khiến cho Kennedy bị thảm sát tại Texas.

Vốc nước tấp lên mình lạnh như băng giá (hàn thử biểu dường như xuống tới 5 độ đêm qua) toàn thân Duy run lên. Chàng tắm rửa vội vã, choàng thêm áo ấm, ngồi vào bàn xoa tay nhìn đợi từng giọt cà phê chậm chạp rót xuống ly. Ngoài vườn chưa có nắng, cửa kính còn ướt đẫm sương khuya. Tiếng chuông nhà thờ từ sườn đồi bên kia vọng tới, tiếng chuông chiêu dương hay chuông tan lễ sớm Duy cũng không rõ nữa, nhưng tiếng chuông gọi Duy nhớ ra bữa nay là sinh nhật một người bạn

gái. Năm ngoái, cũng ngày này, Duy đã định leo lên máy bay trực thăng bay ra dự lễ sinh nhật của người bạn đó, nhưng cứ nghĩ đến cái thị trấn duyên hải ngợp ngàn nắng lửa, trập trùng cát trắng là Duy lại nản. Giờ này không biết cô bạn đang làm gì. Rất có thể nàng đang ngồi cô đơn bên tách cà phê sớm ngoài hiên nhà hàng La Frégate rục rĩ nắng mai ven bờ biển, chuẩn bị cho một ngày chắc chắn là bận rộn. Pha xong tách cà phê, đốt lên điếu thuốc đầu ngày, Duy rút tờ giấy đặt ngay ngắn trước mặt. Duy có ý định gửi tới cô bạn đang hiện ra trong tâm tưởng chàng, thăm thiết và gần gũi, những lời chúc tụng nhiệt thành nhất. Thật chậm chạp, Duy đặt bút viết nắn nót : thân mến... Có tiếng gõ bên

ngoài cửa kính. Duy đặt bút đứng lên. Ông cụ chủ nhà đứng dưới mé vườn dùng cốc gõ lên mặt cửa.

– Ông Duy, xuống đây ông.

Tiếng gọi lọt qua khe cửa hé mở vội vàng. Duy khoác thêm tấm áo choàng, bước xuống. Nét hớn hờ lộ rõ trên khuôn mặt ông cụ.

– Ông xem, cây có đầu có vô tình, ông lên chơi chẳng phải chỉ mình tôi vui thôi, ông xem, cây hồng này...

Duy nhìn theo bàn tay nhăn nheo, một đóa hồng trắng vừa nở, nổi bật giữa những bông hoa khác màu, cùng giống. Duy vui lây niềm vui của ông cụ, ngồi xuống bên gốc hoa. Cây hồng sao lạ quá, toàn thân

không cái gai. Giống lạ này chẳng hiểu ông cụ đã tốn công phu chuốc tận đâu về, Duy thấy xúc động lạ lùng, ngồi nán bên gốc hoa khá lâu cố ý đợi ông già bỏ đi chỗ khác, tránh không để ông trông thấy cặp mắt mờ đục của chàng.

*

... Đêm nay, trên tấm bánh sinh nhật hẳn sẽ có thêm một ngọn nến. Tôi muốn thay thế ngọn nến đó bằng bông hồng trắng không gai vừa nở trong vườn nhà. Nhưng làm thế nào để gởi Bông hồng tới...

Lá thư viết dở để trên mặt bàn từ sáng. Cho tới buổi chiều, khi nắng hanh vàng rút lần lên ngọn

cây bơ cuối vườn, sương chiều như đang chậm chạp toát lên từ lòng đất, Duy đã mấy lần xuống vườn với cây kéo nhỏ trong tay. Duy định cắt bông hồng trắng bỏ vào bao thư nhờ người chuyển tay tới cô bạn nơi xa thay một tặng vật, một lời chúc mừng sinh nhật nàng. Nhưng sao Duy không làm được việc đó. Lưỡi kéo ngập ngừng trên cọng hoa như ngăn Duy đừng làm một việc trẻ con. Lãng mạn một cách trẻ con, có ai đó một dịp nào đó đã trách Duy như vậy. Không còn lãng mạn được nữa, Duy bước vào tuổi già rồi sao ? Tuổi già rồi sẽ ra sao ? Sẽ là những buổi sớm mai lười lĩnh nằm vùi trong chăn nệm ? Những buổi trưa bắc ghế ngồi hong nắng ngoài hiên ? Những buổi chiều nhàn nha nhỏ

cỏ tìm sâu ? Những buổi tối khật khừ bên những ly rượu lạt lẽo ép từ hoa trái để dỗ dành giấc ngủ, – giấc ngủ, ước vọng sau cùng của con người khi không còn được mơ mộng để thoát ly dù trong khoảng khắc những thực tại phũ phàng, khi bị trói tay xô đẩy tới trước khoảng trống vắng hắt hiu sâu thẳm những mịt mù bóng tối...

*

Duy cúi xuống nhắc túi hành trang, quay lại nắm thật chặt bàn tay ông cụ.

- Sang năm thế nào ông Duy cũng gắng lên chơi ít ngày đấy nhé.
- Thừa cụ vàng, cháu còn biết

đi đâu nữa nếu không lên đây sống gần cụ ít ngày.

Duy bâng khuâng trả lời, không tin hẳn ở điều mình nói.

Ra tới gần cổng, Duy ngoái cổ nhìn lại. Dưới thấp, bông hồng trắng vẫn còn ẻo lả trên đầu ngọn vươn cao lẻ loi dài các lung linh trong cụm nắng vàng lách qua tàng lá cây đào dọi thẳng xuống. Như một ánh đèn sân khấu, ánh đèn sân khấu năm nào dọi xuống đôi dòng lệ trên gò má nàng ca sĩ về chiều. Như một tiếng hát tạ từ, tiếng hát ghen ngào nào tắt đã từ lâu nhưng dư âm còn vang vọng trong hồi tưởng, một hồi tưởng bất chợt thoáng lướt vội vàng.

Khi ra khỏi cổng nhà, nhét hành

trang vào taxi xong, Duy quay lại khép hai cánh cổng nhẹ nhàng cẩn thận. Bất chợt Duy nhận ra đã từ nhiều năm qua đây là lần đầu tiên chàng làm công việc đó. Chậm rãi bước lên xe, Duy đập mạnh cánh cửa xe lại.

Bánh xe lăn nhanh đẩy xa một ý tưởng bầu chặt lấy tâm trí Duy, ý tưởng về một tuổi già tới sớm. Thành phố lùi dần lại phía sau, cánh rừng thông trải dài trước cửa kính xe. Trong ánh nắng chan hòa, cảnh vật sao như mờ hắt đi, như bị bọc trong một màn khói sương lãng đãng vật vờ. Duy buồn bã gỡ mắt kính ra lau, thầm nhủ, ta bước vào tuổi già thật rồi sao ? Tuổi già đến dễ dàng như vậy sao ? như người ta phải thầm đếm những ly

rượu đã uống ? Cần thận giữ một lớp bụi đọng trên thân áo ? Nhẹ nhàng khép một cánh cửa lại phía sau lưng ? Muôn vàn hình ảnh chấp chờn trước mắt giao động trong hồn, tuổi già mới thoáng hiện mà sao đã mung lung và buồn bã lạ, mung lung buồn bã như một tiếng hát lênh đênh ngày một phai tàn những thanh âm réo rắt, như một ráng chiều mây đỏ ngày một lùi sâu trong sương gió nhập nhòa, hay như một định mệnh, ừ, tại sao không, như một định mệnh khó lòng chối bỏ.

Trần Phong Giao

Tìm đọc :

NHÌN MẶT

số đặc biệt Xuân Tân Hợi 1971

CHÚC MỪNG

Được tin anh ĐỖ TƯ NHƠN đã làm lễ thành hôn với chị HỒ THỊ TÚ, ngày 04.01.1971, tại Quảng Trị. Thành thật góp vui và cầu chúc anh chị được trăm năm hạnh phúc.

Vợ chồng Bảo Cự, Nguyễn Đức Trung, Trần Hữu Lục, Phan Văn Liễu; Trần Minh Thảo, Ngụy Ngữ, Cao Văn Chi, Lê Văn Thu, Hoàng Đại Lân.

Hoài Tuyết Trang

Bình thường

tôi ngồi dõi mắt trông theo
dưới hàng là biếc nắng thêu áo
người
trên trời một dải mây trôi
bên tai chim hót giọng cười
thủy tinh.

Say

tôi như một kẻ si tình

yêu người vẽ bóng nặn hình để
yêu

khi vui : hồn nhẹ cánh diều

khi buồn : phách lạc hồn xiêu
cõi nào.

Mộng

mơ về bến cũ trăng sao

thuyền tôi một nhánh cắm sào
đứng trông

sông dài trời cũng mênh mông

thuyền tôi lạc giữa mấy dòng
nước trôi.

Giải đáp thắc mắc

*** Ông Trần Bửu, Kbc 4304,
hỏi :**

Xin ông cho biết xuất xứ và nghĩa của hai câu :

“Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân,
Kỷ sở dục dã khả thi ư nhân”.

(thư ngày 20 tháng 12 năm 1970)

– Trả lời :

Câu trên, chúng tôi tìm thấy trong sách Luận Ngữ.

a) Luận Ngữ, thiên Nhan Uyên,
12 : “Tử viết : xuất môn như kiến

đại tân, sử dân như thừa đại tể, kỷ sở bất dục vật thì ư nhân, tại bang vô oán, tại gia vô oán”. Dịch nghĩa : Khổng Tử nói : Khi ra cửa thì giữ gìn lễ độ như sắp gặp khách quý, xử với dân lúc nào cũng kh-iêm cung như vào nơi tế lễ, điều gì mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho người khác, như thế ở gia đình cũng như ở trong nước, không ai oán mình.

b) Luận Ngữ, thiên Vệ-linh-công, 15 : “Tử Cống vẫn viết : Hữu nhất ngôn nhi khả dĩ chung thân hành chi giả hồ ? Tử viết, Kỳ thứ hồ, kỷ sở bất dục vật thì ư nhân”. Dịch nghĩa : Tử Cống hỏi : Có lời nào có thể đem thực hành suốt đời được không ? Khổng Tử đáp : chỉ có một chữ thứ (thứ : suy bụng ta

ra bụng người) mà thôi, điều gì mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho người ta.

Câu thứ hai trong câu hỏi của ông, chúng tôi tra cứu không ra, mong được vị độc giả nào cao minh chỉ dẫn giùm.

Còn hai câu hỏi sau của ông trong cùng thư dẫn thượng, chúng tôi còn đang tra cứu thêm tài liệu, xin được khất ông tới một kỳ báo sau, chúng tôi sẽ giải đáp ông đăng tường.

*** Trần Kim Tiến, Hội An, hỏi :**

Vừa rồi tôi có nghe một vị giáo sư giảng về bà Đoàn Thị Điểm : ông Đặng Trần Côn, có làm một

bài thơ tỏ tình với bà Đoàn thị Diễm, nhưng vị giáo sư không nhớ nguyên văn bài thơ trên; vì vậy tôi xin ông cho biết rõ nguyên văn bài thơ đó, và những lời hồi âm của bà Đoàn thị Diễm ?

(thư ngày 30 tháng 11 năm 1970)

– Trả lời :

Chúng tôi không tìm ra bài thơ tỏ tình nào của Đặng Trần Côn cả, chỉ biết rằng bà Đoàn đã chê ông Đặng.

Trong cuốn « Giai thoại làng Nho » của ông Lãng Nhân (toàn tập, Nam Chi Tùng thư, Sài Gòn, 1966) có tài liệu như sau.

(...) Thái học sinh Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục, huyện

Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, (Bắc Việt) đưa tặng bà một bài thơ, bà cười nói :

– Trẻ con mới cắp sách đi học, đã biết gì !

Đặng hạm hực ra về, thề quyết học cho thành tài, sẽ đến rửa hận. Gặp lúc chúa Uy Nam vương Trịnh Giang cấm đốt lửa trong thành ban đêm, Đặng phải đào hầm dưới đất, để thắp đèn xem sách. Công phu dùi mài này đã khiến Đặng mấy năm sau trở nên một tay học vấn uyên bác. Đặng soạn cuốn Chinh phụ ngâm khúc bằng Hán văn, lấy làm đặc ý, tìm đến trao cho bà Điểm xem, tin chắc lần này bà không chê nữa. Quả nhiên bà khen hay, và dụng tâm dịch ra quốc âm thành

một áng văn tuyệt diệu.

Dường như bà cũng nhân bản dịch này mà gói ghém đôi lời thăm khen tài Đặng đề chữa lại sự hắt hủi trước, nên hai câu kết của Đặng

*Tương hội, tương kỳ, tương ký
ngôn*

*Ta hồ ! trượng phu đương như
thị*

theo nghĩa là : Cùng gặp gỡ, hẹn hò, cùng gửi lời thiếp mong mỏi. Than ôi, trượng phu nên như thế, bà đã dịch :

Ngâm nga mong gửi chữ tình

*Dường này âu hẩn tài lành trượng
phu!*

Hai chữ tài lành bà thêm vào

như để nhắn tin cho ai, thật là ý nhị, chắc họ Đặng xem cũng phải lấy làm hả lòng.

(Sđd. tr-tr. 91-92)

*** Từ Thạch Thảo, Sài Gòn, hỏi:**

1) Xin ông cho biết ý kiến về Hồ Xuân Hương là người có thật, hay chỉ là người không có thật như những tài liệu ở Đại học Văn Khoa chứng minh ?

2) Tại sao khi Lục Vân Tiên từ giã gia đình người yêu lại thốt lên : “Đại khoa dù đặng, tiểu khoa lo gì ?” Câu trên nghĩa làm sao ?

(thư ngày 26 tháng 12 năm 1970)

– Trả lời :

1) Về Hồ Xuân Hương, bác sĩ Đặng Trần Huân trong cuốn “Introduction à la littérature vietnamienne” vừa phát giác, theo kết quả sưu tầm mới đây thì bà tên thật là Hồ thị Mai, con gái ông Hồ Phi Diễn, gốc gác ở Nghệ An, ra trú ngụ tại Thăng Long, phường Ngõ Huyện. Đề nghị ông tìm xem bài của giáo sư Bùi Hữu Sùng, đăng trên Bách Khoa số 335 (ngày 15-12-1970) sẽ hiểu tường tận hơn.

2) Đại đẳng khoa có nghĩa là thi đỗ; tiểu đẳng khoa, lấy vợ. Câu ông dẫn có nghĩa : thi đỗ rồi thì lo cưới vợ không muộn.

*** Trần Hoài Xuân, Gia Định,
hỏi :**

Rất mong ông cho biết tiểu sử
cụ Huỳnh Thúc Kháng và Dương
Quảng Hàm...

(thư ngày 24 tháng 12 năm 1970)

– Trả lời :

Huỳnh Thúc Kháng trước có
tên là Hanh, hiệu là Minh Viên, bút
hiệu là Sử Bình Tử (1876-1947).
Ông người ở xã Thanh Bình, quận
Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Thuở
nhỏ ông nổi tiếng là người học
giỏi. Người đương thời tặng ông
với các ông Phạm Liệu ở Tường
Giang (Điện Bàn, Quảng Nam), Võ
Hoàng ở Nam Phước (Duy Xuyên),
Nguyễn đình Hiến ở Trung Lộc

(Quế Sơn) là « tứ hùng » của tỉnh Quảng Nam. Vào niên hiệu Thành Thái thứ 12 (1900), ông thi đỗ Giải nguyên (khoa Canh Tý) rồi đến năm 1904, khoa Giáp Thìn, ông thi đỗ Tiến sĩ, ông đã cùng với các bạn đồng chí cầm đầu phong trào kháng thuế ở tỉnh Quảng Nam vào năm Mậu Thân (1908). Ông bị đầy ra Côn Đảo mãi đến năm 1921 mới được tha về. Ông làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ từ năm 1926 đến năm 1928 ông xin từ chức. Trong năm 1927, ông đứng ra xuất bản tờ báo « Tiếng Dân », đó là tờ báo đầu tiên tại Huế nói riêng, và tại miền Trung nói chung. Ông khuếch trương hùn vốn lập công ty mua máy in báo. Đến năm 1943, tờ báo bị đình bản. Thời kỳ Việt Minh lên nắm chính quyền,

ông được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ông mất tại Quảng Ngãi vào ngày 21 tháng 5 năm 1947, và được an táng tại núi Thiên Ấn, cách Quảng Ngãi 4 cây số. Ông có sáng tác những tác phẩm như « Thi tù tùng thoại », « Lịch sử Phan Tây hồ tiên sinh »...

Tài liệu trên đây chép từ cuốn « Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển » của Trịnh Văn Thanh, Văn xuất bản, Sài Gòn, 1966, tr. 531. Muốn tìm hiểu sâu rộng hơn về Huỳnh Thúc Kháng cũng như các tác phẩm của cụ, ông có thể tìm đọc loạt sách do nhà Anh Minh xuất bản tại Huế.

Về Dương Quảng Hàm, chúng tôi đang tìm tài liệu và xin hẹn ông tới một kỳ báo sau.

*** Ông Châu Ky, Ninh Hòa, hỏi:**

1) Xin ông cho biết họa sĩ Trung Hoa chuyên vẽ tranh lên các đồ vật nhỏ bé có phải là Đới Ngoạn Quân không ? Và cho biết thân thế cùng các họa phẩm của ông ta ?

2) Xin cho biết trọn bài thơ « Bến nước Ngũ bồ » cùng xuất xứ bài thơ ấy ?

3) Xin giải nghĩa và cho biết xuất xứ hai câu thơ

“Mỹ nhân hề lâu thượng

Thùy đài hề u song.”

(thư ngày 29 tháng 12 năm 1970)

– Trả lời :

1) Đới Ngoạn Quân là một nhà điêu khắc Trung Hoa danh tiếng chuyên khắc chữ và tranh trên những đồ vật thật nhỏ. Hiện nay mắt ông rất kém, gần như lòa. Về thân thể cùng tác phẩm, mong ông tìm lại một số “Thế giới Tự Do” cũ trong có bài giới thiệu họ Đới.

2) “Bến nước Ngũ Bồ” là một vở kịch thơ dài của Hoàng Công Khanh.

3) Câu ông dẫn có nghĩa « người đẹp ngồi trên lầu, đợi ai bên song cửa ». Về xuất xứ, chúng tôi rất tiếc không đăng rõ.

Nhân đây, xin tin ông rõ là một bạn đọc Văn ở Nha Trang có gửi thư về giải đáp thắc mắc ông hỏi mà chúng tôi đã nêu lên để nhờ

bạn đọc hiểu biết giải đáp giùm, trong văn số 169. Hai câu thơ (“Lai như lưu thủy hề, thệ như phong. Bất tri hà xứ lai, hà sở chung”) là do Kim Dung dẫn trong bộ trường thiên vũ hiệp « Cô gái Đồ Long », gọi là tiểu khúc Ba Tư (nếu chúng tôi không lầm thì Kim Dung đã dịch hoặc dẫn một đoạn do Quách Mạt Nhược dịch trong Quatrains của thi sĩ Ba Tư Omar Kheyyam). Ông có thể gửi 7 đồng tem thư cùng địa chỉ rõ ràng để nhận thư của bạn đọc ẩn danh nọ.

CHÚC MỪNG

Hay tin bạn **HOÀNG XUÂN LỘC** sẽ cùng người đẹp **LÊ NGỌC LIỄU** khởi hành ngày 8-1-1971 (12 tháng Chạp âm lịch) tại Vĩnh Bình để tìm về chân Hạnh phúc. Thành thật chúc vui.

Tùng, Châu, Hải,
Nguyễn, Hà, Vĩnh.

mở đầu chương trình
giới thiệu
những tác giả và tác phẩm
lớn nhất
của văn chương tiểu thuyết
Việt Nam hiện đại

Nhà xuất bản NGUYỄN
ĐÌNH VƯỢNG

sau mấy năm tạm ngừng,
trang trọng giới thiệu :

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài của MAI THẢO

Một truyện tình tuyệt vời

lôi cuốn từ trang đầu tới
trang chót

bằng một bút pháp độc đáo
:

bút pháp của MAI THẢO

Đã phát hành toàn quốc

tin văn văn

Nhà văn Việt Nam được mời

SAIGON 24-12,- Ủy ban Giải thưởng Nobel thuộc Hàn lâm viện Thụy Điển vừa chính thức gửi văn thư cho Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam, yêu cầu trung tâm đề nghị một ứng cử viên Việt-nam tham dự giải thưởng Văn chương Nobel 1971. Được biết đây là lần đầu tiên các nhà văn Việt Nam được mời tham dự một giải thưởng quốc tế danh tiếng như vậy. Ủy ban Nobel cũng lưu ý ông Chủ tịch TTVB-VN một khi đề nghị một nhà văn nào tham dự giải thưởng phải giữ

bí mật không được công khai tiết lộ danh tánh.

Linh mục Thanh Lãng, Chủ tịch TTVBVN đã cho biết, Hội sẽ nghiên cứu và bàn thảo kỹ trước khi chọn lựa tác phẩm gửi qua Thụy Điển vì đây là vấn đề quan trọng liên hệ đến danh dự của quốc gia cũng như văn giới Việt Nam.

Sau khi bản tin trên được loan truyền, anh bạn Ký giả Lô Răng đã viết hai bài « Tạp ghi » trên nhật báo Tiền Tuyến nêu ra những khó khăn trong việc tuyển chọn, phiên dịch, giới thiệu nhà văn « ứng cử viên ». Cho tới nay, Linh mục Chủ tịch TTVBVN vẫn chưa thấy lên tiếng trả lời. Anh chị em trong họ ngoài làng xem chừng có ý mong

chờ Ngài giải đáp những « vấn nạn » mà Ký giả Lô Răng đã nêu ra một cách khá chân thành và bộc trực.

Hoạt động của Hội Văn Bút

Trong 12 bộ môn thuộc Giải thưởng Văn học Nghệ thuật của Tổng thống VNCH, cho tới nay mới chỉ có bộ môn Nhiếp ảnh loan báo kết quả. Những bộ môn khác, chắc phải chờ tới ngày hạn định : 15 tháng 1 năm 1971. Hiện Ban Giám khảo đang làm việc gấp rút, nhưng hầu như không có tin tức nào được tiết lộ.

Trung tâm Văn Bút Việt Nam thì sẽ tổ chức một buổi lễ trao tặng giải thưởng vào hồi 18 giờ thứ sáu

8 tháng 1 tới đây, tại thính đường Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn.

Được biết giải thưởng của TTVBVN năm nay tổ chức cho hai bộ môn : Thi ca và Nghiên cứu Lịch sử. Ban Giám khảo đã quyết định trao tặng các giải như sau :

1) Bộ môn Thi ca, không có giải nhất. Hai giải nhì đồng hạng (mỗi giải 50.000\$00) về tay Tường Linh (với tác phẩm « Sầu tuổi đá ») và Hoàng Lộc (với tác phẩm « Trái tim còn lại »).

2) Bộ môn Nghiên cứu Lịch sử, một giải khuyến khích duy nhất (30.000\$00) về tay Lê Hương (với tác phẩm « Lịch sử người Việt ở Kampuchéa »).

Hỏi thăm một vị trong Ban Giám khảo, chúng tôi được biết bộ môn Thi ca có trên hai chục tác phẩm gửi tới dự thí. Hỏi trên hai chục là bao nhiêu, 21 ? 29 ? thì vị đó chỉ cười cười không đáp. Về bộ môn Nghiên cứu Lịch sử, theo vị đó, « số lượng bản thảo gửi đến dự thí có phần ít ỏi ». Lại hỏi ít ỏi là bao nhiêu, 2 ? 5 ? Vị nọ lại cũng cười cười không đáp.

Một chuyện bên lề khác của Giải thưởng Văn Bút là chuyện «... một ông chủ tiệm vàng lớn ở đường Tự Do thấy món tiền thưởng của Hội Văn Bút quá ‘thanh đạm’ trong thời kiệm ước song hành này, nên đã có nhã ý tặng 100 ngàn thêm vào 2 giải... (Bách Khoa số 336). Nghe đâu, vị Mạnh thường Quân này là

ông Nguyễn Thế Năng. Số tiền ông tặng đã được TTVBVN hoan hỉ đón nhận. Một phần được tặng thêm cho các giải thưởng, một phần được tặng khoản thù lao cho quý vị trong Ban Giám khảo, và phần còn lại được dùng để tổ chức một tiệc trà thanh đạm thân mật ngay sau khi buổi lễ phát giải thưởng kết thúc.

Về phía các vị được tặng giải, mới đầu, sau khi kết quả được loan báo, có tin đồn nhà thơ Tường Linh, vì một lý do nào đó, định từ chối không nhận giải, nhưng nay thì ông đã ưng thuận nhận rồi.

Giải thưởng của TTVBVN tổ chức, tuy không long trọng và kém hào hứng, nhưng đã và sẽ được

diễn ra một cách ổn thỏa, vui vẻ cả...

Một tuần sau, vào hồi 10 giờ sáng chủ nhật 17 tháng 1 năm 1971, Trung tâm Văn Bút Việt Nam sẽ tổ chức một buổi nói chuyện tại thính đường Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn.

Diễn giả là nhà văn Toan Ánh, sẽ nói về đề tài « Cái xấu của phái đẹp ».

Lời kêu cứu cuối năm

Khi thấy được Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa chọn và giao cho đăng bản thể lệ Giải

thường Văn học Nghệ thuật của Tổng thống VNCH và Giải thưởng Dịch thuật của Phủ QVK ĐTVH, Văn mừng lắm, bèn đăng ngay, đăng đầy đủ nhanh chóng các bản văn chính và bản văn bổ túc. Đăng xong làm hóa đơn lên xin tiền và đợi đã hơn tháng nay vẫn chưa thấy tăm hơi. Hỏi thăm thì phòng này đẩy sang phòng kia, chao ôi, đã tốn hao khá bộn thì giờ, điện thoại và xe cộ.

Ngài Quốc vụ khanh vốn nổi tiếng vì chính sách « văn hóa tà tà ». Làm văn hóa tà tà thì không sao, nhưng trả tiền đăng quảng cáo mà cũng tà tà như rửa thì chết anh em nhà báo, nhất là báo văn nghệ ngèo như Văn. Dám mong Ngài bớt tà tà chút xíu để tết này chúng tôi có lấy một vài ngày tạm quên được

cái nổi khổ của kiệm-ước-song-hành. Mong lắm thay và trông đợi lắm thay !

Sắp phát hành

NƯỚC MẮT
CHO QUÊ HƯƠNG

thi phẩm thứ hai của
LÊ MINH NGỌC

(giải thưởng Văn học Nghệ thuật
67-69)

LỬA THIÊNNG xuất bản

Yukio Mishima

KIM CÁC TỰ

bản dịch của

Đỗ Khánh Hoan và

Nguyễn Tường Minh



KIM CÁC TỰ có chung quanh nó hào quang phũ phàng say đắm của không khí Dostoievsky. Những sự chiến đấu quằn quại dây dưa với những nghi vấn thiên thu đã gọi

lại cho ta thế giới Dostoievsky. Tuy nhiên đó là quyển tiểu thuyết mà chỉ có một con người thuộc một chủng tộc được nuôi dưỡng từ di sản văn hóa Phật giáo mới có thể trước tác một văn phẩm kỳ dị cao thượng như vậy...

Sách do nhà An Tiêm xuất bản, nhà Đồng Nai tổng phát hành



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

* VÒNG ĐAI XANH, Ngô Thế Vinh, Thái Độ xuất bản. Sách dày 250 trang, giá 240 đồng.

Tác phẩm thứ tư của Ngô Thế Vinh là một tiểu thuyết. Bìa Ng-hiêu Đề.

* VIỆT NAM QUÂN CHÍNH TÂN THƯ, Lam Giang và Vũ Tiến Phúc,

Khởi Hành xuất bản. Sách dày 240 trang, giá 200 đồng.

Sách khảo luận chính trị. Quyền thượng.

* TINH THẦN, Nha Tuyên úy Công giáo. Số 103-104, dày 128 trang, ấn phẩm công.

Bán nguyệt san thông tin và truyền bá giáo lý. Số đặc biệt mùa Giáng sinh 1970.

* ĐỒNG QUÊ, Phi Vân, Lửa Thiêng tái bản. Sách dày 236 trang; giá 250 đồng.

Phóng sự, giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ, Sách tái bản lần thứ năm, đã từng được dịch sang tiếng Trung Hoa.

* ĐIỀU BUỒN HỌC TRÒ, Trắc
Thập Tự, Niềm Tin xuất bản. Sách
dày 32 trang khổ nhỏ, giá 40 đồng.

Thi phẩm gồm khoảng hai mươi
bài thơ. Bìa Đình Tiến Luyện.

* THAM DỰ, Ánh Thơ Đêm ấn
hành, dày 46 trang lớn, giá 60
đồng.

Tập san của những người viết
trẻ. Liên lạc : Trần Mộng Hoàng
(Văn Huôi) số 45 (59 cũ) Hùng
Vương, Vĩnh Long.

* TIẾNG GIÓ NỬA ĐÊM, Phan
Phụng Văn, Tác giả xuất bản. Sách
dày 80 trang, giá 120 đồng.

Tập truyện gồm mười lăm
truyện ngắn.

* SẮC LÁ, Phan Phụng Văn, Tác giả xuất bản. Sách dày 60 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm gồm ba mươi lăm bài thơ. Liên lạc : cô Phan thị Hộ, D-14/2 Trương Huệ, Tây Ninh.

* NHỮNG MẢNH TRỜI KHÁC BIỆT, 9 tác giả, Lý Tường xuất bản. Sách dày 192 trang, giá 200 đồng.

Tuyển tập văn xuôi của 9 nhà văn không quân : Dương Hùng Cường, Đào vũ Anh hùng, Đặng Trần Dưỡng, Huy Sơn, Lê Bá Định, Phùng Ngọc Ẩn, Minh Triệu, Phùng Thế Hải và Trần Viễn Phương.

*TIẾNG DÂN TRONG THỜI LOẠN, Long Nga Trần Như Nguyễn, An Lạc xuất bản. Sách dày 264

trang, giá 200 đồng.

Sách gồm 15 bài báo viết về nhiều đề tài, trước đây đã đăng trên một số nhật báo và tạp chí.

* MÙA THU TRỒNG TRÁI, Mang Viên Long, Nhị Hồng xuất bản. Sách dày 116 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tác phẩm thứ hai của Mang Viên Long là một tập gồm 6 đoản thiên, Bìa Lâm Triết.

* THUẬT TRỊ NƯỚC TẠI LIÊN SÔ, Merle Fainsod, Đặng Tâm dịch, Dịch giả xuất bản. Sách dày 490 trang + 46 trang phụ lục, bản đặc biệt không ghi giá bán.

Bản dịch cuốn « How Russia is Ruled », một công trình nghiên

cứu nghiêm túc và phong phú về chánh quyền xô-viết, khởi từ ngày cách mạng tới nay. Sách do Nguyễn Mạnh Côn viết bài giới thiệu. Phụ lục của Sidney I. Ploss : « Những vấn đề chính trị trong điện Cẩm Linh ».

* HỒI KÝ CỦA NÀNG HÒA BÌNH, Nguyễn Thùy, Thời Gian xuất bản. Sách dày 118 trang, giá 160 đồng.

Chuyện kể có ẩn dụ về khát vọng hòa bình của thanh niên Việt Nam.

* KIM CÁC TỰ, Yukio Mishima. Đỗ Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh dịch. An Tiêm xuất bản. Sách dày 432 trang, giá 400 đồng.

Bản dịch cuốn “Kinkajuki”, tác

phẩm được coi như tiêu biểu của nhà văn lớn Nhật bản Yukio Mishima vừa mổ bụng tự sát theo nghi thức Võ sĩ đạo (1925-1970). Sách đã bán hàng triệu cuốn và được dịch sang nhiều ngoại ngữ.



* Một độc giả ở Đà Lạt.

Đề nghị bạn biên thư hỏi đồng nghiệp chúng tôi là “Thời Nay” số 217 đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Bán nguyệt san này có mục bưu hoa.

* Lâm Anh, Láng Tròn.

Rất tiếc không giúp được việc bạn yêu cầu. Bạn có thể biên, thư hỏi mua nơi nhà xuất bản Tinh Hoa, 51 Trần Hưng Đạo, Sài Gòn.

* Trương Xuân Mẫn, Đà Nẵng

Xin xem bản Mục lục đăng trong Văn số 168 sẽ rõ,

* Bội Lan, Gia Định.

1) Nhằm ngày thứ tư 30 tháng 1 năm 1940. Sau Ất Dậu là Bính Tuất. 2) Xin đề nghị bạn biên thư hỏi ban Tâm lý chiến Bộ Tư lệnh Hải quân, bến Bạch Đằng, Sài Gòn.

* Phan Như Vạn, Qui Nhơn.

1. Rabindranath Tagore sanh tại Calcutta, Ấn Độ (1861-1941), giải Nobel về Văn-chương năm

1913. Bạn có thể xem lại Văn số 15 (1.8.1964) là số đặc biệt về Tagore. 2) Chúng tôi không được biết gì về TTB cả. 3) PCT hiện dạy ở Viện Đại học Vạn Hạnh và thường hay xuất ngoại vì công vụ.

* Hồ Thị Hoàng Mai, Phú Nhuận.

1) Xin cô cho biết có phải tập “Mưa nguồn” của Bùi Giáng để chúng tôi tiện tra cứu ? 2) Cô có thể gửi thư về tòa soạn, kèm 7 đồng tem thư đề tòa soạn chuyển theo.

* N.H.T., An-giang.

Thưa ông không. Tự hậu, xin ông tránh giùm « ngoại lệ ». Đa tạ.

* Hồ Trọng Ta, Cam Ranh.

Thư gửi em bị phát hoàn vì «

nhà trường không nhận thư của học sinh ».

ĐÍNH CHÍNH CẦN THIẾT :

Trong VĂN số 168, Bản Mục lục sách báo đã xuất bản, nơi trang 114, dòng thứ nhất, giá báo trọn bộ TÂN VĂN (22 số) đã in làm là 460 đồng. Thật ra, giá trọn bộ TÂN VĂN (22 số) là 650 đồng.

Vậy, bạn đọc đặt mua trọn bộ TÂN VĂN (22 số) xin vui lòng trả 650 đồng. Ở xa, xin gửi thêm 190 đồng cước phí (máy bay/bảo đảm).

Chân thành cáo lỗi và cảm ơn quý bạn.

Ty Trị sự VĂN

NHẮN TIN RIÊNG :

* Cùng các văn hữu, thân hữu, khắp nơi.

Vũ Hoàng Chương (làm thơ và dạy học) đã dời chỗ ở. Địa chỉ mới : Đường Vườn Chuối (Phan Đình Phùng) Lô 29/5, Sài Gòn.

* Phạm Cao Hoàng, Tuy Hòa.

Mong bạn trả lời thư chúng tôi đã gửi bạn ngày 20.11.1970.

* Anh Đinh Cường, Huế.

Sách tôi đã phát hành. Rất mong tin anh, về địa chỉ 50 Phan Đình Phùng, Biên Hòa (Nguyễn Tất Nhiên cây đăng)

NHẪN TIN CHUNG :

Quý bạn : Thượng Thuật, L (tl), L-V-T, P-N-L, L-M-T, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thiếu Nhẫn; H-X-S, Lê Văn Trung, Nguyễn Minh Nữu, Trần Dza Lữ, Lê Thanh Xuân, L-H-D, Hà Nghiêu Bích, Bùi Nghi Trang, K-K-K.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

* VĂN

Quý bạn : Giang Mộng Thanh.
Trường Giang. Thạch Sùng Anh.
Phan Thành Lợi. Vũ Huy Lộc. Phạm
Thanh Bình.

* THƠ

Quý bạn : Trịnh Nguyên. Mặc Sĩ

Luân. Thanh Điệp. Lưu Đức Hoàn.
Trần Tuấn Khoa (2). Kỳ Đồng Tử.
Vương Vương. Lệ Trung. Dạ Điền
Du. Thiên Lang. Hồ Thanh Quang.
Trương Thái Quì. Lê Hà Bắc. Hà Đức
Thông. Thái Tiên. Trần Cỏ Sương.
Hoàng Văn Vĩnh. Trần Văn Phý. Văn
Viết Kỳ. Trần Kha Di. Thái Đào (2).
Mai Xuân Thảo. Cao Ngọc Sáng. Lê
Kỳ Hóa . Diễm Đình. Trần Vị Cung
Thy. Sương-đương-hạ Hồ Thi Phát.
Nguyễn Tấn Thành. Trần Anh. Vũ
Anh Cương. Dạ Điền Du. Huyền
Huyền Thạch. Trung Hải Hoài Ly
Tao. Dự Ly. Đoàn Minh Dương
Thành Quang. Trần Ngọ Kim. Châu
Phước Kim. Văn Gia Tịnh. Dương
Trung. Trần Sơn Tịnh. N-T-V. Vạn
lý Trường Thành. Đập Đá.

Ban Tuyển-đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những bài lai cáo của quý bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

Đã phát hành toàn quốc

Một cuốn tiểu thuyết đã làm chấn
động văn đàn Nga-xô của nhà văn
đoạt Giải Nobel 1970 :

ALEKSANDR SOLZHENIT-
SYN

MỘT NGÀY TRONG ĐỜI

IVAN ĐÊNIXÔVITCH

bản dịch của THẠCH CHƯƠNG
và TRẦN LƯƠNG NGỌC
NGUỒN SỐNG xuất bản

đã phát hành :

Y UYÊN

CHIẾC XƯƠNG LÁ MỤC

tập truyện

tác phẩm chọn lọc của nhà văn

tài cao mệnh yếu

Nguyệt san TÂN VĂN số 33

tháng 1 năm 1971

